

TẠNG LUẬT

PHÂN TÍCH
GIỚI TỶ KHUƯ NI

TẠNG LUẬT

PHÂN TÍCH GIỚI TỶ KHUU NI

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán,
đấng Chánh Biến Tri!

1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKĀ*

1. 1. ĐIỀU *PĀRĀJIKĀ* THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Sāḷ ha cháu trai của Migāra¹ có ý định xây

¹ *Migāranattā*: Dịch theo từ sẽ là “cháu trai của Migāra,” và bà Visākhā là mẹ của Migāra (*Migāramātā*), nên Sāḷ ha sẽ là cháu cố của bà Visākhā. Tuy nhiên, ngài Buddhaghosa giải thích rằng chữ ở giữa (*mātā*) đã bị bỏ sót nên cần phải hiểu rằng: “*Migāramātuyā pana*

dựng trú xá cho hội chúng tỳ khuru ni. Khi ấy, Sāl ha cháu trai của Migāra đã đi đến gặp các tỳ khuru ni và nói điều này: - “Thưa các ni sư, tôi muốn xây dựng trú xá cho hội chúng tỳ khuru ni. Hãy giao cho tôi vị tỳ khuru ni là vị phụ trách công trình mới.” Vào lúc bấy giờ, có bốn chị em đã xuất gia nơi các tỳ khuru ni là: Nandā, Nandavatī, Sundarīnandā, Thullanandā. Trong số các cô ấy, tỳ khuru ni Sundarīnandā đã xuất gia lúc còn trẻ, đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, trí tuệ, kinh nghiệm, thông minh, sắc sảo, cần cù, biết cách suy xét tính toán, có khả năng để xây dựng, có khả năng để hoàn thành công việc ấy. Khi ấy, hội chúng tỳ khuru ni đã chỉ định tỳ khuru ni Sundarīnandā làm vị phụ trách công trình mới rồi đã giao cho Sāl ha cháu trai của Migāra. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Sundarīnandā thường xuyên đi đến nhà của Sāl ha cháu trai của Migāra (nói rằng): - “Hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục.” Sāl ha cháu trai của Migāra cũng thường xuyên đi đến chỗ ngụ của các tỳ khuru ni để biết được việc đã làm xong hoặc chưa làm xong. Do sự thường xuyên gặp gỡ, hai người đã sanh tâm quyến luyến. Khi ấy, Sāl ha cháu trai của Migāra trong khi không có được cơ hội để gần gũi thân mật với tỳ khuru ni Sundarīnandā nên đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng tỳ khuru ni chính vì mục đích ấy. Khi ấy, Sāl ha cháu trai của Migāra trong khi xếp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn (nghĩ rằng): “Chừng

nattā hoti” nghĩa là cháu trai (nội hoặc ngoại) của Migāramātā tức là bà Visākhā (VinA. iv, 900).

này vị tỳ khuru ni là thâm niên hơn ni sư Sundarīnandā” rồi đã sắp xếp chỗ ngồi phía bên này, “Chùng này vị là trẻ hơn” rồi đã sắp xếp chỗ ngồi ở phía bên kia, và đã sắp xếp chỗ ngồi cho tỳ khuru ni Sundarīnandā ở góc tường là nơi đã được che khuất. Như thế, các tỳ khuru ni trưởng lão có thể tin rằng: “Cô ta đang ngồi ở chỗ các tỳ khuru ni mới tu,” còn các tỳ khuru ni mới tu có thể tin rằng: “Cô ta đang ngồi ở chỗ các tỳ khuru ni trưởng lão.”

2. Sau đó, Sāḷ ha cháu trai của Migāra đã cho người thông báo thời giờ đến hội chúng tỳ khuru ni rằng: - “Thưa các ni sư, đã đến giờ, bữa ăn đã chuẩn bị xong.” Tỳ khuru ni Sundarīnandā đã xét đoán rằng: “Sāḷ ha cháu trai của Migāra đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng tỳ khuru ni không phải vì phước báu, anh ta có ý muốn gần gũi thân mật với ta; nếu ta đi thì ta sẽ bị mất phẩm giá!” nên đã bảo vị tỳ khuru ni học trò rằng: - “Hãy đi và mang thức ăn về cho ta. Và ai hỏi ta thì cho hay rằng: ‘Cô bị bệnh.’” - “Thưa ni sư, xin vâng,” vị tỳ khuru ni ấy đã trả lời tỳ khuru ni Sundarīnandā.

3. Vào lúc bấy giờ, Sāḷ ha cháu trai của Migāra đứng ở bên ngoài cánh cổng ra vào hỏi han về tỳ khuru ni Sundarīnandā rằng: - “Thưa ni sư, ni sư Sundarīnandā ở đâu? Thưa ni sư, ni sư Sundarīnandā ở đâu?” Khi được nói như thế, vị tỳ khuru ni học trò của tỳ khuru ni Sundarīnandā đã nói với Sāḷ ha cháu trai của Migāra điều này: - “Này đạo hữu, (ni sư) bị bệnh. Tôi sẽ mang thức ăn về.” Khi ấy, Sāḷ ha cháu trai của Migāra (nghĩ

rằng): “Sở dĩ ta đã làm bữa trai phạn nhằm lợi ích cho hội chúng tỳ khuru ni có nguyên nhân là ni sư Sundarīnandā” nên đã ra lệnh cho mọi người rằng: “Hãy dâng bữa trai phạn đến hội chúng tỳ khuru ni,” nói xong đã đi đến chỗ ngụ của các tỳ khuru ni.

4. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Sundarīnandā đứng ở bên ngoài cổng ra vào tu viện trông ngóng Sāḷ ha cháu trai của Migāra. Rồi tỳ khuru ni Sundarīnandā đã nhìn thấy Sāḷ ha cháu trai của Migāra từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã đi vào tu viện trùm y kín đầu rồi nằm xuống ở chiếc giường. Sau đó, Sāḷ ha cháu trai của Migāra đã đi đến gặp tỳ khuru ni Sundarīnandā, sau khi đến đã nói với tỳ khuru ni Sundarīnandā điều này: - “Thưa ni sư, có phải ni sư không được khoẻ? Sao lại nằm?” - “Này đạo hữu, bởi vì điều ấy là như vậy! Là khi nàng thích chàng mà chàng lại không thích!” - “Thưa ni sư, sao tôi lại không thích ni sư được? Ngặt là tôi không có được cơ hội để gần gũi thân mật với ni sư.” Rồi Sāḷ ha cháu trai của Migāra nhiễm dục vọng đã thực hiện việc xúc chạm cơ thể với tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng.

5. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ yếu đuối già cả bị bệnh ở bàn chân đang nằm không xa tỳ khuru ni Sundarīnandā. Vị tỳ khuru ni ấy đã nhìn thấy Sāḷ ha cháu trai của Migāra nhiễm dục vọng đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, sau khi thấy mới phàn nàn phê phán chê bai rằng:

- “Vì sao ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?”

6. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?” Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các vị tỳ khuru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản phê phán chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, thật không đúng đắn đối với tỳ khuru ni Sundarīnandā, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại ưng thuận

việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Nay các tỳ khuru, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau đó, khi đã khiển trách tỳ khuru ni Sundarīnandā bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hòa nhã, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã thuyết Pháp thích đáng và phù hợp cho các tỳ khuru rồi đã bảo các tỳ khuru rằng:

8. - “Nay các tỳ khuru, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khuru ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những tỳ khuru ni ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru ni hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh

Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào nhiễm dục vọng ưng thuận sự sờ vào hoặc sự vuốt ve hoặc sự nắm lấy hoặc sự chạm vào hoặc sự ôm chặt của người nam nhiễm dục vọng từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên, vị ni này cũng là vị phạm tội pārajika, không được cộng trú, là người nữ có liên quan đến phần trên đầu gối.”

9. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào có mối quan hệ như vậy, có giai cấp như vậy, có tên như vậy, có họ như vậy, có giới hạnh như vậy, có trú xứ như vậy, có hành xứ như vậy, là vị trưởng lão ni (trên mười năm), mới tu (dưới năm năm), hoặc trung niên (trên năm năm); vị ni ấy được gọi là ‘vị ni nào.’

Tỳ khuru ni: ‘Người nữ đi khất thực’ là tỳ khuru ni. ‘Người nữ chấp nhận việc đi khất thực’ là tỳ khuru ni. ‘Người nữ mặc y đã được cắt rời’ là tỳ khuru ni. Là tỳ khuru ni do sự thừa nhận. Là tỳ khuru ni do tự mình xác nhận. Là tỳ khuru ni khi được (đức Phật) nói rằng: ‘Này tỳ khuru ni, hãy đi đến.’ ‘Người nữ đã tu lên bậc trên bằng Tam Quy’ là tỳ khuru ni. ‘Người nữ hiền thiện’ là tỳ khuru ni. ‘Người nữ có thực chất’ là tỳ khuru ni. ‘Người nữ Thánh hữu học’ là tỳ khuru ni. ‘Người nữ Thánh vô học’ là tỳ khuru ni. ‘Người nữ đã được tu lên bậc trên bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư không sai sót, đáng được duy trì với cả hai hội chúng có sự hợp nhất’ là tỳ khuru ni. Ở đây, vị tỳ khuru ni

đã được tu lên bậc trên bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư không sai sót, đáng được duy trì với cả hai hội chúng có sự hợp nhất, vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Nữ) nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

(Nam) nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải Dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng thực hiện việc xúc chạm cơ thể.

Từ xương đòn (ở cổ) trở xuống: là phía dưới xương đòn (ở cổ).

Từ đầu gối trở lên là phía trên đầu gối.

Sự sờ vào nghĩa là việc được cọ xát vào.

Sự vượt ve nghĩa là sự di chuyển từ chỗ này qua chỗ khác.

Sự nắm lấy nghĩa là việc được nắm lấy.

Sự chạm vào nghĩa là việc được đụng vào.

Hoặc ưng thuận sự ôm chặt: sau khi nắm lấy phần thân thể rồi ưng thuận việc ôm chặt vào.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.¹

Là vị phạm tội *pārājika*: cũng giống như người đàn ông bị chặt đứt đầu không thể sống bám víu vào thân thể ấy; tương tự như thế, vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự sờ vào hoặc sự vuốt ve hoặc sự nắm lấy hoặc sự chạm vào hoặc sự ôm chặt của người nam nhiễm dục vọng từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi 'là vị phạm tội *pārājika*.'

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn *Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là 'không được cộng trú.'

Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai², vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ

¹ Tính luôn các tỳ khuru ni đã vi phạm bốn điều *pārājika* đã được quy định chung với tỳ khuru nên gọi là các vị ni trước đây (VinA. iv, 901).

² Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai: Vấn đề vị tỳ khuru ni hay đối tượng nam là người thực hiện hành động thật sự làm chúng tôi bối rối. Bản dịch của Cô I.B. Horner ghi rõ chính vị tỳ khuru ni là người thực hiện các hành động sờ vào, vuốt ve, v.v... ở trên cơ thể của phái nam. Trái lại, chúng tôi đã xem xét kỹ các đoạn văn *Pāṭi* về nhiều phương diện: văn phạm, ngữ cảnh, thành ngữ, và xác định rằng các hành động trên là của phái nam. Như ở trong câu chuyện mở đầu,

đầu gối trở lên thì phạm tội *pārājika*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *thullaccaya*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội *thullaccaya*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào vật được gắn liền với (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *thullaccaya*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội

tỳ khuru ni Sundarīnandā chỉ tiếp nhận và ưng thuận (*sādiyati*) hành động từ phía đối tượng người nam thay vì thực hiện (*samāpajjati*): chú ý so sánh sự khác biệt của hai nhóm từ “*purisapuggalassa kāyasaṃsaggam*” và “*mātugāmena saddhiṃ kāyasaṃsaggam*.” Hơn nữa ở phần quy định điều học, từ *sādiyeyya* (đồng ý, chấp thuận, thích thú, ...) cũng đã được sử dụng; nếu vị tỳ khuru ni là người tạo tác, các động từ được dùng phải là *āmaseyya*, *parāmaseyya*, ... Vấn đề ở đây là căn cứ vào văn phạm thì không thể xác định được giới tính nam hay nữ trong câu văn; điều này hiếm khi xảy ra đối với loại ngôn ngữ này. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng vị tỳ khuru ni sờ vào thân người nam hay ưng thuận việc người nam sờ vào thân (của mình) cũng bị phạm tội tương đương tùy theo vị trí sờ vào ở trên thân thể (VinA. iv, 901). Như vậy, câu văn ở trên có thể hiểu theo hai cách, và điều quy định này cần hiểu luôn cả hai khía cạnh: *vị tỳ khuru ni ưng thuận hành động của phái nam hoặc chính vị ni thực hiện các hành động trên*. Chúng tôi ghi nhận theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa nên dùng chữ “vị” và “(đối tượng) không xác định giới tính,” quý độc giả nên hiểu cả hai cách.

dukkat a. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkat a.* Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkat a.* Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkat a.* Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkat a.* Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkat a.*

Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía,¹ vị dùng

¹ Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía: Cô I.B. Horner dịch rằng người thực hiện hành động là vị tỳ khuru ni. Về điểm này, văn phạm cũng không xác định rõ giới tính. Ngài Buddhaghosa giải thích là cả hai trường hợp như đã được ghi ở trên. Chúng tôi xin phân tích thêm như sau: Trường hợp vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng và chủ động thì phạm tội theo quy định; trường hợp người nam nhiễm dục vọng sờ vào cơ thể của vị tỳ khuru ni, nếu vị tỳ khuru ni không ưng thuận thì không phạm tội như đã được xác định ở phần ‘không phạm tội’ ở đoạn kết. Từ *avassute* được hiểu là danh tính từ, trung tánh, định sở cách, số ít. Qua hai đoạn văn đầu có thể nghĩ rằng vị tỳ khuru ni đóng vai trò thụ động, nhưng từ đoạn văn thứ ba trở đi tuy không thể xác định rõ ràng được giới tính qua văn phạm nhưng việc vị tỳ khuru ni đóng vai trò chủ động được thể hiện qua ngữ cảnh; có lẽ đây là điểm để cô I.B. Horner xác định lỗi dịch của cô. Trái lại, chúng tôi ghi nghĩa theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa vì nó

thân sờ vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên thì phạm tội *thullaccaya*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị sờ vào vật (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭa* a.

bao quát được mọi tình huống có thể xảy ra trong trường hợp này, nghĩa là dầu cho vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng, có sự ưng thuận, dầu là chủ động hay thụ động trong khi tiếp xúc thân thể với người nam ở phần thân từ xương đòn (ở cổ) trở xuống và từ đầu gối trở lên đều phạm tội *pārajika*.

tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai, đối với Dạ-xoa nam hoặc ma nam hoặc thú đực, vị dùng thân sò vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên, thì phạm tội *thullaccaya*. Vị dùng thân sò vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sò vào thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sò vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sò vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sò vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sò vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng thân sò vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng thân sò vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sò vào thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sò vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sò vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sò vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sò vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía, vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng thân sờ vào thân (đối tượng) từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân (đối tượng) bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị sờ vào vật (đối tượng) ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *dukkaṭ a*.

Không cố ý, vị ni thất niệm, vị ni không hay biết,¹ vị ni không ưng thuận, vị ni bị điên, vị ni có tâm bị rối loạn, vị ni bị thọ khổ hành hạ, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Dứt điều *pārājika* thứ nhất.

--ooOoo--

¹ *asatiyā*: vị ni thất niệm nghĩa là tâm đang bận suy nghĩ việc khác, *ajānantiyā*: vị ni không biết đây là người nam hay người nữ (VinA. iv, 902).

1. 2. ĐIỀU *PĀRĀJIKĀ* THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khưu ni Sundarīnandā đã mang thai bởi Sāḷha cháu trai của Migāra. Khi bào thai còn non tháng, cô ta đã che giấu. Khi bào thai đã được tròn tháng, cô ta đã hoàn tục và sanh con. Các tỳ khưu ni đã nói với tỳ khưu ni Thullanandā điều này: - “Này ni sư, Sundarīnandā hoàn tục không bao lâu đã sanh con. Không lẽ cô ta đã mang thai ngay khi còn là tỳ khưu ni?” - “Này các ni sư, đúng vậy.” - “Này ni sư, vì sao cô biết vị tỳ khưu ni đã vi phạm tội *pārājika* lại không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm?” - “Điều không đức hạnh nào của cô ấy, điều không đức hạnh ấy là của tôi. Điều ô danh nào của cô ấy, điều ô danh ấy là của tôi. Điều không vinh dự nào của cô ấy, điều không vinh dự ấy là của tôi. Điều thất lợi nào của cô ấy, điều thất lợi ấy là của tôi. Này các ni sư, tại sao tôi lại thông báo cho những người khác về điều không đức hạnh của bản thân, về điều ô danh của bản thân, về điều không vinh dự của bản thân, về điều thất lợi của bản thân?”

2. Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā trong khi biết vị tỳ khưu ni đã vi phạm tội *pārājika* lại không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe

nói tỳ khuru ni Thullanandā trong khi biết vị tỳ khuru ni đã vi phạm tội *pārajika* vẫn không tự chính mình khiến trách cũng không thông báo cho nhóm, có đúng không vậy?" - "Bạch Thế Tôn, đúng vậy." Đức Phật Thế Tôn đã khiến trách rằng: —nt— Đây các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā trong khi biết vị tỳ khuru ni đã vi phạm tội *pārajika* vẫn không tự chính mình khiến trách cũng không thông báo cho nhóm vậy? Đây các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và đây các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

"Vị tỳ khuru ni nào trong khi biết vị tỳ khuru ni đã vi phạm tội pārajika vẫn không tự chính mình khiến trách cũng không thông báo cho nhóm trong lúc vị ni kia hãy còn tồn tại, hoặc bị chết đi, hoặc bị trục xuất, hoặc bỏ đi. Sau này, vị ni ấy nói như vậy: 'Đây các ni sư, chính trước đây tôi đã biết rõ tỳ khuru ni kia rằng: —Sư tử ấy là như thế và như thế— mà tôi không tự chính mình khiến trách cũng không thông báo cho nhóm;' vị ni này cũng là vị phạm tội pārajika, không được cộng trú, là người nữ che giấu tội."

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là 'vị tỳ khuru ni' được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là vị tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho cô ấy, hoặc cô kia thông báo.

Đã vi phạm tội pārajika: đã vi phạm một tội pārajika nào trong tám tội pārajika.

Không tự chính mình khiến trách: là không đích thân khiến trách.

Không thông báo cho nhóm: là không thông báo cho các tỳ khuru ni khác.

Khi vị ni kia hãy còn tồn tại: còn tồn tại nghĩa là còn tồn tại trong hiện tượng (tỳ khuru ni) được đề cập đến. Bị chết đi nghĩa là bị qua đời được đề cập đến. Bị trục xuất nghĩa là tự mình hoàn tục hoặc bị trục xuất bởi các vị khác. Bỏ đi nghĩa là chuyển sang sinh hoạt với tu sĩ ngoại đạo được đề cập đến.

Sau này, vị ni ấy nói như vậy: “Này các ni sư, chính trước đây tôi đã biết rõ tỳ khuru ni kia rằng: ‘Sư tỷ ấy là như thế và như thế.’”

Mà tôi không tự chính mình khiến trách: Tôi không đích thân buộc tội.

(Tôi) không thông báo cho nhóm: Tôi không thông báo cho các tỳ khuru ni khác.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

Là vi phạm tội pārajika: cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành không thể xanh trở lại, tương tự

như thế vị tỳ khuru ni biết vị tỳ khuru ni đã vi phạm tội *pārajika* (nghĩ rằng): “Ta sẽ không tự chính mình khiến trách cũng sẽ không thông báo cho nhóm,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là ‘vi phạm tội *pārajika*.’

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn *Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là ‘không được cộng trú.’

Vị ni (nghĩ rằng): ‘Sẽ xảy ra sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi đến hội chúng’ rồi không thông báo, vị ni (nghĩ rằng): ‘Sẽ xảy ra sự chia rẽ hội chúng hoặc sự bất đồng trong hội chúng’ rồi không thông báo, vị ni (nghĩ rằng): ‘Vị ni này hung bạo thô lỗ sẽ gây nguy hiểm đến mạng sống hoặc nguy hiểm đến Phạm hạnh’ rồi không thông báo, trong khi không nhìn thấy các tỳ khuru ni thích hợp khác rồi không thông báo, vị ni không có ý định che giấu rồi không thông báo, vị ni (nghĩ rằng): ‘Cô ta sẽ được nhận biết do hành động của mình’ rồi không thông báo, vị ni bị điên,—nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Dứt điều *pārajika* thứ nhì.

--ooOoo--

1. 3. ĐIỀU PĀRĀJĪKA THỨ BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā xu hướng theo tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại xu hướng theo tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā xu hướng theo tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại xu hướng theo tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào xu hướng theo vị tỳ khuru đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị (tỳ khuru) không tôn trọng, không hồi cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Vị tỳ khuru ni ấy nên được nói bởi các tỳ khuru ni như sau: ‘Này ni sư, vị tỳ khuru

ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị (tỳ khuru) không tôn trọng, không hời cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Đây ni sư, chớ có xu hướng theo vị tỳ khuru ấy.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ khuru ni mà vị tỳ khuru ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị tỳ khuru ni ấy nên được các tỳ khuru nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, vị ni này cũng là vị phạm tội pārajika, không được cộng trú, là người nữ xu hướng theo kẻ bị phạt án treo.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới.

Bị phạt án treo nghĩa là bị phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

Theo Pháp, theo Luật: theo Pháp nào đó, theo Luật nào đó.

Theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư: theo lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, theo lời giáo huấn của đức Phật.

Không tôn trọng nghĩa là vị không tuân theo hội chúng hoặc (không tuân theo) cá nhân hoặc (không tuân theo) hành sự.

Không hối cải nghĩa là bị phạt án treo chưa được thu hồi.

Không thể hiện tình đồng đạo nghĩa là các tỳ khuru có sự đồng cộng trú giống nhau được gọi là các đồng đạo. Vị ấy không có điều ấy với các vị ấy, vì thế được gọi là ‘không thể hiện tình đồng đạo.’

Xu hướng theo vị ấy: vị ấy có quan điểm gì, có điều mong mỏi gì, có sự thích ý gì thì cô ni ấy cũng có quan điểm ấy, có điều mong mỏi ấy, có sự thích ý ấy.

Vị tỳ khuru ni ấy: là vị tỳ khuru ni xu hướng theo vị bị phạt án treo.

Bởi các tỳ khuru ni: bởi các tỳ khuru ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “Này ni sư, vị tỳ khuru ấy đã bị hội chúng họp nhất phạt án treo là vị (tỳ khuru) không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Này ni sư, chớ có xu hướng theo vị tỳ khuru ấy.” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkat a*. Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *dukkat a*. Vị tỳ khuru ni ấy nên

được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “Này ni sư, vị tỳ khuru ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị (tỳ khuru) không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Này ni sư, chớ có xu hướng theo vị tỳ khuru ấy.” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị tỳ khuru ni ấy cần được nhắc nhở.

Và này các tỳ khuru, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru ni này tên (như vậy) xu hướng theo vị tỳ khuru đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị (tỳ khuru) không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru ni này tên (như vậy) xu hướng theo vị tỳ khuru đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo là vị (tỳ khuru) không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư. Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỳ khuru ni tên

(như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: —nt—

Tỳ khuru ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *pārajika*.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

Là vị phạm tội *pārajika*: cũng giống như tảng đá lớn bị bể làm hai không thể gắn liền lại được, tương tự như thế vị tỳ khuru ni khi đang được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu từ bỏ thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là ‘vị phạm tội *pārajika*.’

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn *Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là ‘không được cộng trú.’

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *pārājika*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *pārājika*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *pārājika*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭṭa*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭṭa*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭṭa*.

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Dứt điều *pārājika* thứ ba.

--ooOoo--

1. 4. ĐIỀU *PĀRĀJIKĀ* THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư nhiệm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiệm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy, nhằm mục đích thực hiện điều không tốt đẹp ấy.¹

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư nhiệm dục vọng lại ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiệm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư nhiệm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiệm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi

¹ Theo ngài Buddhaghosa, điều không tốt đẹp là nói đến sự xúc chạm cơ thể, chứ không phải sự thực hiện việc đôi lứa (VinA. iv, 904).

hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kể sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt—

—nt— Nay các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng lại ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kể sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, hoặc ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng (của người nam), hoặc đứng chung, hoặc trò chuyện, hoặc đi đến nơi hẹn hò, hoặc ưng thuận sự viếng thăm của người nam, hoặc đi vào nơi che khuất, hoặc kể sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni này cũng là vị phạm tội pārajika, không được cộng trú, là người nữ liên quan tám sự việc.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Nữ) nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

(Nam) nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải Dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng thực hiện việc xúc chạm cơ thể.

Hoặc ưng thuận sự nắm lấy cánh tay: cánh tay nghĩa là tính từ cùi chỏ cho đến đầu móng tay. Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở lên và đầu gối trở xuống thì phạm tội *thullaccaya*.

Hoặc ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni ưng thuận sự nắm lấy hoặc tấm choàng dưới hoặc tấm choàng trên thì phạm tội *thullaccaya*.

Hoặc đứng chung: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni đứng trong tầm tay (1 mét 25) của người nam thì phạm tội *thullaccaya*.

Hoặc trò chuyện: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni đứng trò chuyện trong tầm tay của người nam thì phạm tội *thullaccaya*.

Hoặc đi đến nơi hẹn hò: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, (khi) được người nam nói rằng: “Hãy đi đến địa điểm tên (như vậy),” vị ni đi (đến nơi ấy) thì phạm tội *dukkat a* theo mỗi bước đi, khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội *thullaccaya*.

Hoặc ưng thuận sự viếng thăm của người nam: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni ưng thuận sự viếng thăm của người nam thì phạm tội *dukkat a*, khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội *thullaccaya*.

Hoặc đi vào nơi che khuất: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, khi đã vào trong chỗ được che kín bởi bất cứ vật gì thì phạm tội *thullaccaya*.

Hoặc kê sát cơ thể nhằm mục đích ấy: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị ni đứng trong tầm tay của người nam kê sát cơ thể thì phạm tội *thullaccaya*.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

Là vi phạm tội *pārājika*: cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ở ngọn không thể tăng trưởng được nữa; tương tự như thế, vị tỳ khưu ni khi làm đủ tám sự việc thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi 'là vi phạm tội *pārājika*.'

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn *Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là 'không được cộng trú.'

Không cố ý, vị ni thất niệm, vị ni không hay biết, vị ni không ưng thuận, vị ni bị điên, vị ni có tâm bị rối loạn, vị ni bị thọ khổ hành hạ, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội."

Dứt điều *pārājika* thứ tư.

--ooOoo--

4. Bạch chư đại đức ni, tám điều *pārājika*¹ đã được đọc tụng xong. Vị tỳ khuru ni vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này thì không có được sự cộng trú cùng với các tỳ khuru ni,² trước đây như thế nào thì sau này là như vậy; (vị ni ấy) là vị ni phạm tội *pārājika* không được cộng trú. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Chương *Pārājika*.

--ooOoo--

¹ Gồm bốn điều *pārājika* đã được quy định cho tỳ khuru được gọi là điều quy định chung và bốn điều quy định riêng được trình bày ở đây; như thế tổng cộng là 8 điều *pārājika* cho tỳ khuru ni (VinA. iv, 906).

² Xem lời giải thích về việc này ở chương *pārājika* của tỳ khuru (TTPV tập 01, trang 255; TTVN tập 01, trang 229).

2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

MƯỜI BẢY ĐIỀU

Bạch chư đại đức ni, mười bảy điều *saṅghādisesa* này được đưa ra đọc tụng.

2. 1. ĐIỀU SAṄGHĀDISESA THỨ NHẤT

1. Lúc bảy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, có nam cư sĩ nọ sau khi dâng kho chứa đồ đạc đến hội chúng tỳ khuru ni rồi từ trần. Người ấy có hai người con trai: một người không có niềm tin và không mộ đạo, một người có niềm tin và mộ đạo. Họ đã phân chia tài sản thuộc về người cha. Khi ấy, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này: - “Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.” Khi được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này: - “Này anh, chớ nói như thế. Cha chúng ta đã dâng đến hội chúng tỳ khuru ni rồi.” Đến lần thứ nhì, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này: - “Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.” Khi được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này: - “Này anh, chớ nói như thế. Cha chúng ta đã dâng đến hội chúng tỳ

khuru ni rồi.” Đến lần thứ ba, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này: - “Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.” Khi được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy (nghĩ rằng): “Nếu thuộc về ta, ta cũng sẽ dâng đến hội chúng tỳ khuru ni” rồi đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này: - “Chúng ta hãy chia.”

2. Khi ấy, cái kho chứa đồ đạc ấy, trong lúc được phân chia bởi những người ấy, đã thuộc về người không có niềm tin và không mộ đạo ấy. Sau đó, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã đi đến gặp hội chúng tỳ khuru ni và đã nói điều này: - “Thưa các ni sư, xin hãy đi ra. Kho chứa đồ đạc là của chúng tôi.” Khi được nói như thế, tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với người đàn ông ấy điều này: - “Này ông, chớ nói như thế. Cha các ông đã dâng đến hội chúng tỳ khuru ni rồi.” - “Đã được dâng! Chưa được dâng!” Họ đã hỏi các quan đại thần lo việc xử án. Các quan đại thần đã nói như vậy: - “Thưa ni sư, người nào biết là đã được dâng đến hội chúng tỳ khuru ni.” Khi được nói như thế, tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với các quan đại thần ấy điều này: - “Thưa các ngài, ngay cả các ngài cũng đã được thấy hoặc đã được nghe trong khi thành lập nhân chúng và trong khi vật thí đang được dâng cúng mà.” Khi ấy, các quan đại thần ấy (nói rằng): - “Ni sư đã nói đúng sự thật.” Rồi đã xử hội chúng tỳ khuru ni được kho chứa đồ đạc ấy.

3. Khi ấy, người đàn ông ấy bị thua cuộc nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Những bà cạo đầu khả ố này không phải là các nữ Sa-môn. Tại sao các bà lại cho (người) cướp đoạt kho chứa đồ đạc của chúng tôi?” Tỳ khuru ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các vị quan đại thần. Các vị quan đại thần đã ra lệnh đánh đòn người đàn ông ấy. Sau đó, người đàn ông ấy, bị đánh đòn, nên đã sai người xây dựng chỗ ngủ cho các đạo sĩ lửa thể ở nơi không xa chỗ ngủ của các tỳ khuru ni, rồi đã xúi giục các đạo sĩ lửa thể rằng: - “Các người hãy lăng mạ các tỳ khuru ni ấy.” Tỳ khuru ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các vị quan đại thần. Các vị quan đại thần đã ra lệnh giam giữ người đàn ông ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lần đầu làm cho (người ta) bị cướp đoạt kho chứa đồ đạc, đến lần thứ nhì làm cho bị đánh đập, đến lần thứ ba làm cho bị giam giữ, bây giờ sẽ làm cho chết?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

4. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại sống làm người thừa kiện?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sống làm người thừa kiện, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni

Thullanandā lại sống làm người thừa kiện vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sống làm người thừa kiện với nam gia chủ, hoặc với con trai của nam gia chủ, hoặc với người nô tỳ, hoặc với người làm công, hoặc ngay cả với Sa-môn du sĩ, vị tỳ khuru ni này phạm tội saṅ ghādisesa ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng.”

5. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người thừa kiện nghĩa là người gây ra vụ xử án được đề cập đến.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Con trai của nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nào là con trai hoặc anh em trai.

Người nô tỳ nghĩa là được bẩm sanh, được mua bằng của cải, bị bắt đi làm công việc.

Người làm công nghĩa là người làm thuê, người khuân vác.

Sa-môn du sĩ nghĩa là bất cứ người nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, và sa di ni.

Ta sẽ thừa kiện: Vị ni (nghĩ vậy rồi) tìm kiếm người thứ hai hoặc (đích thân) đi thì phạm tội *dukkat a*. Nói với người thứ nhất thì phạm tội *dukkat a*. Nói với người thứ nhì thì phạm tội *thullaccaya*. Khi kết thúc vụ xử án thì phạm tội *saṅghādisesa*.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *saṅghādisesa*: Chỉ có hội chúng—không phải một số tỳ khuru ni, không phải một tỳ khuru ni—ban cho hình phạt *mānatta* của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội; vì thế được gọi là ‘tội *saṅghādisesa*.’ Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là ‘tội *saṅghādisesa*.’

Vị ni đi trong khi bị những người khác lôi kéo đi, vị ni yêu cầu sự bảo vệ, vị ni nói ra không nêu rõ (người nào), vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều *saṅghādisesa* thứ nhất.

--ooOoo--

2. 2. ĐIỀU SAṄGHĀDISESA THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ở thành Vesālī cô vợ của một người dòng dõi Licchavi nọ ngoại tình. Khi ấy, người Licchavi ấy đã nói với người đàn bà ấy điều này: - “Tốt hơn cô hãy chờ. Tôi sẽ làm điều thất lợi cho cô.” Mặc dầu được nói như thế, cô ta đã không lưu tâm đến. Vào lúc bấy giờ, nhóm người Licchavi tụ họp lại ở Vesālī vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, người Licchavi ấy đã nói với những người Licchavi ấy điều này: - “Thưa quý vị, quý vị hãy cho phép tôi (xử tội) một người đàn bà.” - “Cô ấy tên là gì?” - “Vợ của tôi ngoại tình. Tôi sẽ giết cô ta.” - “Người tự biết lấy.”

2. Người đàn bà ấy đã nghe được rằng: “Nghe nói chồng có ý định giết ta” rồi đã lấy đồ đạc quý giá đi đến thành Sāvattthī gặp các tu sĩ ngoại đạo và đã cầu xin sự xuất gia. Các tu sĩ ngoại đạo đã không chịu cho xuất gia. Cô đã đi đến gặp các tỳ khuru ni và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khuru ni cũng đã không chịu cho xuất gia. Cô đã đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā, đưa cho xem gói đồ đạc rồi cầu xin sự xuất gia. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nhận lấy gói đồ đạc rồi đã cho xuất gia.

3. Khi ấy, người Licchavi ấy trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy đã đi đến thành Sāvattthī. Sau khi thấy (cô ấy) đã xuất gia nơi các tỳ khuru ni liền đi đến gặp đức vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi đến đã nói với đức vua Pasenadi xứ Kosala điều này: - “Tâu bệ hạ, vợ của thần đã lấy đi đồ đạc quý giá và đã đến thành Sāvattthī. Xin bệ hạ hãy cho phép thần đối với cô ấy.” - “Này khanh, nếu thế thì hãy tìm kiếm rồi trình báo.” - “Tâu bệ hạ, đã tìm thấy. Cô ta đã xuất gia nơi các tỳ khuru ni.” - “Này khanh, nếu đã được xuất gia nơi các tỳ khuru ni thì không được phép làm gì cô ta cả. Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy để cô ta thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.”

4. Khi ấy, người Licchavi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại cho nữ tặc xuất gia?” Các tỳ khuru ni đã nghe được người Licchavi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

5. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại cho nữ tặc xuất gia?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā cho nữ tặc xuất gia, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại cho nữ tặc xuất gia vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào trong khi biết nữ đạo tặc có tội tử hình đã được loan báo mà vẫn tiếp độ (cho tu) khi chưa xin phép đức vua, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc phường hội, hoặc cộng đồng, ngoại trừ có sự được phép vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội saṅ ghādisesa cần được tách riêng.”

6. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là vị tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho cô ấy, hoặc cô kia thông báo.

Nữ đạo tặc nghĩa là cô nào lấy đi theo lối trộm cắp vật không được cho trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*; cô ấy gọi là nữ đạo tặc.

Có tội tử hình nghĩa là cô ta đã thực hiện loại hành động khiến cho cô ta đáng tội tử hình.

Được loan báo nghĩa là những người khác biết (về cô ta) rằng: “Cô này đáng tội tử hình.”

Khi chưa xin phép: khi chưa hỏi ý.

Đức vua nghĩa là nơi nào đức vua cai quản thì nên xin phép đức vua.

Hội chúng nghĩa là hội chúng tỳ khuru ni được đề cập đến, nên xin phép hội chúng tỳ khuru ni.

Nhóm nghĩa là nơi nào nhóm cai quản thì nên xin phép nhóm.

Phường hội nghĩa là nơi nào phường hội cai quản thì nên xin phép phường hội.

Cộng đồng nghĩa là nơi nào cộng đồng cai quản thì nên xin phép cộng đồng.

Ngoại trừ có sự được phép: trừ ra sự được phép. Sự được phép nghĩa là có hai sự được phép: đã được xuất gia nơi các tu sĩ ngoại đạo hoặc là đã được xuất gia nơi các tỳ khuru ni khác. Ngoại trừ có sự được phép, vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, thấy tế độ phạm tội *saṅghādisesa*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến vị ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *saṅghādisesa*: Chỉ có hội chúng–không phải một số tỳ khuru ni, không phải một tỳ khuru ni–ban cho hình phạt *mānatta* của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho

giải tội; vì thế được gọi là ‘tội *saṅ ghādisesa*.’ Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là ‘tội *saṅ ghādisesa*.’

Nữ đạo tặc, nhận biết là nữ đạo tặc, vị ni tiếp độ thì phạm tội *saṅ ghādisesa* ngoại trừ có sự được phép. Nữ đạo tặc, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *dukkat a* ngoại trừ có sự được phép. Nữ đạo tặc, (lầm) tưởng không phải là nữ đạo tặc, vị ni tiếp độ thì vô tội ngoại trừ có sự được phép. Không phải là nữ đạo tặc, (lầm) tưởng là nữ đạo tặc, phạm tội *dukkat a*. Không phải là nữ đạo tặc, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Không phải là nữ đạo tặc, nhận biết không phải là nữ đạo tặc thì vô tội.

Vị ni không biết rồi tiếp độ, sau khi xin phép rồi tiếp độ, tiếp độ người đã được phép, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều *saṅ ghādisesa* thứ nhì.

--ooOoo--

2. 3. ĐIỀU SAṄGHĀDISESA THỨ BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, vị tỳ khuru ni học trò của Bhaddā Kāpilānī¹ sau khi gây gỗ với các tỳ khuru ni đã đi đến gia đình thân quyến ở trong thôn. Bhaddā Kāpilānī không nhìn thấy vị tỳ khuru ni ấy nên đã hỏi các tỳ khuru ni rằng: - “Ni tên (như vậy) đâu rồi, không có thấy?” - “Thưa ni sư, sau khi gây gỗ với các tỳ khuru ni thì không được thấy.” - “Này các cô, gia đình thân quyến của cô này ở thôn kia, hãy đi đến và tìm kiếm ở nơi đó.” Các tỳ khuru ni sau khi đi đến nơi ấy đã nhìn thấy vị tỳ khuru ni ấy và đã nói điều này: - “Này ni sư, sao cô lại đi mỗi một mình? Chắc hẳn cô không bị xâm phạm?” - “Này các ni sư, tôi không bị xâm phạm.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại đi vào trong làng một mình?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni đi vào trong làng một mình, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại đi vào trong làng một mình vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ

¹ Không rõ lý do vì vị ni Bhaddā Kāpilānī này không có danh xưng ‘tỳ khuru ni’ (ND).

khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đi vào trong làng một mình, vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội saṅ ghādisesa cần được tách riêng.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có hai tỳ khuru ni đang đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvattthī. Giữa đường đi có con sông cần phải băng qua. Khi ấy, hai tỳ khuru ni ấy đã đi đến gặp các người chèo đò và đã nói điều này: - “Này đạo hữu, tốt thay hãy đưa chúng tôi sang.” - “Thưa các ni sư, không thể đưa sang cả hai người cùng một lần.” Rồi một người (chèo đò) đã đưa một (vị tỳ khuru ni) sang. Người đưa sang đã làm nhơ vị ni được đưa sang. Người không đưa sang đã làm nhơ vị ni chưa được đưa sang. Hai cô ni ấy sau khi gặp lại nhau đã hỏi rằng: - “Này ni sư, chắc hẳn cô không bị xâm phạm?” - “Này ni sư, tôi đã bị xâm phạm. Này ni sư, còn cô chắc không bị xâm phạm?” - “Này ni sư, tôi đã bị xâm phạm.”

4. Sau đó, hai tỳ khuru ni ấy đã đi đến thành Sāvattthī và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại đi sang bờ bên kia sông một mình?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe

nói vị tỳ khuru ni đi sang bờ bên kia sông một mình, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại đi sang bờ bên kia sông một mình vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đi vào trong làng một mình hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội saṅ ghādisesa cần được tách riêng.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru ni trong khi đang đi đến thành Sāvatthī thuộc xứ sở Kosala lúc tối trời đã ghé vào ngôi làng nọ. Trong số đó, có vị tỳ khuru ni đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Có người đàn ông nọ đã sanh lòng say đắm với hình dáng của vị tỳ khuru ni ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy trong khi sắp xếp chỗ ngủ cho các tỳ khuru ni ấy đã sắp xếp chỗ ngủ của vị tỳ khuru ni ấy ở một bên. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã xét đoán ra rằng: “Người đàn ông này đã bị ám ảnh rồi. Nếu trong đêm tối hắn ta đến thì ta sẽ bị mất phẩm giá” nên đã đi đến gia đình khác rồi nằm ngủ (ở đó), không thông báo cho các tỳ khuru ni. Sau đó trong đêm tối, người đàn ông

ấy đã đi đến và trong khi tìm kiếm vị tỳ khuru ni ấy đã chạm vào các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni trong lúc không nhìn thấy vị tỳ khuru ni ấy đã nói như vậy: - “Chắc chắn là vị tỳ khuru ni ấy đã đi ra ngoài với người đàn ông.” Sau đó, khi trải qua đêm ấy vị tỳ khuru ni ấy đã đi đến gặp các tỳ khuru ni ấy. Các tỳ khuru ni đã nói với vị tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này ni sư, vì sao cô đã đi ra ngoài với người đàn ông?” - “Này các ni sư, tôi đã không đi ra ngoài với người đàn ông.” Và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

6. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni ban đêm lại trú ngụ riêng một mình?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni ban đêm trú ngụ riêng một mình, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni ban đêm lại trú ngụ riêng một mình vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đi vào trong làng một mình hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình, vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội saṅ ghādisesa cần được tách riêng.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, có nhiều tỳ khuru ni đang đi đường xa đến thành Sāvattthī trong xứ Kosala. Tại nơi ấy, có vị tỳ khuru ni nọ bị khó chịu vì việc đại tiện nên tách rời ra mỗi một mình rồi đã đi ở phía sau. Nhiều người đã nhìn thấy và đã làm như vị tỳ khuru ni ấy. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã đi đến gặp các tỳ khuru ni ấy. Các tỳ khuru ni đã nói với tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này ni sư, vì sao cô lại tách rời ra mỗi một mình vậy? Chắc hẳn cô đã không bị xâm phạm?” - “Này các ni sư, tôi đã bị xâm phạm.”

8. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru ni một mình lại tách rời ra khỏi nhóm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni một mình tách rời ra khỏi nhóm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao vị tỳ khuru ni một mình lại tách rời ra khỏi nhóm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đi vào trong làng một mình hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình, hoặc một mình tách rời ra khỏi nhóm, vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội *sañ ghādisesa* cần được tách riêng.”

9. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Hoặc đi vào trong làng một mình: vị ni trong khi vượt qua hàng rào của ngôi làng được rào lại bước thứ nhất thì phạm tội *thullaccaya*, trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *sañ ghādisesa*. Vị ni trong khi vượt qua vùng phụ cận của ngôi làng không được rào lại bước thứ nhất thì phạm tội *thullaccaya*, trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *sañ ghādisesa*.

Hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình: Sông nghĩa là bất cứ ở nơi đâu làm ướt y nội của vị tỳ khuru ni (được quấn) che khuất cả ba vòng¹ trong lúc (vị ni ấy) lội qua nơi ấy. Vị ni trong khi vượt qua bước thứ nhất thì phạm tội *thullaccaya*, trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *sañ ghādisesa*.

¹ *Timaṇḍalaṃ*: ba vòng nghĩa là vòng bụng ở rốn và hai vòng ở đầu gối.

Hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình: Đến lúc rạng đông, vị ni đang ra khỏi tầm tay của vị tỳ khuru ni thứ hai thì phạm tội *thullaccaya*, khi đã ra khỏi thì phạm tội *saṅghādisesa*.

Hoặc một mình tách rời ra khỏi nhóm: không phải ở trong làng, ở trong rừng, vị ni trong khi ra khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe của vị tỳ khuru ni thứ nhì thì phạm tội *thullaccaya*, khi đã ra khỏi thì phạm tội *saṅghādisesa*.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *saṅghādisesa*: —nt— vì thế được gọi là ‘tội *saṅghādisesa*.’

Trong lúc vị tỳ khuru ni thứ nhì bỏ đi hoặc hoàn tục hoặc qua đời hoặc chuyển sang phe phái khác, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều *saṅghādisesa* thứ ba.

--ooOoo--

2. 4. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Caṇḍakālī là vị ni thường gây nên các sự xung đột, gây nên các sự cãi cọ, gây nên các sự tranh luận, gây nên các cuộc nói chuyện nhảm nhí, và gây nên các sự tranh tụng trong hội chúng. Trong lúc hành sự đang được tiến hành cho vị ni ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã phản đối. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā đã đi vào làng vì công việc cần làm nào đó.

Khi ấy, hội chúng tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “Tỳ khuru ni Thullanandā đã đi vắng” nên đã phạt án treo tỳ khuru ni Caṇḍakālī trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ khuru ni Thullanandā sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong làng đã quay trở về thành Sāvattthī. Trong khi tỳ khuru ni Thullanandā đi về, tỳ khuru ni Caṇḍakālī đã không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát, và đã không dâng nước uống. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với tỳ khuru ni Caṇḍakālī điều này: - “Này cô ni, vì sao trong khi tôi đi về, cô đã không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát, và đã không dâng nước uống vậy?” - “Thưa ni sư, bởi vì sự việc này là như vậy, giống như là việc làm đối với kẻ không người bảo hộ.” - “Này cô ni, vì sao cô lại là không người bảo hộ?” - “Thưa ni sư, các tỳ khuru ni này (nói

rằng): ‘Cô này là không người bảo hộ lại ngu dốt. Không còn cô kia thì ai sẽ lên tiếng phản đối’ rồi đã phạt án treo tôi trong việc không nhìn nhận tội.” Tỳ khuru ni Thullanandā (nói rằng): “Những cô ấy thì ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự hoặc sự hư hỏng của hành sự hoặc sự thành tựu của hành sự. Chúng ta mới biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự hoặc sự hư hỏng của hành sự hoặc sự thành tựu của hành sự. Chúng ta có thể thực hiện hành sự chưa được thực hiện hoặc có thể hủy bỏ hành sự đã được thực hiện,” rồi đã mau mau triệu tập hội chúng tỳ khuru ni và đã phục hồi cho tỳ khuru ni Caṇḍakālī.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm lại phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm lại phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm

đến ước muốn của nhóm lại phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm lại phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư, vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội saṅ ghādisesa cần được tách riêng.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới.

Bị phạt án treo nghĩa là bị phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

Theo Pháp, theo Luật: theo Pháp nào đó, theo Luật nào đó.

Theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư: theo lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, theo lời giáo huấn của đức Phật.

Khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự: khi chưa hỏi ý hội chúng đã làm hành sự.

Không quan tâm đến ước muốn của nhóm: không biết đến ước muốn của nhóm. (Nghĩ rằng): “Ta sẽ phục hồi” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni) hoặc chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *saṅghādisesa*.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *saṅghādisesa*: —nt— vì thế được gọi là ‘tội *saṅghādisesa*.’

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni phục hồi thì phạm tội *saṅghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni phục hồi thì phạm tội *saṅghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành

sự sai Pháp, vị ni phục hồi thì phạm tội *saṅghādisesa*. Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni phục hồi sau khi đã xin phép hội chúng thực hiện hành sự, phục hồi sau khi đã quan tâm đến ước muốn của nhóm, phục hồi vị ni đang thực hành các phận sự, phục hồi khi hội chúng thực hiện hành sự không còn tồn tại, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều *saṅghādisesa* thứ tư.

--ooOoo--

2. 5. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ NĂM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Sundarīnandā là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Nhiều người, sau khi nhìn thấy tỳ khuru ni Sundarīnandā ở trong nhà ăn, bị nhiễm dục vọng rồi dâng đến tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng các thức ăn thượng hảo hạng. Tỳ khuru ni Sundarīnandā thọ thực được như ý thích. Các tỳ khuru ni khác nhận lãnh không được như ý.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại tự tay thọ nhận vật thực loại cứng loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực loại cứng loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại tự tay thọ nhận vật thực loại cứng loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực loại cứng hoặc loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai hoặc ăn, vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội sari ghādisesa cần được tách riêng.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Nữ) **nhiễm dục vọng** nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

(Nam) **nhiễm dục vọng** nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải Dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng bị dục chiếm ngự.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực (mềm), nước và tắm xía răng, phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có) cơm, xúp, bánh, cá, thịt. (Nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ nhận thì phạm tội *thullaccaya*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *sari ghādisesa*.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *saṅghādisesa*: —nt— vì thế được gọi là ‘tội *saṅghādisesa*.’

Vị ni thọ nhận nước và tắm xía răng thì phạm tội *dukkaṭa*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai, vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ nhận thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *thullaccaya*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai, vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ nhận từ tay của Dạ-xoa nam hoặc ma nam hoặc người nam vô căn hoặc loài thú đực dạng người thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *thullaccaya*. Vị ni thọ nhận nước và tắm xía răng thì phạm tội *dukkaṭa*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía, vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ nhận thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị ni thọ nhận nước và tắm xía răng thì phạm tội *dukkaṭa*.

Cả hai không nhiễm dục vọng, trong khi biết rằng: ‘Là người nam không nhiễm dục vọng’ rồi thọ nhận, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều *saṅghādisesa* thứ năm.

--ooOoo--

2. 6. ĐIỀU SAṄGHĀDISESA THỨ SÁU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Sundarīnandā là đẹp dáng, đáng nhìn, khá ái. Nhiều người, sau khi nhìn thấy tỳ khuru ni Sundarīnandā ở trong nhà ăn, bị nhiễm dục vọng rồi dâng đến tỳ khuru ni Sundarīnandā các thức ăn thượng hảo hạng. Tỳ khuru ni Sundarīnandā trong lúc ngần ngại nên không thọ nhận. Vị tỳ khuru ni đứng kế đã nói với tỳ khuru ni Sundarīnandā điều này: - “Này ni sư, vì sao ni sư lại không thọ nhận?” - “Này ni sư, là những người nam nhiễm dục vọng.” - “Này ni sư, ni sư mới nhiễm dục vọng.” - “Này ni sư, tôi không nhiễm dục vọng.” - “Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru ni lại nói như vậy: ‘Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi?’” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe

nói vị tỳ khuru ni nói như vậy: ‘Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi,’ có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao vị tỳ khuru ni lại nói như vậy: ‘Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi?’ Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào nói như vậy: ‘Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi,’ vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội saṅ ghādisesa cần được tách riêng.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vậy: Vị ni xúi giục rằng: “Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi” thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ nhận thì (vị ni xúi giục) phạm tội *dukkaṭ a*. Mỗi lần (vị ni kia) nuốt xuống thì (vị ni xúi giục) phạm tội *thullaccaya*. Khi chấm dứt bữa ăn thì (vị ni xúi giục) phạm tội *sañ ghādisesa*.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: vị ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *sañ ghādisesa*: —nt— vì thế được gọi là ‘tội *sañ ghādisesa*.’

Vị ni xúi giục rằng: “Hãy thọ nhận nước và tắm rửa răng” thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do lời nói của vị ni ấy, vị ni

kia (nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ nhận thì (vị ni xúi giục) phạm tội *dukkaṭ a*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía, đối với vật thực loại cứng hoặc loại mềm từ tay của Dạ-xoa nam hoặc ma nam hoặc người nam vô căn hoặc loài thú đực dạng người, vị ni xúi giục rằng: “Hãy nhai hoặc ăn đi” thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ nhận thì (vị ni xúi giục) phạm tội *dukkaṭ a*. Mỗi lần (vị ni kia) nuốt xuống thì (vị ni xúi giục) phạm tội *dukkaṭ a*. Khi chấm dứt bữa ăn thì (vị ni xúi giục) phạm tội *thullaccaya*. Vị ni xúi giục rằng: “Hãy thọ nhận nước và tắm xia răng” thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ nhận thì (vị ni xúi giục) phạm tội *dukkaṭ a*.

Vị ni trong khi biết rằng: ‘Là người nam không nhiễm dục vọng’ rồi xúi giục, vị ni (nghĩ rằng): ‘Cô ta (sẽ) nổi giận và không thọ nhận’ rồi xúi giục, vị ni (nghĩ rằng): ‘Cô ta (sẽ) không thọ nhận vì lòng thương hại đến gia đình’ rồi xúi giục, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều saṅghādisesa thứ sáu.

--ooOoo--

2. 7. ĐIỀU SAṄGHĀDISESA THỨ BẢY

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Caṇḍakālī sau khi gây gổ với các tỳ khuru ni đã nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: - “Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Caṇḍakālī khi nổi giận, bất bình lại nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy?’” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Caṇḍakālī khi nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, —nt— Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy,’ có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Đây các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Caṇḍakālī khi nổi giận, bất bình lại nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy?’ Đây các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và đây các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.’ Vị tỳ khuru ni ấy nên được nói bởi các tỳ khuru ni như sau: ‘Đây ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vậy: Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy. Đây ni sư, hãy hoan hỷ, Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ khuru ni mà vị tỳ khuru ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị

tỳ khuru ni ấy nên được các tỳ khuru ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba, là tội saṅ ghādisesa cần được tách riêng.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Nói như vậy: “Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.”

4. Vị tỳ khuru ni ấy: vị tỳ khuru ni nào nói như thế ấy.

4. Bởi các tỳ khuru ni: bởi các tỳ khuru ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “Này ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ

này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.’ Đây ni sư, hãy hoan hỷ, Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị tỳ khuru ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “Đây ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.’ Đây ni sư, hãy hoan hỷ, Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị tỳ khuru ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các tỳ khuru, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

5. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru ni này tên (như vậy) khi nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

6. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru ni này tên (như vậy) khi nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: —nt—Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: —nt— Tỳ khuru ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

7. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *saṅghādisesa*. Đối với vị ni vi phạm tội *saṅghādisesa* thì tội *dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *thullaccaya* do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực.

8. **Vị ni này cũng:** được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

(Khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba: vị ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *saṅghādisesa*: —nt— vì thế được gọi là ‘tội *saṅghādisesa*.’

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *saṅghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *saṅghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *saṅghādisesa*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài

nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên,
—nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều *saṅghādisesa* thứ bảy.

--ooOoo--

2. 8. ĐIỀU SAṄGHĀDISESA THỨ TÁM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Caṇḍakālī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: - “Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì ghét, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì si mê, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Caṇḍakālī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, —nt— các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi?’” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Caṇḍakālī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, —nt— các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi,’ có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Caṇḍakālī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, —nt— các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi?’ Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì ghét, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì si mê, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Vị tỳ khuru ni ấy nên được nói bởi các tỳ khuru ni như sau: ‘Này ni sư, khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình chớ nên nói như vậy: Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì ghét, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì si mê, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính ni sư mới thiên vị vì thương, mới thiên vị vì ghét, mới thiên vị vì si mê, mới thiên vị vì sợ hãi.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ khuru ni mà vị tỳ khuru ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị tỳ khuru ni ấy nên được các tỳ khuru ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba, là tội saṅ ghādisesa cần được tách riêng.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong cuộc tranh tụng nào đó: Tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Bị xử thua nghĩa là bị thất bại được đề cập đến.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Nói như vậy: “Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì ghét, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì si mê, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.”

Vị tỳ khuru ni ấy: là vị tỳ khuru ni nói như thế ấy.

Bởi các tỳ khuru ni: bởi các tỳ khuru ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “Này ni sư, khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình chớ nên nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, —nt— các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Chính ni sư mới thiên vị vì thương, mới thiên vị vì ghét, mới thiên vị vì si mê, mới thiên vị vì sợ hãi.” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị tỳ khuru ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “Này ni sư, khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình chớ nên nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, —nt— các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Chính ni sư mới thiên vị vì thương, —nt— mới thiên vị

vì sợ hãi.” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị tỳ khuru ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các tỳ khuru, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru ni này tên (như vậy) bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, —nt— các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru ni này tên (như vậy) bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, —nt— các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: —nt— Tỳ khuru ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy.

Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkat a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *sañ ghādisesa*. Đối với vị ni vi phạm tội *sañ ghādisesa*, thì tội *dukkat a* do lời đề nghị và các tội *thullaccaya* do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực.

Vị ni này cũng: được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

(Khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba: vị ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *sañ ghādisesa*: —nt— vì thế được gọi là ‘tội *sañ ghādisesa*.’

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *sañ ghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *sañ ghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *sañ ghādisesa*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa* a. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều saṅghādisesa thứ tám.

--ooOoo--

2. 9. ĐIỀU SAṄGHĀDISESA THỨ CHÍN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni học trò của tỳ khuru ni Thullanandā sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này

các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Hơn nữa, các tỳ khuru ni sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các tỳ khuru ni ấy nên được nói bởi các tỳ khuru ni như sau: ‘Các sư tỷ sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỷ.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ khuru ni mà các tỳ khuru ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, các tỳ khuru ni ấy nên được các tỳ khuru ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ các vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba, là tội sãṃ ghādisesa cần được tách riêng.”

3. Hơn nữa, các tỳ khuru ni: là các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến.

Sống thân cận (với thế tục): sống thân cận bằng (hành động thuộc về) thân và khẩu không đúng đắn.

Có hạnh kiểm xấu xa: được hội đủ sở hành xấu xa.

Có tiếng đồn xấu xa: được lan rộng bởi lời đồn đại về tiếng tăm xấu xa.

Có sự nuôi mạng xấu xa: các vị duy trì sự sống bằng việc nuôi mạng sai trái xấu xa.

Là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni: các vị phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện cho từng vị.

Là những người che giấu tội lẫn nhau: các vị là những người che giấu tội qua lại cho nhau.

4. Các tỳ khuru ni ấy: là các vị tỳ khuru ni sống thân cận (với thế tục).

Bởi các tỳ khuru ni: bởi các tỳ khuru ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ.” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (các vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *dukkaṭa*. Các tỳ khuru ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che

giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỷ.” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (các vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkatā*. Các tỳ khuru ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các tỳ khuru, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

5. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru ni tên (như vậy) và tên (như vậy) sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở các tỳ khuru ni tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.*

6. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru ni tên (như vậy) và tên (như vậy) sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở các tỳ khuru ni tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở các tỳ khuru ni tên (như vậy) và tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo*

sự việc này lần thứ nhì: —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: —nt— Các tỳ khuru ni tên (như vậy) và tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

7. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkat a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *saṅ ghādisesa*. Đối với vị ni vi phạm tội *saṅ ghādisesa*, thì tội *dukkat a* do lời đề nghị và các tội *thullaccaya* do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực. Hai ba vị ni nên được nhắc nhở chung (một lượt), không nên nhắc nhở nhiều hơn số lượng ấy.

8. **Các tỳ khuru ni này cũng:** được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

(Khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba: các vị ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *saṅ ghādisesa*: —nt— vì thế được gọi là ‘tội *saṅ ghādisesa*.’

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, các vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *saṅ ghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, các vị ni không dứt

bỏ thì phạm tội *saṅghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, các vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *saṅghādisesa*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa*.

Các vị ni chưa được nhắc nhở, các vị ni dứt bỏ, các vị ni bị điên, các vị ni có tâm bị rối loạn, các vị ni bị thọ khổ hành hạ, các vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều *saṅghādisesa* thứ chín.

--ooOoo--

2. 10. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ MƯỜI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā bị hội chúng nhắc nhở nên nói với các tỳ khuru ni như vậy: - “Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất yếu nhược như vậy: ‘Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ.’”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các tỳ khuru ni như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, —nt— Này các ni sư, hãy tự tách rời

ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ?” Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các vị tỳ khuru phản nản phê phán chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni Thullanandā khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các tỳ khuru ni như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, —nt— Này các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ?’” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā bị hội chúng nhắc nhở nên nói với các tỳ khuru ni như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, —nt— Này các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ,’ có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các tỳ khuru ni như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. —nt— Này các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời

của các sư tỷ'? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

"Vị tỳ khuru ni nào nói như vậy: 'Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chó có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tâm phào, có tính chất yếu nhược như vậy: Các sư tỷ sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỷ.'

Vị tỳ khuru ni ấy nên được nói bởi các tỳ khuru ni như sau: 'Này ni sư, chó nói như vậy: 'Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chó có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói

tâm phào, có tính chất yếu nhược như vậy: Các sư tỳ sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ khuru ni mà vị tỳ khuru ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị tỳ khuru ni ấy nên được các tỳ khuru ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ vị tỳ khuru ni này cũng phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba, là tội sari ghādisesa cần được tách riêng.”

4. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vậy: “Nay các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng **với sự không tôn trọng:** với sự khinh khi. **Với sự xem thường:** với sự chê bai. **Không lòng nhẫn nại:** với sự nóng giận. **Theo lối nói tâm phào:** việc nói tâm phào đã được thực hiện. **Có tính chất yếu nhược:** có tính chất không phe nhóm. **Đã nói như vậy:** “Các sư tỳ sống thân

cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ.”

Vị tỳ khuru ni ấy: là vị tỳ khuru ni nói như thế ấy.

Bởi các tỳ khuru ni: bởi các tỳ khuru ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “Này ni sư, chớ nói như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác —nt— Này các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ.’” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *dukkaṭa*. Tỳ khuru ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: “Này ni sư, chớ nói như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác —nt— Này các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỳ.’” Nên được nói đến lần thứ nhì. —nt— Nên được nói đến lần thứ ba. —nt— Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*. Tỳ khuru ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các tỳ khuru,

nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

5. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru ni này tên (như vậy) khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các tỳ khuru ni như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tâm phào, có tính chất yếu nhược như vậy: ‘Các sư tỷ sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỷ.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.*

6. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru ni này tên (như vậy) khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các tỳ khuru ni như vậy: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những tỳ khuru ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người*

gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tâm phào, có tính chất yếu nhược như vậy: Các sư tỷ sống thân cận (với thế tục), có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng tỳ khuru ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Nay các ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các sư tỷ.’ Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: —nt— Tỳ khuru ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

7. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkat a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *saṅ ghādisesa*. Đối với vị ni vi phạm tội *saṅ ghādisesa*, thì tội *dukkat a* do lời đề nghị và các tội *thullaccaya* do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực.

8. **Vị ni này cũng:** được đề cập có liên quan đến các vị ni trước đây.

(Khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba: vị ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc.

Cần được tách riêng: bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *saṅ ghādisesa*: Chỉ có hội chúng—không phải một số vị, không phải một cá nhân—ban cho hình phạt *mānatta* của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội; vì thế được gọi là ‘tội *saṅ ghādisesa*.’ Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là ‘tội *saṅ ghādisesa*.’

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *saṅ ghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *saṅ ghādisesa*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *saṅ ghādisesa*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkat a*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkat a*.

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều *saṅ ghādisesa* thứ mười.

--ooOoo--

9. Bạch chư đại đức ni, mười bảy điều *saṅ ghādisesa* ¹ đã được đọc tụng xong, chín điều bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, tám điều (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba. Vị tỳ khuru ni vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này thì vị tỳ khuru ni ấy nên thực hành nửa tháng *mānatta* nơi có cả hai hội chúng. Vị tỳ khuru ni có hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất thì vị tỳ khuru ni ấy nên được giải tội tại nơi nào có hội chúng tỳ khuru ni nhóm hai mươi vị. Nếu hội chúng tỳ khuru ni nhóm hai mươi vị chỉ thiếu đi một mà giải tội cho vị tỳ khuru ni ấy thì vị tỳ khuru ni ấy chưa được giải tội và các tỳ khuru ni ấy bị khiển trách. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

--ooOoo--

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích về 17 điều *saṅ ghādisesa* của tỳ khuru ni như sau: Phân phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm gồm có điều 5 (mai mối), 8 và 9 (hai điều về vu cáo) ở giới bốn của tỳ khuru và 6 điều ở đây. Phân phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba gồm 4 điều từ 10-13 ở giới bốn của tỳ khuru và 4 điều ở đây. Tổng cộng là 17 điều (VinA. iv, 916).

TÓM LƯỢC CÁC ĐIỀU NÀY

Việc kiện tụng, nữ đạo tặc, trong làng, bị án treo, và bởi việc nhai, việc gò vói ni sư, bị nổi giận, ở sự việc nào đó, (sống) thân cận, và với sự khinh khi; các điều ấy là mười.

Dứt Mười Bảy Pháp.

--ooOoo--

3. CÁC ĐIỀU *NISSAGGIYA*

Bạch chư đại đức ni, ba mươi điều *nissaggiya pācittiya* này được đưa ra đọc tụng.

3.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khưu ni lại thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát? Không lẽ các tỳ khưu ni sẽ làm việc buôn bán bình bát hay sẽ lập nên gian hàng gốm sứ?”

2. Các tỳ khưu ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại thực hiện việc tích trữ bình bát?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ bình bát, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khưu, vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại thực hiện việc tích trữ bình bát vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào thực hiện việc tích trữ bình bát thì (bình bát ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội *pācittiya*.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: bình bát sắt và bình bát đất. Bình bát có ba dạng: bình bát cỡ lớn, bình bát cỡ vừa, bình bát cỡ nhỏ. **Bình bát cỡ lớn** nghĩa là chứa được một nửa *āḷ haka* com, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần (com) ấy. **Bình bát cỡ vừa** nghĩa là chứa được một *nāḷ ika* com, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần (com) ấy. **Bình bát cỡ nhỏ** nghĩa là chứa được một *pattha* com, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần (com) ấy. Lớn hơn các cỡ ấy không phải là bình bát, nhỏ hơn không phải là bình bát.

Thực hiện việc tích trữ: (bình bát) chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung.

Nên được xả bỏ: Đến lúc rạng đông thì phạm vào *nissaggiya*, (bình bát ấy) cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: Vị tỳ khuru ni ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni trưởng thượng, ngồi chồm hổm,

chấp tay lên, và nên nói như vậy: - “*Bạch chư đại đức ni, bình bát này của tôi đã qua đêm giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.*” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại:

“Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về tỳ khuru ni tên (như vậy) là vật phạm vào nissaggiya đã được xả bỏ đến hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại bình bát này đến tỳ khuru ni tên (như vậy).”

Vị tỳ khuru ni ấy nên đi đến nhiều tỳ khuru ni, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy: - “*Thưa các đại đức ni, bình bát này của tôi đã qua đêm giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các đại đức ni.*” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại:

“Xin các đại đức ni hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về tỳ khuru ni tên (như vậy) là vật phạm vào nissaggiya đã được xả bỏ đến các đại đức ni. Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức ni, các đại đức ni nên cho lại bình bát này đến tỳ khuru ni tên (như vậy).”

Vị tỳ khuru ni ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru ni, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên,

và nên nói như vậy: - “Thưa ni sư, bình bát này của tôi đã qua đêm giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến ni sư.” Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị tỳ khuru ni ấy, bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: “Tôi cho lại ni sư bình bát này.”

Khi đã qua đêm, nhận biết là đã qua đêm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Khi đã qua đêm, có sự hoài nghi, phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Khi đã qua đêm, (lầm) tưởng là chưa qua đêm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Khi chưa chú nguyện để dùng riêng, (lầm) tưởng là đã chú nguyện để dùng riêng, phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Khi chưa chú nguyện để dùng chung, (lầm) tưởng là đã chú nguyện để dùng chung, phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Khi chưa được phân phát, (lầm) tưởng là đã được phân phát, phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Khi không bị mất trộm, (lầm) tưởng là đã bị mất trộm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Khi không bị hư hỏng, (lầm) tưởng là đã bị hư hỏng, phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Khi không bị vỡ, (lầm) tưởng là đã bị vỡ, phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Khi không bị cướp, (lầm) tưởng là đã bị cướp, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Bình bát là vật vi phạm *nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng, phạm tội *dukkaṭa*. Khi chưa qua đêm, (lầm) tưởng là đã qua đêm, phạm tội *dukkaṭa*. Khi chưa qua đêm, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Khi chưa qua đêm, nhận biết là chưa qua đêm thì vô tội.

Trong lúc rạng đông vị ni chú nguyện để dùng riêng, vị ni chú nguyện để dùng chung, vị ni phân phát, (bình bát) bị mất trộm, bị hư hỏng, bị vỡ, (các người khác) cướp rồi lấy đi, (các vị khác) lấy đi do sự thân thiết, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư không cho lại bình bát đã được xả bỏ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên không cho lại bình bát đã được xả bỏ; vị ni nào không cho lại thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

3. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru ni, khi trải qua mùa (an cư) mưa ở trú xứ thôn làng, đã đi đến thành Sāvatthī. (Các vị ni ấy) có đầy đủ các pháp thực hành, đầy đủ oai nghi, (nhưng) mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu. Các cư sĩ sau khi nhìn thấy các tỳ khuru ni ấy (nghĩ rằng): “Các tỳ khuru ni này có đầy đủ các pháp thực hành, đầy đủ oai nghi, (nhưng) mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu. Các tỳ khuru ni này sẽ bị rách rưới,” rồi đã dâng y ngoài hạn kỳ đến hội chúng tỳ khuru ni. Tỳ khuru ni Thullanandā đã xác định rằng: - “*Kaṭ hina* của chúng tôi đã được thành tựu, (vậy là) y trong thời hạn,” rồi đã bảo phân chia. Các cư sĩ sau khi nhìn thấy các tỳ khuru ni ấy đã nói điều này: - “Có phải các ni sư cũng đã lãnh được y?” - “Này các đạo hữu, chúng tôi không được lãnh y. Ni sư Thullanandā đã xác định rằng: ‘*Kaṭ hina* của chúng tôi đã được thành tựu, (vậy là) y trong thời hạn,’ rồi đã bảo phân chia.” Các cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao ni sư Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: ‘Y trong thời hạn’ rồi bảo phân chia?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: “Y trong thời hạn” rồi bảo phân chia?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā xác định y

ngoài hạn kỳ là: ‘Y trong thời hạn’ rồi bảo phân chia, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Nay các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: ‘Y trong thời hạn’ rồi bảo phân chia? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“*Vị tỳ khuru ni nào xác định y ngoài hạn kỳ là: ‘Y trong thời hạn’ rồi bảo phân chia thì (y ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.*”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Y ngoài hạn kỳ nghĩa là khi *Kaṭ hina* không được thành tựu thì được phát sanh trong mười một tháng, khi *Kaṭ hina* được thành tựu thì được phát sanh trong bảy tháng; (y) được dâng xác định trong thời gian trên thì (y) ấy gọi là y ngoài hạn kỳ.

Vị ni xác định: “Y trong thời hạn” rồi bảo phân chia, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— “Bạch

chư đại đức ni, y này của tôi đã được bảo chia phần sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là ‘Y trong thời hạn,’ giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ (y) này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Y ngoài hạn kỳ, nhận biết là y ngoài hạn kỳ, vị ni xác định: “Y trong thời hạn” rồi bảo phân chia thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Y ngoài hạn kỳ, có sự hoài nghi, vị ni xác định: “Y trong thời hạn” rồi bảo phân chia thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Y ngoài hạn kỳ, (lầm) tưởng là y trong thời hạn, vị ni xác định: “Y trong thời hạn” rồi bảo phân chia thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Y trong thời hạn, (lầm) tưởng là y ngoài hạn kỳ, phạm tội *dukkaṭṭa*. Y trong thời hạn, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭṭa*. Y trong thời hạn, nhận biết là y trong thời hạn thì vô tội.

Đối với y ngoài hạn kỳ vị ni nhận biết là y ngoài hạn kỳ rồi bảo phân chia, đối với y trong thời hạn vị ni nhận biết là y trong thời hạn rồi bảo phân chia, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

3. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi trao đổi y với vị tỳ khuru ni nọ rồi đã sử dụng. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã xếp y ấy lại rồi để riêng. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với vị tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này ni sư, cái y đã được tôi trao đổi với cô, cái y ấy đâu rồi?” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã đem y ấy lại và đưa cho tỳ khuru ni Thullanandā thấy. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với vị tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này ni sư, hãy nhận lại y của cô đi. Y này là của tôi. Y nào của cô là của chính cô, y nào của tôi là của chính tôi. Hãy đưa đây, y này là của tôi. Hãy mang đi y của mình,” rồi đã giật lại. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi trao đổi y với tỳ khuru ni rồi giật lại?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi trao đổi y với vị tỳ khuru ni rồi giật lại, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi trao đổi y với tỳ khuru ni rồi giật lại vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức

tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào khi đã trao đổi y với tỳ khuru ni sau đó lại nói như vậy: ‘Này ni sư, hãy nhận lấy y của cô. Y này là của tôi. Y nào của cô là của chính cô, y nào của tôi là của chính tôi. Hãy đưa đây, y này là của tôi. Hãy mang đi y của mình’ rồi giật lại hoặc bảo giật lại thì (y ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

4. **Với vị tỳ khuru ni:** với vị tỳ khuru ni khác.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y (có kích thước) tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Khi đã trao đổi: sau khi trao đổi (y) lớn bằng (y) nhỏ hoặc là (y) nhỏ bằng (y) lớn.

Giật lại: vị ni tự mình giật lại thì phạm vào *nissaggiya pācittiya*.

Bảo giật lại: vị ni ra lệnh người khác thì phạm tội *dukkatā a*. Được ra lệnh một lần, (vị nghe lệnh) giật lại nhiều lần thì phạm (chỉ một) *nissaggiya*. Nên được xả bỏ

đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— “*Bạch chư đại đức ni, y này của tôi sau khi trao đổi với tỳ khuru ni rồi đã giặt lại, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng.* —nt— *hội chúng nên cho lại* —nt— *các đại đức ni nên cho lại* —nt— “*Tôi cho lại ni sư.*”

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni sau khi trao đổi y rồi giặt lại hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni sau khi trao đổi y rồi giặt lại hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni sau khi trao đổi y rồi giặt lại hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Vị ni sau khi trao đổi vật dụng khác rồi giặt lại hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *dukkaṭa a*. Vị ni sau khi trao đổi y hoặc vật dụng khác với người nữ chưa tu lên bậc trên rồi giặt lại hoặc bảo giặt lại thì phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni kia cho, hoặc vị ni lấy đi trong khi có sự thân thiết với vị ni kia, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

3. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā bị bệnh. Khi ấy, có nam cư sĩ nọ đã đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā, sau khi đến đã nói với tỳ khuru ni Thullanandā điều này: - “Thưa ni sư, có phải ni sư không được khoẻ? Vật gì cần được mang lại?” - “Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về bơ lỏng.” Sau đó, nam cư sĩ ấy đã mang lại một đồng *kahāpaṇa* bơ lỏng từ nhà của chủ tiệm buôn nọ rồi dâng cho tỳ khuru ni Thullanandā. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói như vậy: - “Này đạo hữu, tôi không có nhu cầu về bơ lỏng. Tôi có nhu cầu về dầu ăn.” Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp người chủ tiệm buôn ấy, sau khi đến đã nói với người chủ tiệm buôn ấy điều này: - “Này ông, nghe nói ni sư không có nhu cầu về bơ lỏng mà có nhu cầu về dầu ăn. Hãy nhận lấy bơ lỏng của ông và hãy cho tôi dầu ăn.” - “Này ông, nếu chúng tôi nhận lại hàng hóa đã được bán ra thì khi nào hàng hoá của chúng tôi mới bán ra được? Với việc mua bơ lỏng thì bơ lỏng đã được mang đi. Ông hãy mang đến phần mua của dầu ăn rồi dầu ăn sẽ được mang đi.”¹ Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao ni sư Thullanandā sau khi yêu cầu

¹ Người chủ hiệu buôn có ý chỉ trích tỳ khuru ni Thullanandā nên đã nói: “mang đến ... mang đi.” Nếu chỉ trích người cận sự nam thì phải nói: “mang đi ... mang đến” (ND).

vật khác lại yêu cầu vật khác nữa?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa thì (vật khác nữa ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Sau khi yêu cầu vật khác: sau khi yêu cầu bất cứ vật gì.

Lại yêu cầu vật khác nữa: vị ni yêu cầu vật khác trừ ra vật ấy. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkatā* a. Do sự đặt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— “Bạch chư đại đức ni, vật này của tôi là vật khác nữa đã được

yêu cầu sau khi đã yêu cầu vật khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Vật khác, nhận biết là vật khác, vị ni yêu cầu vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Vật khác, có sự hoài nghi, vị ni yêu cầu vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Vật khác, (lầm) tưởng không phải là vật khác, vị ni yêu cầu vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Không phải là vật khác, (lầm) tưởng là vật khác, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải là vật khác, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải là vật khác, nhận biết không phải là vật khác thì vô tội.

Vị ni yêu cầu thêm chính vật khác, vị ni (nhận vật khác rồi) yêu cầu thêm vật khác nữa, sau khi cho thấy sự lợi ích rồi yêu cầu,¹ vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

¹ Ý nghĩa của phần không phạm tội được ngài Buddhaghosa giải thích như sau: Vật được dâng chưa đủ nên phải yêu cầu thêm nữa, ngoài vật đã được dâng vị ni còn cần thêm vật thứ hai nên yêu cầu, giải thích sự cần thiết phải có thêm vật thứ hai rồi yêu cầu (VinA. iv, 917).

3. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā bị bệnh. Khi ấy, có nam cư sĩ nọ đã đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā, sau khi đến đã nói với tỳ khuru ni Thullanandā điều này: - “Thưa ni sư, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?” - “Này đạo hữu, sức khoẻ không khá. Mọi việc không được thuận tiện.” - “Thưa ni sư, tôi sẽ để lại ở nhà của chủ tiệm buôn kia một đồng *kahāpaṇa*. Ni sư muốn vật gì ở tiệm buôn kia thì hãy bảo mang lại vật ấy.” Tỳ khuru ni Thullanandā đã bảo cô ni tu tập sự nọ rằng: - “Này cô ni tu tập sự, hãy đi rồi mang lại một đồng *kahāpaṇa* dầu ăn từ nhà của chủ tiệm buôn kia.”

Sau đó, cô ni tu tập sự ấy đã mang lại một đồng *kahāpaṇa* dầu ăn từ nhà của chủ tiệm buôn ấy và dâng cho tỳ khuru ni Thullanandā. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói như vậy: - “Này cô ni tu tập sự, tôi không có nhu cầu về dầu ăn. Tôi có nhu cầu về bơ lỏng.” Khi ấy, cô ni tu tập sự ấy đã đi đến gặp người chủ tiệm buôn ấy, sau khi đến đã nói với người chủ tiệm buôn ấy điều này: - “Này đạo hữu, nghe nói ni sư không có nhu cầu về dầu ăn mà có nhu cầu về bơ lỏng. Hãy nhận lấy dầu ăn của ông và hãy cho tôi bơ lỏng.” - “Thưa sư cô, nếu chúng tôi nhận lại hàng hóa đã được bán ra thì khi nào hàng hoá của chúng tôi mới bán ra được? Với việc mua dầu ăn thì dầu ăn đã được mang đi. Sư cô hãy mang đến phần mua của bơ lỏng rồi bơ lỏng sẽ được mang đi.”

2. Khi ấy, cô ni tu tập sự ấy đã đứng khóc lóc. Các tỳ khuru ni đã nói với cô ni tu tập sự ấy điều này: - “Này cô ni tu tập sự, vì sao cô lại khóc lóc?” Khi ấy, cô ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa thì (vật khác nữa ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Sau khi bảo sắm vật khác: sau khi bảo sắm bất cứ vật gì.

Lại bảo sắm vật khác nữa: vị ni bảo sắm vật khác trừ ra vật ấy. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa*. Do sự đặt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— “Bạch chư đại đức ni, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sắm sau khi đã bảo sắm vật khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Vật khác, nhận biết là vật khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Vật khác, có sự hoài nghi, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Vật khác, (lầm) tưởng không phải là vật khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Không phải là vật khác, (lầm) tưởng là vật khác, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là vật khác, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không phải là vật khác, nhận biết không phải là vật khác thì vô tội.

Vị ni bảo sắm thêm chính vật khác, vị ni (nhận vật khác rồi) bảo sắm thêm vật khác nữa, sau khi cho thấy sự lợi ích rồi bảo sắm, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

3. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các cư sĩ sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về y của hội chúng tỳ khuru ni đã để lại phần tài vật ở nhà của người buôn vải nọ rồi đã đi đến gặp các tỳ khuru ni và đã nói điều này: - “Thưa các ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về y đã được để lại ở nhà của người buôn vải kia. Từ nơi ấy, các ni sư hãy bảo mang y lại rồi chia phần.” Với phần tài vật ấy, các tỳ khuru ni đã bảo sắm được phẩm cho bản thân rồi thọ dụng. Các cư sĩ biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho

nhu cầu của việc khác vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bảo sấm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật khác nữa ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dâng nhằm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về hội chúng: của hội chúng, không phải của nhóm, không phải của một tỳ khuru ni.

Bảo sấm vật khác nữa: vị ni bảo sấm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định (của thí chủ). Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa*. Do sự đặt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và nay các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— *“Bạch chư đại đức ni, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác*

cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bổ thí.

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội *dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

3. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bảy giờ, các cư sĩ sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về y của hội chúng tỳ khuru ni đã để lại phần tài vật ở nhà của người buôn vải nọ rồi đã đi đến gặp các tỳ khuru ni và đã nói điều này: - “Thưa các ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về y đã được để lại ở nhà của người buôn vải kia. Từ nơi ấy, các ni sư hãy bảo mang y lại rồi chia phần.” Các tỳ khuru ni sau khi tự mình yêu cầu rồi đã bảo sắm được phẩm bằng phần tài vật ấy và thọ dụng. Các cư sĩ biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác ?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiến trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật khác nữa ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dâng nhằm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về hội chúng: của hội chúng, không phải của nhóm, không phải của một tỳ khuru ni.

Do tự mình yêu cầu: sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sấm vật khác nữa: vị ni bảo sấm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định (của thí chủ). Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— *“Bạch chư đại đức ni, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên*

cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sự.”

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoà nghi, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bổ thí.

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội *dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoà nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

3. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni thường trú ở căn phòng của phường hội nợ bị thiếu thốn về cháo. Khi ấy, phường hội ấy sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về cháo của các tỳ khuru ni đã để lại phần tài vật ở nhà của chủ tiệm buôn nợ rồi đã đi đến gặp các tỳ khuru ni và đã nói điều này: - “Thưa các ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về cháo đã được để lại ở nhà của người chủ hiệu buôn kia. Từ nơi ấy, các ni sư hãy bảo mang gạo đến rồi bảo nấu cháo và thọ dụng.” Các tỳ khuru ni đã bảo sắm được phẩm bằng phần tài vật ấy rồi thọ dụng. Khi ấy phường hội ấy biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ

khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật khác nữa ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dăng nhắm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về nhóm: của nhóm, không phải của hội chúng, không phải của một tỳ khuru ni.

Bảo sắm vật khác nữa: vị ni bảo sắm vật khác trừ ra vật đã được dăng theo ý định (của thí chủ). Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— *“Bạch chư đại đức ni, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sắm bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này*

đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí (cho bản thân).

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội *dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

3. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni thường trú ở căn phòng của phường hội nợ bị thiếu thốn về cháo. Khi ấy, phường hội ấy sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về cháo của các tỳ khuru ni đã để lại phần tài vật ở nhà của chủ tiệm buôn nợ rồi đã đi đến gặp các tỳ khuru ni và đã nói điều này: - “Thưa các ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về cháo đã được để lại ở nhà của người chủ hiệu buôn kia. Từ nơi ấy, các ni sư hãy bảo mang gạo đến rồi bảo nấu cháo và thọ dụng.” Các tỳ khuru ni sau khi tự mình yêu cầu rồi đã bảo sắm được phẩm bằng phần tài vật ấy và thọ dụng. Phường hội ấy biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiến trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,

—nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật khác nữa ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dâng nhằm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về nhóm: của nhóm, không phải của hội chúng, không phải của một tỳ khuru ni.

Do tự mình yêu cầu: sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sấm vật khác nữa: vị ni bảo sấm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định (của thí chủ). Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— *“Bạch chư đại đức ni, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm do tự*

mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí.

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội *dukkat a*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

3. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại. Nhiều người thăm viếng tỳ khuru ni Thullanandā. Vào lúc bấy giờ, căn phòng của tỳ khuru ni Thullanandā bị hư hoại. Dân chúng đã nói với tỳ khuru ni Thullanandā điều này:

- “Thưa ni sư, tại sao phòng ở này của ni sư bị hư hoại?”
- “Này các đạo hữu, không có các thí chủ, không có các nhân công.” Khi ấy, những người ấy sau khi gom lại sự tự nguyện (hùn phước) cho nhu cầu về phòng ở của tỳ khuru ni Thullanandā rồi đã dâng lên phần tài vật thuộc về tỳ khuru ni Thullanandā. Tỳ khuru ni Thullanandā đã tự mình yêu cầu và đã bảo sắm được phẩm bằng phần tài vật ấy rồi thọ dụng. Dân chúng biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao ni sư Thullanandā lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem

lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì (vật khác nữa ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: đã được dâng nhằm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về cá nhân: của một tỳ khuru ni, không phải của hội chúng, không phải của nhóm.

Do tự mình yêu cầu: sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sấm vật khác nữa: vị ni bảo sấm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định (của thí chủ). Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— *“Bạch chư đại đức ni, vật này của tôi là vật khác nữa đã được bảo sấm do tự*

mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí.

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, (lầm) tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác, phạm tội *dukkat a*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị ni sử dụng phần còn lại (sau khi đã bảo sắm đủ vật kia), vị ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

--ooOoo--

3. 11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại. Khi ấy vào mùa lạnh, đức vua Pasenadi xứ Kosala sau khi khoác lên tấm choàng len đắt giá đã đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā, sau khi đến đã đánh lễ tỳ khuru ni Thullanandā rồi ngồi xuống ở một bên. Tỳ khuru ni Thullanandā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại.

Sau đó, khi đã được tỳ khuru ni Thullanandā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với tỳ khuru ni Thullanandā điều này: - “Thưa ni sư, có nhu cầu về vật gì xin ni sư cứ nói.” - “Tâu đại vương, nếu ngài có ý định bố thí đến tôi thì hãy dâng tấm choàng len này.” Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã dâng tỳ khuru ni Thullanandā tấm choàng len rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ tỳ khuru ni Thullanandā, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

2, Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các tỳ khuru ni này ham muốn quá độ, không tự biết đủ! Tại sao lại yêu cầu đức vua dâng tấm choàng len?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao

ni sư Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng len?”
—nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā yêu cầu đức vua tấm choàng len, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng len vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni, trong khi bảo sắm tấm choàng loại dày, nên bảo sắm tối đa là bốn kaṃsa. Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

3. Tấm choàng loại dày nghĩa là bất cứ loại tấm choàng nào vào mùa đông.

Trong khi bảo sắm: trong khi yêu cầu.

Nên bảo sắm tối đa là bốn kaṃsa: nên bảo sắm vật trị giá là mười sáu kahāpaṇa.¹

Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy: vị ni yêu cầu vượt quá trị giá ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội dukkaṭa. Do sự đạt được thì phạm vào nissaggiya, nên được xả bỏ

¹ kahāpaṇa là đơn vị tiền tệ thời bấy giờ. Cũng nên nhắc lại rằng vị tỳ khuru hoặc tỳ khuru ni trộm cắp vật trị giá 5 māsa = 1 pāda = ¼ kahāpaṇa là phạm tội cực nặng pārājika. (ND).

đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— “Bạch chư đại đức ni, tấm choàng loại dày này của tôi đã được bảo sắm vượt quá bốn *kaṃsa*, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Hon bốn *kaṃsa*, nhận biết là hon, vị ni bảo sắm thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Hon bốn *kaṃsa*, có sự hoài nghi, vị ni bảo sắm thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Hon bốn *kaṃsa*, (lầm) tưởng là kém, vị ni bảo sắm thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Kém bốn *kaṃsa*, (lầm) tưởng là hon, phạm tội *dukkaṭa*. Kém bốn *kaṃsa*, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Kém bốn *kaṃsa*, nhận biết là kém thì vô tội.

Vị ni bảo sắm (vật trị giá) tối đa là bốn *kaṃsa*, vị ni bảo sắm (vật trị giá) tối đa kém bốn *kaṃsa*, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị ni bảo sắm vật có giá trị thấp đối với người có ý định bảo sắm vật giá trị cao, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười một.

--ooOoo--

3. 12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại. Khi ấy vào mùa nóng, đức vua Pasenadi xứ Kosala sau khi khoác lên tấm choàng sợi lanh đắt giá đã đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā, sau khi đến đã đánh lễ tỳ khuru ni Thullanandā rồi ngồi xuống ở một bên. Tỳ khuru ni Thullanandā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được tỳ khuru ni Thullanandā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với tỳ khuru ni Thullanandā điều này: - “Thưa ni sư, có nhu cầu về vật gì xin ni sư cứ nói.” - “Tâu đại vương, nếu ngài có ý định bố thí đến tôi thì hãy dâng tấm choàng sợi lanh này.” Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã dâng tỳ khuru ni Thullanandā tấm choàng sợi lanh rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ tỳ khuru ni Thullanandā, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các tỳ khuru ni này ham muốn quá độ, không tự biết đủ! Tại sao lại yêu cầu đức vua dâng tấm choàng sợi lanh?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn,

phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại yêu cầu đức vua tắm choàng sợi lanh?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā yêu cầu đức vua tắm choàng sợi lanh, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại yêu cầu đức vua tắm choàng sợi lanh vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni, trong khi bảo sắm tắm choàng loại nhẹ, nên bảo sắm tối đa là hai kaṃsa rūrī. Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy thì (vật ấy) nên được xả bỏ và (vị ni ấy) phạm tội pācittiya.”

3. Tắm choàng loại nhẹ nghĩa là bất cứ loại tắm choàng nào vào mùa nóng.

Trong khi bảo sắm: trong khi yêu cầu.

Nên bảo sắm tối đa là hai kaṃsa rūrī: nên bảo sắm vật trị giá là mười kahāpaṇa.

Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy: vị ni yêu cầu vượt quá trị giá ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội dukkaṭa. Do sự đạt được thì phạm vào nissaggiya, nên được xả bỏ

đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị tỳ khuru ni. Và này các tỳ khuru, nên được xả bỏ như vậy: —nt— “Bạch chư đại đức ni, tấm choàng loại dày này của tôi đã được bảo sấm vượt quá hai *kaṃsa* rưỡi, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng. —nt— hội chúng nên cho lại —nt— các đại đức ni nên cho lại —nt— “Tôi cho lại ni sư.”

Hơn hai *kaṃsa* rưỡi, nhận biết là hơn, vị ni bảo sấm thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Hơn hai *kaṃsa* rưỡi, có sự hoài nghi, vị ni bảo sấm thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*. Hơn hai *kaṃsa* rưỡi, (lầm) tưởng là kém, vị ni bảo sấm thì phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Kém hai *kaṃsa* rưỡi, (lầm) tưởng là hơn, phạm tội *dukkaṭa*. Kém hai *kaṃsa* rưỡi, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Kém hai *kaṃsa* rưỡi, nhận biết là kém thì vô tội.

Vị ni bảo sấm (vật trị giá) tối đa là hai *kaṃsa* rưỡi, vị ni bảo sấm (vật trị giá) tối đa kém hai *kaṃsa* rưỡi, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị ni bảo sấm vật có giá trị thấp đối với người có ý định bảo sấm vật giá trị cao, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười hai.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC CÁC ĐIỀU NÀY

Bình bát, ngoài hạn kỳ và trong thời hạn, trao đổi, và yêu cầu, sau khi bảo sắm, có nhu cầu vật khác nữa, thuộc về hội chúng, (của) nhóm, tự mình yêu cầu, thuộc về cá nhân, (trị giá) bốn kaṃsa, và hai kaṃsa rưỡi.

--ooOoo--

Bạch chư đại đức ni, ba mươi điều *nissaggiya pācittiya*¹ đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

¹ Theo lời giải thích của Ngài Buddhaghosa: Tỳ khuru và tỳ khuru ni đều có 30 điều *nissaggiya pācittiya*. Phần của tỳ khuru ni gồm có 12 điều quy định riêng đã được trình bày ở trên, còn 18 được quy định chung đã được trình bày ở giới bốn của tỳ khuru: Phần Y bỏ ra hai điều là điều 4 (bảo giặt y) và điều 5 (thọ lãnh y từ tay tỳ khuru ni) rồi thêm vào hai điều là điều 2 (phân chia y) và điều 3 (trao đổi y rồi giặt lại) ở trên là đủ mười; Phần To Tầm bỏ ra bảy điều học đầu rồi thay thế bằng bảy điều ở trên đây từ điều 4-10 rồi cộng thêm vào 3 điều còn lại của tỳ khuru là đủ mười; Phần Bình Bát bỏ ra 3 điều là điều 1 (cất giữ bình bát), điều 4 (y choàng tắm mưa), và điều 9 (ngủ ở rừng) rồi thêm vào điều đầu tiên ở trên (tích trữ bình bát) và hai điều sau cùng (tắm choàng loại dày và loại nhẹ) là đủ mười; như vậy tổng cộng là 30 điều học (VinA. iv, 919).

Dứt các điều *Nissaggiya*.

--ooOoo--

4. CHƯƠNG *PĀCITTIIYA*

Bạch chú đại đức ni, một trăm sáu mươi sáu điều *pācittiya* này được đưa ra đọc tụng.

4. 1. PHẨM TỎI

4. 1. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, hội chúng tỳ khưu ni được nam cư sĩ nọ thỉnh cầu về tội (nói rằng): “Các ni sư nào có nhu cầu về tội, tôi dâng tội.” Và người canh ruộng được ra lệnh rằng: “Nếu các tỳ khưu ni đi đến, hãy dâng cho mỗi một vị tỳ khưu ni hai ba bó.” Vào lúc bấy giờ, trong thành Sāvattthī có lễ hội. Tội đã được đem lại bao nhiêu đều không còn. Các tỳ khưu ni đã đi đến nam cư sĩ ấy và đã nói điều này: - “Này đạo hữu, có nhu cầu về tội.” - “Thưa các ni sư, không có. Tội đã được đem lại bao nhiêu đều hết cả. Xin hãy đi đến ruộng.” Tỳ khưu ni Thullanandā sau khi đi đến ruộng đã không biết chừng mực và đã bảo mang đi nhiều tội. Người canh ruộng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khưu ni sau khi đi đến ruộng lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tội?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được người canh ruộng ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Ngài đã nói Pháp thoại rồi đã bảo các tỳ khuru rằng:

3. - “Này các tỳ khuru, vào thời quá khứ tỳ khuru ni Thullanandā đã là vợ của người Bà-la-môn nọ và có ba người con gái là Nandā, Nandavatī, và Sundarīnandā. Này các tỳ khuru, khi ấy người Bà-la-môn ấy sau khi qua đời đã sanh vào bào thai của con chim thiên nga nọ. Các lông của con chim ấy đã là hoàn toàn bằng vàng. Nó đã cho các cô ấy mỗi người một lông chim.

Này các tỳ khuru, khi ấy tỳ khuru ni Thullanandā (nghĩ rằng): “Con chim thiên nga này cho chúng ta mỗi người một lông chim” nên đã nắm lấy con chim thiên nga chúa ấy và đã vặt trụi lông. Bộ lông của con chim ấy trong khi được mọc lại có màu trắng. Này các tỳ khuru, lúc bấy giờ tỳ khuru ni Thullanandā cũng vì quá tham lam khiến vàng đã bị tiêu tan; giờ đây tỏi sẽ bị mất đi.

“Vật gì đã được nhận lãnh thì nên hoan hỷ với vật ấy, bởi vì quá tham lam nên kẻ ác đã nắm lấy thiên nga chúa, khiến cho vàng đã bị tiêu tan.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách tỳ khuru ni Thullanandā bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào nhai tỏi thì phạm tội *pācittiya*.”

4. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỏi nghĩa là (loại thảo mộc) thuộc về xứ Magadha được đề cập đến. (Nghĩ rằng): “Ta sẽ ăn” rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭa* a. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Tỏi, nhận biết là tỏi, vị ni nhai phạm tội *pācittiya*. Tỏi, có sự hoài nghi, vị ni nhai phạm tội *pācittiya*. Tỏi, (lầm) tưởng không phải tỏi, vị ni nhai phạm tội *pācittiya*.

Không phải tỏi, (lầm) tưởng là tỏi, vị ni nhai phạm tội *dukkaṭa* a. Không phải tỏi, có sự hoài nghi, vị ni nhai phạm tội *dukkaṭa* a. Không phải tỏi, nhận biết không phải tỏi, vị ni nhai thì vô tội.

Trong trường hợp củ hành, củ hành đỏ, củ hành tây, lá hẹ, nấu chung với xúp, nấu chung với thịt, nấu chung với dầu ăn, rau cải trộn, hương vị làm ngon miệng, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 1. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư sau khi cạo lông ở chỗ kín rồi lỏa thể tắm chung với các cô gái điếm ở một bên tắm nơi dòng sông Aciravatī. Các cô gái điếm phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại cạo lông ở chỗ kín, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được các cô gái điếm ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại cạo lông ở chỗ kín?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư cạo lông ở chỗ kín, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại cạo lông ở chỗ kín vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào cạo lông ở chỗ kín thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ kín nghĩa là hai nách và chỗ tiểu tiện.

Cạo: vị ni cạo (nhô) chỉ một sợi lông thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni dẫu cạo (nhô) nhiều sợi lông cũng phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Vì nguyên nhân bệnh, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

4. 1. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, có hai tỳ khuru ni bị bức bối bởi sự không được thỏa thích nên đi vào phòng trong rồi thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay. Các tỳ khuru ni đã chạy lại vì tiếng động ấy rồi đã nói với các tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này các ni sư, vì sao các cô lại làm điều nhơ nhớp cùng với người nam vậy?” - “Này các ni sư, chúng tôi không làm điều nhơ nhớp cùng với người nam.” Rồi đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Khi thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay thì phạm tội pācittiya.”

3. **Việc đập vỗ bằng lòng bàn tay** nghĩa là trong lúc ưng thuận sự xúc chạm, vị ni đánh (đập, vỗ) vào chỗ tiểu tiện mặc dầu chỉ bằng cánh hoa sen thì phạm tội *pācittiya*.

Vì nguyên nhân bệnh, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 1. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có người nọ trước đây là cung nữ của đức vua đã xuất gia noi các tỳ khuru ni. Có tỳ khuru ni nọ bị bức bối bởi sự không được thỏa thích đã đi đến gặp vị tỳ khuru ni ấy, sau khi đến đã nói với vị tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này ni sư, đức vua lâu lâu mới đến với cô, cô chịu đựng bằng cách nào?” - “Này ni sư, với gậy ngăn bằng nhựa cây.” - “Này ni sư, gậy ngăn bằng nhựa cây ấy là gì?” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã giải thích gậy ngăn bằng nhựa cây cho vị tỳ khuru ni nọ. Sau đó, vị tỳ khuru ni nọ sau khi áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây rồi không nhớ để rửa và đã quăng bỏ ở một góc. Các tỳ khuru ni khi nhìn thấy vật bị các con ruồi bu quanh đã nói như vậy: - “Việc làm này là của ai?” Cô ni nọ đã nói như vậy: - “Việc làm này là của tôi.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này

các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“(Trường hợp) gậy ngấn bằng nhựa cây thì phạm tội pācittiya.”

3. Gậy ngấn bằng nhựa cây nghĩa là làm bằng nhựa cây, làm bằng gỗ, làm bằng bột gạo, làm bằng đất sét.

Áp dụng: Trong khi ưng thuận sự xúc chạm, vị ni đưa vào chỗ đường tiêu cho dù chỉ là cánh hoa sen thì phạm tội *pācittiya*.

Vì nguyên nhân bệnh, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

4. 1. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở phía dưới gió (nói rằng): - “Bạch Thế Tôn, người nữ có mùi thối.” Khi ấy, đức Thế Tôn (nghĩ rằng): “Các tỳ khuru ni hãy áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước” rồi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamī bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

2. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “*Này các tỳ khuru, ta cho phép việc làm sạch sẽ bằng nước đến các tỳ khuru ni.*” Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ (nghĩ rằng): “Việc làm sạch sẽ bằng nước đã được đức Thế Tôn cho phép” rồi trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu nên đã gây ra vết thương ở chỗ đường tiểu. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

3. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni áp dụng việc

làm sạch sẽ bằng nước quá sâu, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước nên áp dụng tối đa hai lòng tay; vượt quá giới hạn ấy thì phạm tội pācittiya.”

4. Việc làm sạch sẽ bằng nước nghĩa là việc rửa ráy chỗ đường tiêu được đề cập đến.

Trong khi áp dụng: trong khi rửa.

Nên áp dụng tối đa hai lòng tay: nên áp dụng tối đa hai khớp ở hai ngón tay.

Vượt quá giới hạn ấy: trong khi ưng thuận sự xúc chạm, vị ni vượt quá cho dù khoảng cách mảnh bằng sợi tóc thì phạm tội pācittiya.

Khi hơn hai lòng tay, nhận biết là đã hơn, vị ni áp dụng thì phạm tội pācittiya. Khi hơn hai lòng tay, có sự hoài nghi, vị ni áp dụng thì phạm tội pācittiya. Khi hơn hai lòng tay, (lầm) tưởng là kém, vị ni áp dụng thì phạm tội pācittiya.

Khi kém hai lòng tay, (lầm) tưởng là đã hơn, phạm tội dukkaṭṭa. Khi kém hai lòng tay, có sự hoài nghi, phạm

tội *dukkat* a. Khi kém hai lông tay, nhận biết là kém thì vô tội.

Vị ni áp dụng tối đa hai lông tay, vị ni áp dụng tối đa kém hai lông tay, vì nguyên nhân bệnh, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 1. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần tên là Ārohanta đã xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Người vợ cũ của vị ấy cũng đã xuất gia ở nơi các tỳ khuru ni. Vào lúc bấy giờ, vị tỳ khuru ấy nhận phần phân phát bữa ăn khi có sự hiện diện của tỳ khuru ni ấy. Sau đó, trong lúc vị tỳ khuru ấy đang thọ thực, vị tỳ khuru ni ấy đã đứng gần với nước uống và quạt rồi nói chuyện thế tục là nói về chuyện đùa giỡn lúc còn tại gia.¹ Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã xua đuổi vị tỳ khuru ni ấy (nói rằng): - “Này sư tỷ, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép.” - “Trước đây, ông đã làm tôi như vậy và như vậy. Bây giờ, chỉ chừng ấy ông lại không chịu.” Rồi đã đổ tô nước uống lên đầu và đã dùng quạt đánh.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại đánh tỳ khuru?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni đánh vị tỳ khuru, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại đánh tỳ khuru vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt—

¹ *accāvadati*: đã được dịch là “lãng mạ” theo ngữ cảnh ở trang 34, nay được ghi nghĩa khác nương theo Chú Giải (VinA. iv, 922).

Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Trong khi vị tỳ khuru đang thọ thực, vị tỳ khuru ni nào đứng gần với nước uống hoặc với quạt thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Đối với) vị tỳ khuru: (đối với) người nam đã tu lên bậc trên.

Đang thọ thực: đang thọ thực loại vật thực mềm nào đó thuộc về năm loại vật thực mềm.

Nước uống nghĩa là bất cứ loại nước uống nào.

Quạt nghĩa là bất cứ loại quạt nào.

Đứng gần: vị ni đứng trong khoảng tầm tay thì phạm tội pācittiya.

Người nam đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội pācittiya. Người nam đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội pācittiya. Người nam đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên

bậc trên, vị ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni sau khi rời xa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội *dukkaṭa*. Trong lúc (vị tỳ khưu) đang nhai vật thực cứng, vị ni đứng gần thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị ni đứng gần người nam chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa*. Người nam chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*. Người nam chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Người nam chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni dâng, vị ni bảo (người khác) dâng, vị ni ra lệnh cho người (nữ) chưa tu lên bậc trên, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 1. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ trong khi mùa thu hoạch, các tỳ khuru ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi mang đi đến thành phố. Tại trạm gác cổng, (lính gác nói rằng): - “Thưa các ni sư, hãy đóng góp phần,” đã giữ lại rồi đã thả ra. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã đi đến chỗ ngụ và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại yêu cầu lúa còn nguyên hạt?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni yêu cầu lúa còn nguyên hạt, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại yêu cầu lúa còn nguyên hạt vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào yêu cầu, hoặc bảo yêu cầu, hoặc xay, hoặc bảo xay, hoặc giã, hoặc bảo giã, hoặc nấu, hoặc bảo nấu lúa còn nguyên hạt rồi thọ thực thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Lúa còn nguyên hạt nghĩa là lúa gạo *sāli*, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt *kudrūsaka* (bắp?).

(Sau khi) yêu cầu: sau khi tự mình yêu cầu.

(Sau khi) bảo yêu cầu: sau khi bảo người khác yêu cầu.

(Sau khi) xay: sau khi tự mình xay.

(Sau khi) bảo xay: sau khi bảo người khác xay.

(Sau khi) giã: sau khi tự mình giã.

(Sau khi) bảo giã: sau khi bảo người khác giã.

(Sau khi) nấu: sau khi tự mình nấu.

(Sau khi) bảo nấu: sau khi bảo người khác nấu.
(Nghĩ rằng): “Ta sẽ ăn” rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkat a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Vì nguyên nhân bệnh, vị ni yêu cầu rau cải, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 1. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ là lính được đức vua trả lương (nghĩ rằng): “Ta sẽ cầu xin tiền lương bằng số ấy” rồi đã gọi đầu và đi đến hoàng cung nương theo chỗ ngụ của các tỳ khuru ni. Có vị tỳ khuru ni nọ sau khi đại tiện vào vật đựng rồi trong khi đổ bỏ phía bên kia bức tường đã làm rơi lên trên đầu của người Bà-la-môn ấy. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Những bà cạo đầu khả ố này không phải là nữ Sa-môn. Tại sao lại đổ vật đựng chất thải lên đầu? Ta sẽ đốt cháy chỗ ngụ của mấy bà này.” Rồi đã cầm lấy cây lửa đi vào ni viện. Có nam cư sĩ nọ đang đi ra khỏi ni viện đã nhìn thấy người Bà-la-môn ấy cầm cây lửa đang đi vào ni viện, sau khi nhìn thấy đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: - “Này ông, vì sao ông lại cầm cây lửa và đi vào ni viện?” - “Này ông, những bà cạo đầu khả ố này đổ vật đựng chất thải lên đầu tôi. Tôi sẽ đốt cháy chỗ ngụ của mấy bà này.” - “Này ông, hãy đi. Điều này là điều may mắn. Và ông sẽ đạt được số tiền lương ấy là một ngàn.” Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã gọi đầu rồi đi đến hoàng cung và đã đạt được số tiền lương ấy là một ngàn.

2. Sau đó, nam cư sĩ ấy đã đi vào ni viện và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni rồi đã chê trách. Các tỳ khuru

ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại đổ bỏ phân phía bên kia bức tường?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni đổ bỏ phân phía bên kia bức tường, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại đổ bỏ phân phía bên kia bức tường vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ phân hoặc nước tiểu hoặc rác rưởi hoặc thức ăn thừa phía bên kia bức tường hoặc phía bên kia hàng rào thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Phân nghĩa là chất thải được đề cập đến.

Nước tiểu nghĩa là nước thải được đề cập đến.

Rác rưởi nghĩa là rác quét dọn được đề cập đến.

Thức ăn thừa nghĩa là các vật được nhai thừa, hoặc các mẫu xương, hoặc nước do được đề cập đến.

Bức tường nghĩa là có ba loại tường: tường gạch, tường đá, tường gỗ.

Hàng rào nghĩa là có ba loại hàng rào: hàng rào gạch, hàng rào đá, hàng rào gỗ.

Phía bên kia bức tường: phía đối nghịch của bức tường.

Phía bên kia hàng rào: phía đối nghịch của hàng rào.

Đổ bỏ: vị ni tự mình đổ bỏ thì phạm tội *pācittiya*.

Bảo đổ bỏ: vị ni ra lệnh người khác đổ bỏ thì phạm tội *dukkat a*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu (vị kia) đổ nhiều lần (vị ra lệnh) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Vị ni đổ bỏ sau khi đã xem xét, vị ni đổ bỏ nơi không phải là lối đi, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

4. 1. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, ruộng lúa mạch của người Bà-la-môn nợ là kể bên chỗ ngụ của các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rưởi, và thức ăn thừa ở trong ruộng. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại làm dơ ruộng lúa mạch của chúng tôi?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rưởi, và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rưởi, và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rưởi, và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ phân hoặc nước tiểu hoặc rác rưởi hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là vị ‘tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Phân nghĩa là chất thải được đề cập đến.

Nước tiểu nghĩa là nước thải được đề cập đến.

Rác rưởi nghĩa là rác quét dọn được đề cập đến.

Thức ăn thừa nghĩa là các vật được nhai thừa, hoặc các mẫu xương, hoặc nước dơ được đề cập đến.

Cỏ cây xanh nghĩa là loại hạt và rau cải nào được trồng để làm thực phẩm sử dụng cho loài người.

Đổ bỏ: vị ni tự mình đổ bỏ thì phạm tội *pācittiya*.

Bảo đổ bỏ: vị ni ra lệnh người khác đổ bỏ thì phạm tội *dukkaṭ a*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu (vị kia) đổ nhiều lần (vị ra lệnh) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Cỏ cây xanh, nhận biết là cỏ cây xanh, vị ni đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ thì phạm tội *pācittiya*. Cỏ cây xanh, có sự hoài nghi, vị ni đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ thì phạm tội *pācittiya*. Cỏ cây xanh, (lầm) tưởng không phải là cỏ cây xanh, vị ni đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ thì phạm tội *pācittiya*.

Không phải là cỏ cây xanh, (lầm) tưởng là cỏ cây xanh, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải là cỏ cây xanh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Không phải là cỏ cây xanh, nhận biết không phải là cỏ cây xanh thì vô tội.

Vị ni đổ bỏ ở ruộng đã được đổ bỏ (rác), vị ni đổ bỏ sau khi xin phép các người chủ, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

4. 1. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, tại thành Rājagaha có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư đã đi để xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khưu ni lại đi để xem vũ ca tấu nhạc, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khưu ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại đi để xem vũ ca tấu nhạc?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư đi để xem vũ ca tấu nhạc, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khưu, vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại đi để xem vũ ca tấu nhạc vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu ni nào đi để xem vũ hoặc ca hoặc tấu nhạc thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vũ nghĩa là bất cứ loại vũ gì.

Ca nghĩa là bất cứ bài ca gì.

Tấu nhạc nghĩa là bất cứ loại tấu nhạc gì (trống, kèn, đờn, v.v...).

Vị ni đi để xem thì phạm tội *dukkaṭ a*. Đứng tại chỗ ấy rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi rời khỏi tầm nhìn, vị ni lại nhìn hoặc lắng nghe lần nữa thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni đi để xem mỗi một (môn biểu diễn) thì phạm tội *dukkaṭ a*. Đứng tại chỗ ấy rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi rời khỏi tầm nhìn, vị ni lại nhìn hoặc lắng nghe lần nữa thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni đứng ở trong tu viện rồi nhìn thấy hoặc nghe, sau khi đi đến chỗ đứng hoặc chỗ ngồi hoặc chỗ nằm của vị tỳ khuru ni thì họ vũ hoặc họ ca hoặc họ tấu nhạc, vị ni nhìn thấy hoặc nghe trong khi đi ngược chiều, khi có việc cần phải làm vị ni đi rồi nhìn thấy hoặc nghe, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Tỏi là thứ nhất.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Tỏi, việc cạo (nhô) lông, và việc đập vổ bằng lòng bàn tay, gậy ngắn (bằng nhựa cây), việc làm sạch sẽ, vị (tỳ khuru) đang ăn, vôi lúa còn nguyên hạt, hai điều về rác rưởi, và việc nhìn xem.

--ooOoo--

4. 2. PHẨM BÓNG TỐI

4. 2. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị tỳ khuru ni học trò của Bhaddā Kāpilānī từ thôn làng đã đi đến thành Sāvattthī vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy cùng người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và

này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong bóng tối ban đêm: khi mặt trời đã lặn.

Không có đèn: không có ánh sáng.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải Dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: cùng với.

Một nữ với một nam: là chỉ có người nam và vị tỳ khuru ni.

Hoặc đứng chung: vị ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội pācittiya.

Hoặc chuyện trò: vị ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội pācittiya.

Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội *dukkatā* a. Vị ni đứng chung hoặc chuyện trò với Dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội *dukkatā* a.

Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thú nhĩ, vị ni không mong mỗi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác vị ni đứng chung hoặc chuyện trò, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 2. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị tỳ khuru ni học trò của Bhaddā Kāpilānī từ thôn làng đã đi đến thành Sāvattthī vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn” nên cùng chính người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở chỗ được che khuất thì phạm tội *pācittiya*.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ được che khuất nghĩa là chỗ được che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cội cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải Dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: cùng với.

Một nữ với một nam: là chỉ có người nam và vị tỳ khuru ni.

Hoặc đứng chung: vị ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc chuyện trò: vị ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội *pācittiya*.

Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội *dukkaṭṭa a*. Vị ni đứng chung hoặc

chuyện trò với Dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội *dukkat* a.

Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị ni không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác vị ni đứng chung hoặc chuyện trò, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

4. 2. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị tỳ khuru ni học trò của Bhaddā Kāpilānī từ thôn làng đã đi đến thành Sāvattthī vì công việc cần làm nào đó.

Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cấm đoán cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung chuyện trò ở chỗ được che khuất” nên đã cùng chính người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở khoảng trống thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Khoảng trống nghĩa là không bị che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cột cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc là không bị che khuất bởi bất cứ vật gì.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải Dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: cùng chung.

Một nữ với một nam: là chỉ có người nam và vị tỳ khuru ni.

Hoặc đứng chung: vị ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc chuyện trò: vị ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội *pācittiya*.

Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội *dukkat a*. Vị ni đứng chung hoặc chuyện trò với Dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội *dukkat a*.

Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị ni không mong mỗi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác vị ni đứng chung hoặc chuyện trò , vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 2. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thăm thì vào tai và đuổi đi vị tỳ khuru ni thứ nhì nữa.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thăm thì vào tai và đuổi đi vị tỳ khuru ni thứ nhì nữa?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thăm thì vào tai và đuổi đi vị tỳ khuru ni thứ nhì nữa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thăm thì vào tai và đuổi đi vị tỳ khuru ni thứ nhì nữa? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ cùng người nam, một nữ với một nam hoặc đứng

chung, hoặc chuyện trò, hoặc thâm thì vào tai, hoặc đuổi đi vị tỳ khuru ni thứ nhì thì phạm tội pācittiya."

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là 'vị tỳ khuru ni' được đề cập trong ý nghĩa này.

Đường có xe cộ nghĩa là đường có xe kéo hàng được đề cập đến.

Ngõ cụt nghĩa là họ đi vào bằng chính lối nào thì đi ra bằng chính lối đó.

Giao lộ nghĩa là nơi ngã tư đường được đề cập đến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải Dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: cùng với.

Một nữ với một nam: là chỉ có người nam và vị tỳ khuru ni.

Hoặc đứng chung: vị ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc chuyện trò: vị ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc thâm thì vào tai: vị ni nói vào lỗ tai của người nam thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc đuổi đi vị tỳ khuru ni thứ nhì: vị ni có ý định hành xử sai nguyên tắc rồi đuổi đi vị tỳ khuru ni thứ nhì thì phạm tội *dukkaṭa*. Khi vị ni (kia) đang rời khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe thì phạm tội *dukkaṭa*. Khi đã rời khỏi thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị ni đứng chung hoặc chuyện trò với Dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội *dukkaṭa*.

Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị ni không mong mỗi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác vị ni đứng chung hoặc chuyện trò, vị ni không có ý định hành xử sai nguyên tắc, vị ni đuổi đi vị tỳ khuru ni thứ nhì khi có việc cần làm,¹ vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

¹ Khi có việc cần làm là nhằm mục đích hoàn thành công việc rút thể cho bữa trai phạn, v.v... hoặc mục đích sắp xếp lại sự bẽ bộn ở trong trú xá (VinA. iv, 927).

4. 2. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có tỳ khuru ni nọ là vị thường tới lui với các gia đình và là vị nhận bữa ăn thường kỳ của gia đình nọ. Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ khuru ni ấy đã mặc y, rồi cầm y bát đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi¹ rồi đã ra đi không thông báo các chủ nhân.

Người nữ nô tỳ của gia đình ấy trong lúc quét nhà đã bỏ chỗ ngồi ấy bên trong cái thùng. Trong khi không nhìn thấy chỗ ngồi ấy, mọi người đã nói với tỳ khuru ni ấy điều này: - “Thưa ni sư, chỗ ngồi ấy đâu rồi?” - “Này các đạo hữu, tôi không nhìn thấy chỗ ngồi ấy.” - “Thưa ni sư, hãy đưa ra chỗ ngồi ấy.” Họ đã chê trách và đã ngưng lại bữa ăn thường kỳ. Sau đó, những người ấy trong khi làm sạch sẽ nhà đã nhìn thấy chỗ ngồi ấy ở bên trong cái thùng nên đã xin lỗi vị tỳ khuru ni ấy và thiết lập lại bữa ăn thường kỳ.

2. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi lại ra đi không thông báo các chủ nhân?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni

¹ Từ *āsanaṃ* có nghĩa Việt “chỗ ngồi, hành động ngồi,” nhưng ở ngữ cảnh này là một loại chỗ ngồi gọn gàng, có thể di chuyển được, dường như là “một loại đệm lót ngồi” (ND).

sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo các chủ nhân, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi lại ra đi không thông báo các chủ nhân vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo các chủ nhân thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trước bữa ăn nghĩa là từ lúc mặt trời mọc cho đến giữa trưa.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: sau khi đã đến nơi ấy.

Chỗ ngồi nghĩa là chỗ của tư thế kiết già được đề cập đến.

(Sau khi) ngồi xuống: sau khi ngồi xuống ở nơi ấy.

Ra đi không thông báo các chủ nhân: không thông báo người có trí suy xét ở gia đình ấy. Trong khi vượt qua mái che mưa thì phạm tội *pācittiya*. Ở ngoài trời, trong khi vượt qua vùng lân cận thì phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa thông báo, nhận biết là chưa thông báo, vị ni ra đi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa thông báo, có sự hoài nghi, vị ni ra đi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa thông báo, (lầm) tưởng là đã thông báo, vị ni ra đi thì phạm tội *pācittiya*.

Không phải là chỗ của tư thế kiết già thì phạm tội *dukkaṭa a*. Khi đã thông báo, (lầm) tưởng là chưa thông báo, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi đã thông báo, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi đã thông báo, nhận biết là đã thông báo thì vô tội.

Vị ni đi khi đã thông báo, ở chỗ ngồi không thể di động, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 2. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân rồi ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi.¹ Mọi người trong khi khiếm tốn đối với tỳ khuru ni Thullanandā nên không ngồi xuống cũng không nằm xuống. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao ni sư Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân rồi ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt—

¹ Tuy đây cũng là *āsanaṃ* nhưng lớn hơn vì có thể nằm xuống (ND).

Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Sau bữa ăn nghĩa là khi đã quá giữa trưa cho đến khi mặt trời lặn.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: sau khi đã đến nơi ấy.

Không hỏi ý các chủ nhân: người nào là chủ nhân ở gia đình ấy thì không hỏi người ấy để cho phép.

Chỗ ngồi nghĩa là chỗ của tư thế kiết già được đề cập đến.

Ngồi xuống: vị ni ngồi xuống trên chỗ ấy thì phạm tội pācittiya.

Nằm xuống: vị ni nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa hỏi ý, (lầm) tưởng là đã hỏi ý, vị ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *pācittiya*.

Không phải là chỗ của tư thế kiết già thì phạm tội *dukkaṭa*. Khi đã hỏi ý, (lầm) tưởng là chưa hỏi ý, phạm tội *dukkaṭa*. Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội.

Vị ni có hỏi ý rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi, ở chỗ được quy định thường xuyên, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 2. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru ni trong khi đi đến thành Sāvattthī trong xứ Kosala nhằm lúc chiều tối đã ghé vào ngôi làng nọ và đi đến gia đình Bà-la-môn nọ xin chỗ ngụ. Khi ấy, người nữ Bà-la-môn đã nói với các tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này các ni sư, hãy chờ đến khi ông Bà-la-môn về.” Các tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “Đến khi ông Bà-la-môn về” rồi đã trải ra chỗ nằm; một số đã ngồi xuống một số đã nằm xuống. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã trở về vào ban đêm và đã nói với người nữ Bà-la-môn điều này: - “Các cô này là ai?” - “Thưa ông, là các tỳ khuru ni.” - “Mấy người hãy lôi những bà cạo đầu khả ố này ra.” Rồi đã cho người lôi ra khỏi nhà.

2. Sau đó, các tỳ khuru ni ấy đã đi đến thành Sāvattthī và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni sau khi đi

đến các gia đình vào lúc trời tối tôi không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Lúc trời tối nghĩa là khi mặt trời đã lặn cho đến lúc rạng đông.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: sau khi đã đến nơi ấy.

Không hỏi ý các chủ nhân: người nào là chủ nhân ở gia đình ấy thì không hỏi ý người ấy để cho phép.

Chỗ nằm nghĩa là ngay cả tấm trải nằm bằng lá.

(Sau khi) trái ra: sau khi tự mình trái ra.

(Sau khi) bảo trái ra: sau khi bảo người khác trái ra.

Ngồi xuống: vị ni ngồi xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *pācittiya*.

Nằm xuống: vị ni nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị ni trái ra hoặc bảo trái ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị ni trái ra hoặc bảo trái ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa hỏi ý, (lầm) tưởng là đã hỏi ý, vị ni trái ra hoặc bảo trái ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*.

Khi đã hỏi ý, (lầm) tưởng là chưa hỏi ý, phạm tội *dukkaṭṭa*. Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭṭa*. Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội.

Vị ni có hỏi ý sau đó trái ra hoặc bảo trái ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 2. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, vị tỳ khuru ni học trò của Bhaddā Kāpilānī phục vụ Bhaddā Kāpilānī rất nghiêm chỉnh. Bhaddā Kāpilānī đã nói với các tỳ khuru ni điều này: - “Này các ni sư, tỳ khuru ni này phục vụ tôi rất nghiêm chỉnh. Tôi sẽ cho cô này y.” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác rằng: - “Này ni sư, nghe nói tôi không phục vụ sư thầy nghiêm chỉnh. Nghe nói sư thầy sẽ không cho tôi y.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào do hiểu sai do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Do hiểu sai: do được hiểu cách khác.

Do xét đoán sai: do được xét đoán cách khác.

Với vị khác: vị ni than phiền với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni than phiền thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni than phiền thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng chưa tu lên bậc trên, vị ni than phiền thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni than phiền với người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

4. 2. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni trong khi không nhìn thấy đồ đạc của bản thân đã nói với tỳ khuru ni Caṇḍakālī điều này: - “Này ni sư, ni sư có nhìn thấy đồ đạc của chúng tôi không?” Tỳ khuru ni Caṇḍakālī phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Chẳng lẽ chính tôi là nữ đạo tặc hay sao? Chẳng lẽ chính tôi là kẻ không biết xấu hổ hay sao? Những ni sư nào trong khi không nhìn thấy đồ đạc của bản thân những vị ni ấy đã nói với tôi như vậy: ‘Này ni sư, ni sư có nhìn thấy đồ đạc của chúng tôi không?’ Này các ni sư, nếu tôi lấy đồ đạc của các cô, tôi không còn là nữ Sa-môn, tôi bị tiêu hoại Phạm hạnh, tôi bị sanh vào địa ngục. Còn cô nào đã nói sai trái về tôi như thế, ngay cả cô ấy cũng hãy không còn là nữ Sa-môn, hãy bị tiêu hoại Phạm hạnh, hãy bị sanh vào địa ngục.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Caṇḍakālī lại nguyên rửa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Caṇḍakālī nguyên rửa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Caṇḍakālī lại nguyên rửa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại

niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào nguyên rửa bản thân hoặc người khác về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bản thân: đối với cá nhân mình.

Người khác: vị đã tu lên bậc trên.

Vị ni nguyên rửa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội *pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni nguyên rửa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni nguyên rửa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni nguyên rửa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni nguyên rửa về sự sanh làm loài thú hoặc về cảnh giới ngạ quỷ hoặc về phần số xui của loài người thì

phạm tội *dukkaṭa* a. Vị ni nguyên rửa người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị ni (nói đề) đề cập đến ý nghĩa, vị ni (nói đề) đề cập đến Pháp, vị ni (nói) nhắm đến sự giảng dạy, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

4. 2. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Caṇḍakālī sau khi gây gổ với các tỳ khuru ni lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Caṇḍakālī lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Caṇḍakālī tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Caṇḍakālī lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chính mình: đối với cá nhân mình.

Vị ni đánh đấm, khóc lóc thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni đánh đấm, không khóc lóc thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị ni khóc lóc không đánh đấm thì phạm tội *dukkaṭa*.

Bị tác động do sự mất mát về thân quyến hoặc do sự mất mát về vật dụng hoặc do sự bất hạnh vì bệnh hoạn vị ni khóc lóc không đánh đấm, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Bóng Tối là thứ nhì.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY:

Trong bóng tối, ở chỗ được che khuất, ở khoảng trống, ở giao lộ, hai điều về không hỏi ý, lúc trời tối, và có sự hiểu sai, về địa ngục, vị ni đã đánh đấm.

--ooOoo--

4. 3. PHẨM LỖA THỂ

4. 3. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều tỳ khưu ni lửa thể tắm chung với các cô gái điếm ở một bến tắm nơi dòng sông Aciravatī. Các cô gái điếm đã chế giễu các tỳ khưu ni ấy rằng: - “Các bà đại đức ơi, có được cái gì cho các bà với việc thực hành Phạm hạnh trong lúc đang còn quá trẻ vậy? Chớ không phải các dục lạc là nên được thụ hưởng hay sao? Khi nào trở nên già cả, khi ấy các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thế các bà sẽ vơ được cả hai mối lợi.” Trong khi bị các cô gái điếm chế giễu, các tỳ khưu ni đã xấu hổ. Sau đó, các tỳ khưu ni ấy đã đi về chỗ ngụ và đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu ni. Các tỳ khưu ni đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khưu ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, —nt— và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào lỏa thê tắm thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Lỏa thê tắm: vị ni không quần y hoặc không choàng y rồi tắm. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkat a*. Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni có y (choàng tắm) bị cướp đoạt, hoặc vị ni có y (choàng tắm) bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 3. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, vài choàng tắm của các tỳ khuru ni đã được đức Thế Tôn cho phép. Các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Vài choàng tắm đã được đức Thế Tôn cho phép,” rồi đã mặc những vài choàng tắm không đúng kích thước, trong lúc để lòng thông ở phía trước và phía sau rồi đi đó đây.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại mặc những vài choàng tắm không đúng kích thước?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư mặc những vài choàng tắm không đúng kích thước, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại mặc những vài choàng tắm không đúng kích thước vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Trong khi cho thực hiện vài choàng tắm, vị tỳ khuru ni nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì (vài choàng tắm) nên được cắt bớt và phạm tội pācittiya.”

3. **Vải choàng tắm** nghĩa là vật mà vị ni quấn vào rồi tắm.

Trong khi cho thực hiện: trong khi (tự) làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ.¹ Nếu vị (tự) làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *pācittiya*.

Vị tự làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *dukkaṭa a*. Được làm bởi người khác, vị ni có được rồi sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni làm theo kích thước, vị ni làm nhỏ hơn, do người khác làm quá kích thước sau khi có được thì cắt bớt rồi sử dụng, vị ni làm mái che hoặc thảm trải nền

¹ Nếu tính gang tay của đức Thiện Thệ theo kích thước của người bình thường là 0,25 cm thì kích thước vải choàng tắm của tỳ khưu ni là 1 m x 0,5 m. Vải choàng tắm mưa của các tỳ khưu lớn hơn: 1,50 m x 0,625 m (ND).

hoặc tấm vách chắn hoặc nệm hoặc gối kê, vị ni bị điên,
—nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

4. 3. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, y bằng vải y đắt giá của vị tỳ khuru ni nọ đã được làm xấu xí, đã được may vụng về. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này ni sư, vải y này của cô tuyệt đẹp nhưng y đã được làm xấu xí, đã được may vụng về.” - “Này ni sư, tôi tháo rời ra, có phải cô sẽ may lại?” - “Này ni sư, đúng vậy. Tôi sẽ may lại.” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã tháo rời y ấy rồi đã trao cho tỳ khuru ni Thullanandā. Tỳ khuru ni Thullanandā (nghĩ rằng): “Ta sẽ may lại, ta sẽ may lại” nhưng không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị tỳ khuru ni rồi không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị tỳ khuru ni rồi không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị tỳ khuru ni rồi

không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị tỳ khuru ni, vị ni ấy sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại, ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Của vị tỳ khuru ni: của vị tỳ khuru ni khác.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y.

Khi đã tháo rời: sau khi tự mình tháo rời.

(Sau khi) bảo tháo rời: sau khi bảo người khác tháo rời.

Vị ni ấy sau đó không gặp trở ngại: khi không có trở ngại.

Vẫn không may lại: không tự mình may lại.

Không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại: không chỉ thị người khác.

Ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày: trừ ra trong bốn ngày hoặc năm ngày. (Nghĩ rằng): “Ta sẽ không may lại, ta sẽ không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại thì phạm tội *pācittiya* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày.

Vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời vật phụ tùng khác sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại thì phạm tội *dukkatā* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Vị ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y hoặc

vật phụ tùng khác của người nữ chưa tu lên bậc trên sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại thì phạm tội *dukkaṭa* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa*.

Trong khi có trở ngại, vị ni đã tầm cầu nhưng không có được (thời gian), trong khi làm vị ni ấy vượt quá bốn ngày hoặc năm ngày, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 3. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni sau khi trao y tận tay của các tỳ khuru ni rồi ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y. Các y ấy được để lại lâu ngày trở nên mốc meo. Các tỳ khuru ni đem phơi nắng các y ấy. Các tỳ khuru ni đã nói với các tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này các ni sư, các y bị mốc meo này là của vị nào vậy?” Khi ấy, các tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni sau khi trao y tận tay của các tỳ khuru ni lại ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y, có đúng không vậy?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni sau khi trao y tận tay của các tỳ khuru ni rồi ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni sau khi trao y tận tay của các tỳ khuru ni lại ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp: đến ngày thứ năm vị ni không quần hoặc không trùm hoặc không phơi nắng năm y, vị ni vượt quá ngày thứ năm thì phạm tội *pācittiya*.¹

Khi đã vượt quá năm ngày, nhận biết là đã vượt quá, phạm tội *pācittiya*. Khi đã vượt quá năm ngày, có sự hoài nghi, phạm tội *pācittiya*. Khi đã vượt quá năm ngày, (lầm) tưởng là chưa vượt quá, phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa vượt quá năm ngày, (lầm) tưởng là đã vượt quá, phạm tội *dukkat a*. Khi chưa vượt quá năm ngày, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Khi chưa vượt quá năm ngày, nhận biết là chưa vượt quá thì vô tội.

Vào ngày thứ năm vị ni quần hoặc trùm hoặc phơi nắng năm y, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng cứ mỗi y là tính một tội *pācittiya* (VinA. iv, 929).

4. 3. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ sau khi đi khất thực đã trải ra tấm y bị dẫm ướt rồi đi vào trong trú xá. Có vị tỳ khuru ni khác đã choàng lên y ấy rồi đi vào làng để khất thực. Vị ni kia đi ra đã hỏi các tỳ khuru ni rằng: - “Này các ni sư, các vị có nhìn thấy y của tôi không?” Các tỳ khuru ni đã kể lại sự việc ấy cho vị tỳ khuru ni ấy. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru ni trùm y của tôi mà không hỏi ý?” Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni trùm y của tỳ khuru ni mà không hỏi ý?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni trùm y của vị tỳ khuru ni mà không hỏi ý, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni trùm y của tỳ khuru ni mà không hỏi ý vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sử dụng y thiết thân (của vị ni khác) thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Y thiết thân nghĩa là y nào đó trong năm y của người nữ đã tu lên bậc trên. Vị ni quân hoặc trùm y chưa được vị ni kia cho, hoặc chưa hỏi ý vị ni kia thì phạm tội *pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni sử dụng y thiết thân (của vị ni kia) thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni sử dụng y thiết thân (của vị ni kia) thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni sử dụng y thiết thân (của vị ni kia) thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni sử dụng y thiết thân của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni kia cho, hoặc sau khi hỏi ý vị ni kia rồi quân hoặc trùm lên, vị ni có y bị cướp đoạt, vị ni có y bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 3. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ cho tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với tỳ khuru ni Thullanandā điều này: - “Thưa ni sư, chúng tôi sẽ dâng y đến hội chúng tỳ khuru ni.” Tỳ khuru ni Thullanandā đã gây chướng ngại (nói rằng): - “Các người có nhiều phận sự, có nhiều công việc cần phải làm.” Vào lúc bấy giờ, ngôi nhà của gia đình ấy bị cháy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao ni sư Thullanandā lại gây chướng ngại việc bố thí của chúng tôi khiến chúng tôi bị xa lìa cả hai là tài sản và phước báu?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm thì phạm tội *pācittiya*.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Nhóm nghĩa là hội chúng tỳ khuru ni được đề cập đến.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y (có kích thước) tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Gây chướng ngại: vị gây chướng ngại (hỏi rằng): “Các người có thể bố thí y này như thế nào?” thì phạm tội *pācittiya*. Vị gây chướng ngại vật phụ tùng khác thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị gây chướng ngại y hoặc vật phụ tùng khác của nhiều vị tỳ khuru ni hoặc của một vị tỳ khuru ni hoặc của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni cản trở sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 3. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có y ngoài hạn kỳ phát sanh đến hội chúng tỳ khuru ni. Khi ấy, hội chúng tỳ khuru ni có ý định phân chia y ấy nên tụ hội lại. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni học trò của tỳ khuru ni Thullanandā đang đi vắng. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với các tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này các ni sư, các tỳ khuru ni đang đi vắng, trong khi ấy y sẽ không được chia.” Rồi đã ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp. Các tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “Trong khi ấy y sẽ không được chia” nên đã ra đi. Đến khi các tỳ khuru ni học trò trở về lại, tỳ khuru ni Thullanandā đã bảo phân chia y ấy.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại ngăn cản sự phân chia y đúng pháp?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā ngăn cản sự phân chia y đúng pháp, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại ngăn cản sự phân chia y đúng pháp vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào ngăn cản sự phân chia y đúng pháp thì phạm tội *pācittiya*.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Sự phân chia y đúng pháp nghĩa là hội chúng tỳ khuru ni có sự hợp nhất tụ hội lại rồi phân chia.

Ngăn cản: vị ni ngăn cản (hỏi rằng): “Có thể phân chia y này như thế nào?” thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị ni ngăn cản thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị ni ngăn cản thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, vị ni ngăn cản thì vô tội.

Hành sự sai pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 3. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā cho y của Sa-môn đến các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống (bảo rằng): - “Hãy nói lời khen ngợi về ta ở đám đông.” Các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống đã nói lời khen ngợi về tỳ khuru ni Thullanandā ở đám đông rằng: - “Ni sư Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại. Hãy bố thí đến ni sư. Hãy phục vụ cho ni sư.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại cho y của Sa-môn đến người nam tại gia?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại cho y của Sa-môn đến người nam tại gia vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào cho y của Sa-môn đến người nam tại gia hoặc nam du sĩ ngoại đạo hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nam tại gia nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ khuru và sa di.

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ khuru ni, vị ni tu tập sự, và sa di ni.

Y của Sa-môn nghĩa là đề cập đến việc làm thành đúng phép đã được thực hiện. Vị ni cho thì phạm tội pācittiya.

Vị ni cho đến cha mẹ, vị ni cho mượn (trong thời hạn), vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

4. 3. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với tỳ khuru ni Thullanandā điều này: - “Thưa ni sư, nếu chúng tôi có khả năng, chúng tôi sẽ dâng y đến hội chúng tỳ khuru ni.” Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni trải qua mùa (an cư) mưa có ý định phân chia y nên đã tụ họp lại. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với các tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này các ni sư, hãy chờ đợi. Có niềm hy vọng về y cho hội chúng tỳ khuru ni.” Các tỳ khuru ni đã nói với tỳ khuru ni Thullanandā điều này: - “Này ni sư, hãy đi và tìm hiểu về y ấy.” Tỳ khuru ni Thullanandā đã đi đến gặp gia đình ấy, sau khi đến đã nói với những người ấy điều này: - “Này các đạo hữu, hãy dâng y đến hội chúng tỳ khuru ni.” - “Thưa ni sư, chúng tôi không thể dâng y đến hội chúng tỳ khuru ni.” Tỳ khuru ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ

khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Niềm hy vọng về y không chắc chắn nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: “Nếu chúng tôi có khả năng, chúng tôi sẽ dâng y.”

Thời hạn về y nghĩa là khi *Kaṭ hina* không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi *Kaṭ hina* được thành tựu thì năm tháng.

Để cho vượt quá thời hạn về y: khi *Kaṭ hina* không được thành tựu, vị ni để cho vượt quá ngày cuối cùng của mùa mưa thì phạm tội *pācittiya*. Khi *Kaṭ hina* được thành tựu, vị ni để cho vượt quá ngày *Kaṭ hina* hết hiệu lực thì phạm tội *pācittiya*.

Khi y không chắc chắn, nhận biết là y không chắc chắn, vị ni để cho vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *pācittiya*. Khi y không chắc chắn, có sự hoài nghi, vị ni để cho vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *dukkaṭa*. Khi y không chắc chắn, (lầm) tưởng là được chắc chắn, vị ni để cho vượt quá thời hạn về y thì vô tội.

Khi y được chắc chắn, (lầm) tưởng là không chắc chắn, phạm tội *dukkaṭa*. Khi y được chắc chắn, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Khi y được chắc chắn, nhận biết là được chắc chắn thì vô tội.

Vị ni cản trở sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

4. 3. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có ngôi trú xá dành cho hội chúng đã được nam cư sĩ nọ cho xây dựng. Vào dịp lễ của ngôi trú xá ấy, người ấy có ý định dâng y ngoài hạn kỳ đến cả hai hội chúng. Vào lúc bấy giờ, *kaṭ hīna* của cả hai hội chúng đã được thành tựu. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp hội chúng và cầu xin sự thu hồi *Kaṭ hīna*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thu hồi *Kaṭ hīna*. Và này các tỳ khuru, *Kaṭ hīna* nên được thu hồi như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi Kaṭ hīna. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng thu hồi Kaṭ hīna. Đại đức nào đồng ý với việc thu hồi Kaṭ hīna xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Kaṭ hīna đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

3. Sau đó, nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp hội chúng tỳ khuru ni và cầu xin sự thu hồi *Kaṭ hīna*. Tỳ khuru ni

Thullanandā (nghĩ rằng): “Sẽ có y cho chúng ta” nên đã ngăn cản sự thu hồi *Kaṭ hīna*. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại không cho sự thu hồi *Kaṭ hīna* của chúng tôi?” Các tỳ khuru ni đã nghe được nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

4. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại ngăn cản sự thu hồi *Kaṭ hīna* đúng pháp?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā ngăn cản sự thu hồi *Kaṭ hīna* đúng pháp, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại ngăn cản sự thu hồi *Kaṭ hīna* đúng pháp vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào ngăn cản sự thu hồi Kaṭ hīna đúng pháp thì phạm tội pācittiya.”

5. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là vị ‘tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Sự thu hồi *Kaṭhina* đúng pháp nghĩa là hội chúng tỳ khuru ni có sự hợp nhất tụ hội lại rồi thu hồi.

Ngăn cản: vị ngăn cản (hỏi rằng): “Có thể thu hồi *Kaṭhina* này như thế nào?” thì phạm tội *pācittiya*.

Đúng pháp, nhận biết là đúng pháp, vị ni ngăn cản thì phạm tội *pācittiya*. Đúng pháp, có sự hoà nghi, vị ni ngăn cản thì phạm tội *dukkaṭa a*. Đúng pháp, (lầm) tưởng là sai pháp, vị ni ngăn cản thì vô tội.

Sai pháp, (lầm) tưởng là đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa a*. Sai pháp, có sự hoà nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Sai pháp, nhận biết là sai pháp thì vô tội.

Vị ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Lỗa Thế là thứ ba.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Lỗa thế, vài choảng tắm, sau khi tháo ra, năm ngày, (y) thiết thân, của nhóm, việc phân chia, (y của) Sa-môn, không chắc chắn, và với việc (thu hồi) Kaṭhina.

--ooOoo--

4. 4. PHẨM NẪM CHUNG

4. 4. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni hai (người) nằm chung trên một chiếc giường. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni hai (người) lại nằm chung trên một chiếc giường, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni hai (người) lại nằm chung trên một chiếc giường?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni hai (người) nằm chung trên một chiếc giường, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni hai (người) lại nằm chung trên một chiếc giường vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Các tỳ khưu ni nào hai (người) nằm chung trên một chiếc giường thì phạm tội *pācittiya*.”

3. **Các vị ni nào:** là bất cứ các vị ni nào —nt—

Các tỳ khưu ni: các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến.

Hai (người) nằm chung trên một chiếc giường: Khi một vị ni đang nằm vị ni kia nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Hoặc cả hai cùng nằm xuống thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi đứng dậy rồi cùng nằm xuống lại thì phạm tội *pācittiya*.

Khi một vị ni đang nằm thì vị ni kia ngồi, hoặc cả hai đều ngồi, các vị ni bị điên, —nt— các vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 4. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni hai (người) nằm chung một tấm trải tấm đắp. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni hai (người) lại nằm chung một tấm trải tấm đắp, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni hai (người) lại nằm chung một tấm trải tấm đắp?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni hai (người) nằm chung một tấm trải tấm đắp, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni hai (người) lại nằm chung một tấm trải tấm đắp vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Các tỳ khuru ni nào hai (người) nằm chung một tấm trải tấm đắp thì phạm tội pācittiya.”

3. **Các vị ni nào:** là bất cứ các vị ni nào —nt—

Các tỳ khuru ni: —nt— đề cập đến các người nữ đã tu lên bậc trên.

Hai (người) nằm chung một tấm trải tấm đắp: sau khi trải ra bằng chính tấm ấy họ lại đắp bằng chính tấm ấy thì phạm tội *pācittiya*.

Chung một tấm trải tấm đắp, nhận biết là chung một tấm trải tấm đắp, (hai vị ni) nằm chung thì phạm tội *pācittiya*. Chung một tấm trải tấm đắp, có sự hoài nghi, (hai vị ni) nằm chung thì phạm tội *pācittiya*. Chung một tấm trải tấm đắp, (lầm) tưởng là khác tấm trải tấm đắp, (hai vị ni) nằm chung thì phạm tội *pācittiya*.

Chung tấm trải, khác tấm đắp thì phạm tội *dukkaṭ a*. Khác tấm trải, chung tấm đắp thì phạm tội *dukkaṭ a*. Khác tấm trải tấm đắp, (lầm) tưởng là chung một tấm trải tấm đắp, phạm tội *dukkaṭ a*. Khác tấm trải tấm đắp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Khác tấm trải tấm đắp, nhận biết là khác tấm trải tấm đắp thì vô tội.

Sau khi chỉ rõ sự sắp xếp¹ rồi (cả hai) nằm xuống, các vị ni bị điên, các vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

¹ Ngài Buddhaghosa giảng rằng: “Các vị ni sau khi đã đặt ở giữa tấm y ca-sa, hoặc cây gậy chống, hoặc chỉ là sợi dây lưng rồi nằm xuống thì không phạm tội” (VinA. iv, 932).

4. 4. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại. Bhaddā Kāpilānī cũng là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại và được xem là nổi bật. Dân chúng (nghĩ rằng): “Ni sư Bhaddā Kāpilānī là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại và được xem là nổi bật” nên thăm viếng Bhaddā Kāpilānī trước tiên sau đó mới thăm viếng tỳ khuru ni Thullanandā. Tỳ khuru ni Thullanandā có bản chất ganh tỵ (nghĩ rằng): “Nghe nói các cô này ít ham muốn, tự biết đủ, tách ly, không tụ hội thì cũng chính các cô này sống có nhiều sự giao hảo có nhiều sự khuếch trương” rồi đi tới lui, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, rồi đọc tụng, rồi bảo đọc tụng, rồi học bài ở phía trước Bhaddā Kāpilānī.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại cố ý quấy rầy ni sư Bhaddā Kāpilānī?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā cố ý quấy rầy Bhaddā Kāpilānī, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại cố ý quấy rầy Bhaddā Kāpilānī vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem

lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào cố ý quấy rầy vị tỳ khuru ni thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị tỳ khuru ni: là vị tỳ khuru ni khác.

Cố ý: sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Quấy rầy: Vị ni (nghĩ rằng): “Do việc này sự không thoải mái sẽ có cho người này ” không hỏi ý rồi đi tới lui, hoặc đứng lại, hoặc ngồi xuống, hoặc nằm xuống, hoặc đọc tụng, hoặc bảo đọc tụng, hoặc học bài ở phía trước thì phạm tội pācittiya.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni cố ý quấy rầy thì phạm tội pācittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni cố ý quấy rầy thì phạm tội pācittiya. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni cố ý quấy rầy thì phạm tội pācittiya.

Vị ni cố ý quấy rầy người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭṭa* a. Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭṭa* a. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭṭa* a. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭṭa* a.

Không có ý định quấy rầy, sau khi đã hỏi ý rồi đi tới lui hoặc đứng lại hoặc ngồi xuống hoặc nằm xuống hoặc đọc tụng hoặc bảo đọc tụng hoặc học bài ở phía trước, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 4. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị ốm đau nghĩa là bị bệnh.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Không chăm sóc: không tự mình chăm sóc.

Không nỗ lực kiểm người chăm sóc: không chỉ thị người khác. (Nghĩ rằng): “Ta sẽ không chăm sóc cũng không nỗ lực kiểm người chăm sóc,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*. Vị không chăm sóc người nữ học trò hoặc người nữ chưa tu lên bậc trên cũng không nỗ lực kiểm người chăm sóc thì phạm tội *dukkatā*.

Trong khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm không có được (người chăm sóc), vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

4. 4. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, Bhaddā Kāpilānī đã vào mùa (an cư) mưa ở thành Sāketa. Vị ni ấy vì công việc cần làm nào đó đã phái người đưa tin đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā (nhấn rằng): - “Nếu ni sư Thullanandā có thể cho tôi chỗ ngụ thì tôi có thể đi đến Sāvattthī.” Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói như vậy: - “Hãy đi đến, tôi sẽ cho.” Sau đó, Bhaddā Kāpilānī đã từ thành Sāketa đi đến thành Sāvattthī. Tỳ khuru ni Thullanandā đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ trú ngụ.

Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại. Bhaddā Kāpilānī cũng là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại, và được xem là nổi bật. Dân chúng (nghĩ rằng): “Ni sư Bhaddā Kāpilānī là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại, và được xem là nổi bật” nên thăm viếng Bhaddā Kāpilānī trước tiên sau đó mới thăm viếng tỳ khuru ni Thullanandā. Tỳ khuru ni Thullanandā có bản chất ganh tỵ (nghĩ rằng): “Nghe nói các cô này ít ham muốn, tự biết đủ, tách ly, không tụ hội thì cũng chính các cô này sống có nhiều sự giao hảo có nhiều sự khuếch trương,” rồi nổi giận bất bình đã lôi kéo Bhaddā Kāpilānī ra khỏi chỗ trú ngụ.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi đã cho ni sư Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi đã cho chỗ ngụ đến vị tỳ khuru ni lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đến vị tỳ khuru ni: đến vị tỳ khuru ni khác.

Chỗ ngụ nghĩa là chỗ có gắn liền cánh cửa được đề cập đến.

Sau khi đã cho: sau khi tự mình cho.

Nổi giận, bất bình: không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Lôi kéo ra: Sau khi nắm lấy ở trong phòng rồi lôi kéo ra phía trước thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi nắm lấy ở phía trước rồi lôi kéo ra bên ngoài thì phạm tội *pācittiya*. Với một lần ra sức, mặc dầu làm cho (vị ni kia) vượt qua nhiều cánh cửa (vị ni ấy) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Bảo lôi kéo ra: vị ni ra lệnh người khác thì phạm tội *dukkaṭṭa a*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu làm cho (vị ni kia) vượt qua nhiều cánh cửa (vị ni ra lệnh) phạm (chỉ một) tội *pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni sau khi đã cho chỗ ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni sau khi đã cho chỗ ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni sau khi đã cho chỗ ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni kia thì phạm tội *dukkaṭṭa a*. Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra khỏi chỗ không có gắn liền cánh cửa thì phạm tội *dukkaṭṭa a*. Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của

vị ni kia thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra người nữ chưa tu lên bậc trên khỏi chỗ có gắn liền cánh cửa hoặc chỗ không có gắn liền cánh cửa thì phạm tội *dukkaṭa* a. Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của cô kia thì phạm tội *dukkaṭa* a. Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vị ni không biết hổ thẹn, vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni kia; vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vị ni bị điên, vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni kia; vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vị ni thường gây nên các sự xung đột, ... vị ni thường gây nên sự cãi cọ, ... vị ni thường gây nên sự tranh luận, ... vị ni thường gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí, ... vị ni thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng, vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni kia; vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra người nữ đệ tử hoặc người nữ học trò không thực hành phạm sự đúng đắn, vị ni lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ni kia; vị ni bị điên; —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 4. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Caṇḍakālī sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Caṇḍakālī lại sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Caṇḍakālī sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Caṇḍakālī lại sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sống thân cận với nam gia chủ hoặc với con trai của nam gia chủ, vị tỳ khuru ni ấy nên được nói bởi các tỳ khuru ni như sau: ‘Này ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của sư tỷ.’ Và khi được nói như vậy bởi các tỳ khuru ni mà vị tỳ khuru ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị tỳ khuru ni ấy nên được các tỳ khuru ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy.

Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Sống thân cận: sống thân cận với (hành động thuộc về) thân và khẩu không đúng đắn.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Con trai của nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nào là con trai hoặc anh em trai.

Vị tỳ khuru ni ấy: là vị tỳ khuru ni sống thân cận.

Bởi các tỳ khuru ni: bởi các tỳ khuru ni khác. Các vị ni nào thấy, các vị ni nào nghe, các vị ni ấy nên nói rằng: “Này ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của sư tỷ.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị tỳ khuru ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói

rằng: “Này ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của sư tỷ.” Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu (vị ni ấy) dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu (vị ni ấy) không dứt bỏ thì phạm tội *dukkatā*. Vị tỳ khuru ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các tỳ khuru, nên được nhắc nhở như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru ni này tên (như vậy) sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru ni này tên (như vậy) sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Vị ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức ni nào đồng ý việc nhắc nhở tỳ khuru ni tên (như vậy) để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: —nt—

Tỳ khuru ni tên (như vậy) đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai pháp, vị ni không dứt bỏ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng pháp, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni chưa được nhắc nhở, vị ni dứt bỏ, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 4. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Những kẻ vô lại làm ô uế. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, thì phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở trong quốc độ: vị ni sống trong khu vực chiếm giữ của người nào tức là trong quốc độ của người ấy.

Có sự nguy hiểm nghĩa là ở trên con đường ấy, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là ở trên con đường ấy, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Không cùng với đoàn xe nghĩa là không có đoàn xe.

Đi du hành: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *pācittiya* theo từng khoảng cách nửa *yojana*.

Vị ni đi cùng với đoàn xe, vị ni đi trong vùng an toàn không có sự kinh hoàng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 4. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ (tại nơi) được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Những kẻ vô lại làm ô uế. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ (tại nơi) được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ (tại nơi) được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ (tại nơi) được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ (tại nơi) được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bên ngoài quốc độ: vị ni sống trong khu vực chiếm giữ của người nào thì trừ ra khu vực ấy, ở trong quốc độ của người khác.

Có sự nguy hiểm nghĩa là ở trên con đường ấy, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là ở trên con đường ấy, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Không cùng với đoàn xe nghĩa là không có đoàn xe.

Đi du hành: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *pācittiya* theo từng khoảng cách nửa *yojana*.

Vị ni đi cùng với đoàn xe, vị ni đi trong vùng an toàn không có sự kinh hoàng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

4. 4. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni đi du hành trong mùa (an cư) mưa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khưu ni lại đi du hành trong mùa (an cư) mưa? Các vị đang dẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan, và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi.”

2. Các tỳ khưu ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ni lại đi du hành trong mùa (an cư) mưa?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu ni đi du hành trong mùa (an cư) mưa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khưu, vì sao các tỳ khưu ni lại đi du hành trong mùa (an cư) mưa vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu ni nào đi du hành trong mùa (an cư) mưa thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong mùa (an cư) mưa: sau khi đã không sống (an cư mùa mưa) ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau.

Đi du hành: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *pācittiya* theo từng khoảng cách nửa *yojana*.

Vị ni đi vì công việc cần làm trong bảy ngày, vị ni đi khi bị quấy rối bởi điều gì đó, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

4. 4. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni sống mùa mưa ở ngay tại nơi ấy trong thành Rājagaha, mùa lạnh tại nơi ấy, mùa nóng tại nơi ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các hướng đi của các tỳ khưu ni bị tắc nghẽn, tầm tối. Các hướng đi không còn được các vị ni này nhận ra nữa.”

2. Các tỳ khưu ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các tỳ khưu ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, như thế thì ta sẽ quy định điều học cho các tỳ khưu ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, —nt— nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật. Và này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu ni khi trải qua mùa (an cư) mưa mà không ra đi du hành cho dẫu chỉ năm hoặc sáu do tuần thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Khi trải qua mùa (an cư) mưa nghĩa là đã trải qua (mùa an cư mưa) ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không ra đi du hành cho dầu chỉ năm hoặc sáu do tuần,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có trường hợp nguy hiểm, vị ni tìm kiếm nhưng không có được vị tỳ khuru ni thứ hai, vị ni bị bệnh, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Nằm Chung là thứ tư.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Việc nằm (chung), tắm trái, sự quấy rầy, vị ni bị ốm đau, và chỗ ngủ, (sống) thân cận, hai điều về quốc độ, với trong mùa (an cư) mưa, vị ni du hành.

--ooOoo--

4. 5. PHẨM NHÀ TRIỂN LÃM TRANH

4. 5. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tranh ảnh gọi cảm đã được thực hiện ở nhà triển lãm tranh nơi công viên của đức vua Pasenadi xứ Kosala. Nhiều người đi để xem nhà triển lãm tranh. Các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư cũng đã đi để xem nhà triển lãm tranh. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại đi để xem nhà triển lãm tranh, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại đi để xem nhà triển lãm tranh?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đi để xem nhà triển lãm tranh, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại đi để xem nhà triển lãm tranh vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đi để xem hí viện của đức vua hoặc nhà triển lãm tranh hoặc khu vườn hoặc công viên hoặc hồ sen thì phạm tội *pācittiya*.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Hí viện của đức vua nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho đức vua giải trí và hưởng lạc.

Nhà triển lãm tranh nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Khu vườn nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Công viên nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Hồ sen nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Vị ni đi để xem thì phạm tội *dukkaṭa a*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị ni lại nhìn nữa thì phạm tội *pācittiya*. Vị đi để xem mỗi một nơi thì phạm tội *dukkaṭa a*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị ni lại nhìn nữa thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni đứng ở trong tu viện nhìn thấy, vị ni nhìn thấy trong khi đi ra hoặc đi về, khi có việc cần phải làm vị ni đi rồi nhìn thấy, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 5. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sử dụng ghế cao hoặc ghế nệm lông thú thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Ghế cao nghĩa là sự vượt quá kích thước được đề cập đến.

Ghế nệm lông thú nghĩa là được thực hiện với các lông thú đã được mang lại.

Sử dụng: vị ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni sử dụng sau khi đã cắt các chân của ghế cao, vị ni sử dụng sau khi đã hủy bỏ các lông thú của ghế nệm lông thú, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

4. 5. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư xe chỉ sợi. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại xe chỉ sợi, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại xe chỉ sợi?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni xe chỉ sợi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại xe chỉ sợi vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào xe chỉ sợi thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỉ sợi nghĩa là có sáu loại chỉ sợi: loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố.

Xe (chỉ): vị ni tự mình xe (chỉ). Trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkatā*, mỗi một vòng quay thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni xe lại chỉ sợi đã được xe (không tốt hoặc bị đứt), vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 5. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni phục vụ người tại gia. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại phục vụ người tại gia?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni phục vụ người tại gia, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại phục vụ người tại gia vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào phục vụ người tại gia thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Phục vụ người tại gia nghĩa là vị ni nấu cháo hoặc (nấu) bữa ăn hoặc (nấu) vật thực loại cứng hoặc giặt tấm vải choàng hoặc (giặt) khăn đội đầu cho người tại gia thì phạm tội *pācittiya*.

Trường hợp nước cháo, khi có bữa thọ thực của hội chúng, khi cúng dường bảo tháp, vị ni nấu cháo hoặc (nấu) bữa ăn hoặc (nấu) vật thực loại cứng hoặc giặt tấm vải choàng hoặc (giặt) khăn đội đầu cho người phục vụ

của bản thân, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

4. 5. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ đã đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā và đã nói điều này: - “Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này.” Tỳ khuru ni Thullanandā đã trả lời rằng: - “Tốt thôi!” Rồi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā khi được vị tỳ khuru ni nói rằng: ‘Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ lại không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā khi được vị tỳ khuru ni nói rằng: ‘Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ rồi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni

Thullanandā khi được vị tỳ khuru ni nói rằng: “Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này” đã trả lời rằng: “Tốt thôi!” lại không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào khi được nói bởi vị tỳ khuru ni rằng: ‘Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ Vị ni ấy sau đó không gặp trở ngại vẫn không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Bởi vị tỳ khuru ni: bởi vị tỳ khuru ni khác.

Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này: Thưa ni sư, hãy đến. Hãy xét xử sự tranh tụng này.

Vị ni ấy sau đó không gặp trở ngại: khi không có trở ngại.

Không giải quyết: không tự mình giải quyết.

Không nỗ lực cho việc giải quyết: không chỉ thị cho vị khác. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa a*.

Khi có trường hợp trở ngại, vị ni tìm kiếm nhưng không đạt được (cơ hội), vị ni bị bệnh, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 5. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā tự tay cho vật thực loại cứng loại mềm đến các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống (nói rằng): - “Hãy nói lời khen ngợi về ta ở đám đông.” Các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống nói lời khen ngợi về tỳ khuru ni Thullanandā ở đám đông rằng: - “Ni sư Thullanandā là vị ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói Pháp thoại. Hãy bố thí đến ni sư. Hãy phục vụ cho ni sư.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại tự tay cho vật thực loại cứng loại mềm đến người nam tại gia?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā tự tay cho vật thực loại cứng loại mềm đến người nam tại gia, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại tự tay cho vật thực loại cứng loại mềm đến người nam tại gia vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia hoặc nam du sĩ ngoại đạo hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là vị ‘tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nam tại gia nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ khuru và sa di.

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ trừ ra tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, và sa di ni.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, nước và tắm xĩa răng, phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có cơm, xúp, bánh, cá, thịt).

Cho: vị ni cho bằng thân hoặc bằng vật được gắn liền với thân hoặc bằng cách buông ra thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni cho nước uống và tắm xĩa răng thì phạm tội *dukkaṭṭa*.

Vị ni bảo (người khác) cho không (tự mình) cho, vị ni cho sau khi đã để gần bên, vị ni cho vật thoa bên ngoài, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 5. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ; các vị ni khác đến thời kỳ không có được (để sử dụng). Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Y nội trợ nghĩa là vật đã được bố thí (nói rằng): “Các tỳ khuru ni đến thời kỳ hãy sử dụng.”

Sử dụng không chịu xả bỏ: vị ni sau khi sử dụng hai ba đêm, sau khi giặt vào ngày thứ tư, vẫn sử dụng không chịu xả bỏ cho vị tỳ khuru ni, hoặc cô ni tu tập sự, hoặc vị sa di ni thì phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa xả bỏ, nhận biết là chưa xả bỏ, vị ni sử dụng thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa xả bỏ, có sự hoài nghi, vị ni sử dụng thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa xả bỏ, (lầm) tưởng là đã xả bỏ, vị ni sử dụng thì phạm tội *pācittiya*.

Khi đã xả bỏ, (lầm) tưởng là chưa xả bỏ, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi đã xả bỏ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi đã xả bỏ, nhận biết là đã xả bỏ thì vô tội.

Sau khi đã xả bỏ rồi sử dụng, vị ni sử dụng khi đến phiên lần nữa, không có các tỳ khuru ni khác đến thời kỳ, vị ni có y bị cướp đoạt, vị ni có y bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 5. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi không xả bỏ chỗ trú ngụ đã ra đi du hành. Vào lúc bấy giờ, chỗ trú ngụ của tỳ khuru ni Thullanandā bị cháy. Các tỳ khuru ni đã nói như vậy: - “Này các ni sư, chúng ta hãy mang đồ đạc ra ngoài đi.” Một số vị ni đã nói như vậy: - “Này các ni sư, chúng ta sẽ không mang ra ngoài. Bất cứ vật gì bị hư hỏng, cô ta sẽ gán trách nhiệm cho chúng ta.” Tỳ khuru ni Thullanandā sau khi quay trở về lại chỗ trú ngụ ấy đã hỏi các tỳ khuru ni rằng: - “Này các ni sư, các cô có mang đồ đạc ra ngoài không?” - “Này ni sư, chúng tôi đã không mang ra ngoài.” Tỳ khuru ni Thullanandā phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao trong khi chỗ trú ngụ đang bị cháy các tỳ khuru ni lại không mang đồ đạc ra ngoài?”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi du hành?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi du hành, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi du hành vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức

tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ mà ra đi du hành thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ trú ngụ nghĩa là (chỗ trú ngụ) có gắn cánh cửa được đề cập đến.

Khi chưa xả bỏ mà ra đi du hành: Sau khi chưa xả bỏ cho vị tỳ khuru ni, hoặc cô ni tu tập sự, hoặc vị sa di ni, trong khi vượt qua hàng rào của chỗ trú ngụ được rào lại vị ni phạm tội *pācittiya*. Trong khi vượt qua vùng phụ cận của chỗ trú ngụ không được rào lại, vị ni phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa xả bỏ, nhận biết là chưa xả bỏ, vị ni ra đi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa xả bỏ, có sự hoài nghi, vị ni ra đi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa xả bỏ, (lầm) tưởng là đã xả bỏ, vị ni ra đi thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni ra đi khi chưa xả bỏ chỗ không có gắn cánh cửa thì phạm tội *dukkaṭṭa*. Khi đã xả bỏ, (lầm) tưởng là chưa xả bỏ, phạm tội *dukkaṭṭa*. Khi đã xả bỏ, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭṭa*. Khi đã xả bỏ, nhận biết là đã xả bỏ thì vô tội.

Sau khi đã xả bỏ rồi ra đi, khi có sự nguy hiểm, sau khi tìm kiếm (người để trông nom chỗ trú ngụ) nhưng không có, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

4. 5. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại học tập kiến thức nhảm nhí, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại học tập kiến thức nhảm nhí?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhảm nhí, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại học tập kiến thức nhảm nhí vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào học tập kiến thức nhảm nhí thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Kiến thức nhảm nhí nghĩa là bất cứ điều gì ở bên ngoài (thế tục) không liên hệ mục đích.

Học tập: vị ni học tập theo câu thì phạm tội *pācittiya* theo từng câu. Vị ni học tập theo âm thì phạm tội *pācittiya* theo từng âm.

Vị ni học tập chữ viết, vị ni học tập sự ghi nhớ (thuộc lòng), vị ni học tập kinh *paritta* để hộ thân, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

4. 5. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại dạy kiến thức nhảm nhí, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?”

2. Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại dạy kiến thức nhảm nhí?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhảm nhí, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại dạy kiến thức nhảm nhí vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào dạy kiến thức nhảm nhí thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Kiến thức nhảm nhí nghĩa là bất cứ điều gì ở bên ngoài (thế tục) không liên hệ mục đích.

Học tập: vị ni dạy theo câu thì phạm tội *pācittiya* theo từng câu. Vị ni dạy theo âm thì phạm tội *pācittiya* theo từng âm.

Vị ni dạy chữ viết, vị ni dạy sự ghi nhớ (thuộc lòng), vị ni dạy kinh *paritta* để hộ thân, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Nhà Triển Lãm Tranh là thứ năm.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Đức vua, ghe cao, và (xe) chỉ sợi, (phục vụ) người tại gia, và giải quyết (sự tranh tụng), cho (vật thực), y nội trợ, chỗ trú ngụ, học tập, và chỉ dạy.

--ooOoo--

4. 6. PHẨM TU VIỆN

4. 6. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru ở trú xứ là thôn làng chỉ mặc có một y đang làm công việc may y. Các tỳ khuru ni khi chưa hỏi ý đã đi vào tu viện rồi đi đến gặp các tỳ khuru ấy. Các tỳ khuru phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viện?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viện, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiến trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viện vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào khi chưa hỏi ý mà đi vào tu viện thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru ấy đã rời khỏi trú xứ ấy. Các tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “Các ngài đại đức đã đi khỏi” nên đã không đi đến tu viện. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã quay trở lại trú xứ ấy lần nữa. Các tỳ khuru

ni (nghĩ rằng): “Các ngài đại đức đã đi đến” nên đã hỏi ý rồi đi vào tu viện và đã đi đến gặp các tỳ khuru ấy, sau khi đến đã đánh lễ các tỳ khuru ấy rồi đứng ở một bên. Các vị tỳ khuru ấy đã nói với các tỳ khuru ni ấy đang đứng một bên điều này: - “Này các sư tỷ, tại sao các vị lại không quét tu viện cũng không đem lại nước uống nước rửa?” - “Thưa các ngài đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: ‘Khi chưa hỏi ý không được đi vào tu viện;’ vì thế chúng tôi đã không đến.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép đi vào tu viện sau khi hỏi ý vị tỳ khuru hiện diện. Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru ni nào khi chưa hỏi ý vị tỳ khuru hiện diện mà đi vào tu viện thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru ấy sau khi đi khỏi trú xứ ấy đã quay trở lại trú xứ ấy lần nữa. Các tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “Các ngài đại đức đã đi đến” nên đã đi vào tu viện khi chưa hỏi ý. Sự ngần ngại đã khởi lên cho các vị ni ấy: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: ‘Khi chưa hỏi ý vị tỳ khuru hiện diện không được đi vào tu viện;’ và chúng ta khi chưa hỏi ý vị tỳ khuru hiện diện mà đã đi vào tu viện, phải chăng chúng ta đã phạm tội pācittiya?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức

Thế Tôn. —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào trong khi biết tu viện có tỳ khuru, chưa hỏi ý lại đi vào thì phạm tội pācittiya.”

4. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị ni ấy, hoặc các vị (tỳ khuru) ấy thông báo.

Tu viện có tỳ khuru nghĩa là nơi nào có các tỳ khuru cư ngụ cho dù ở gốc cây.

Chưa hỏi ý lại đi vào tu viện: khi chưa hỏi ý vị tỳ khuru hoặc vị sa di hoặc người phụ việc chùa, trong khi vượt qua hàng rào của tu viện được rào lại vị ni phạm tội pācittiya. Trong khi đi vào vùng phụ cận của tu viện không được rào lại vị ni phạm tội pācittiya.

Nơi có tỳ khuru, nhận biết là có tỳ khuru, vị ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị tỳ khuru hiện diện thì phạm tội pācittiya. Nơi có tỳ khuru, có sự hoài nghi, vị ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị tỳ khuru hiện diện thì phạm tội dukkaṭṭa. Nơi có tỳ khuru, (lầm) tưởng không có tỳ khuru, vị ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị tỳ khuru hiện diện thì vô tội.

Nơi không có tỳ khuru, (lầm) tưởng là có tỳ khuru, phạm tội *dukkaṭa*. Nơi không có tỳ khuru, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Nơi không có tỳ khuru, nhận biết là không có tỳ khuru thì vô tội.

Vị ni đi vào khi đã hỏi ý vị tỳ khuru hiện diện, khi không có vị tỳ khuru hiện diện vị ni đi vào không hỏi ý, vị ni đi nhìn theo đầu (các vị ni đi vào trước), vị ni đi vào nơi các tỳ khuru ni đang tụ hội, con đường băng ngang qua tu viện, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 6. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của đại đức Upālī là đại đức Kappitaka ngụ ở mộ địa. Vào lúc bấy giờ, vị tỳ khuru ni trưởng thượng của các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư qua đời. Các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã đưa (thi thể) vị tỳ khuru ni ấy đi, thiêu xác ấy, và đã làm bảo tháp ở nơi không xa trú xá của đại đức Kappitaka, rồi thường đi đến nơi bảo tháp ấy khóc lóc. Khi ấy, đại đức Kappitaka bị quấy rầy bởi tiếng khóc ấy nên đã đập vỡ bảo tháp ấy rồi phân tán. Các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã hội ý rằng: - “Kappitaka này đã phá vỡ bảo tháp của ni sư chúng ta, chúng ta hãy giết lão đi.” Có vị tỳ khuru ni nọ đã kể lại sự việc ấy cho đại đức Upālī. Đại đức Upālī đã kể lại sự việc ấy cho đại đức Kappitaka. Khi ấy, đại đức Kappitaka đã rời khỏi trú xá rồi ẩn nấp chờ đợi. Sau đó, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã đi đến trú xá của đại đức Kappitaka, sau khi đến đã làm cho trú xá của đại đức Kappitaka bị bao trùm bởi những hòn đá và đất cục rồi bỏ đi (nghĩ rằng): “Kappitaka đã chết!”

2. Sau đó khi trải qua đêm ấy, vào buổi sáng đại đức Kappitaka đã mặc y, rồi cầm y bát đi vào thành Vesālī để khất thực. Các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã nhìn thấy đại đức Kappitaka đang đi khất thực, sau khi nhìn thấy đã nói như vậy: - “Kappitaka này còn sống. Vậy ai đã tiết lộ kế hoạch của chúng ta?” Các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã

nghe được rằng: “Nghe nói kế hoạch của chúng ta đã bị tiết lộ bởi ngài đại đức Upāli.” Các vị ni ấy đã sỉ vả đại đức Upāli rằng: - “Tại sao gã thợ cạo lau chùi bụi bặm và dòng dõi hạ tiện này lại tiết lộ kế hoạch của chúng tôi?”

3. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại sỉ vả ngài đại đức Upāli?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư sỉ vả Upāli, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại sỉ vả Upāli vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sỉ vả hoặc chửi rủa tỳ khuru thì phạm tội pācittiya.”

4. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỳ khuru: là người nam đã tu lên bậc trên.

(Hoặc) sĩ vả: vị sĩ vả theo mười nền tảng của sự sĩ vả¹ hoặc với bất cứ điều nào của những điều này thì phạm tội *pācittiya*.

Hoặc chửi rửa: vị gây ra sự sợ hãi thì phạm tội *pācittiya*.

Người nam đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị ni sĩ vả hoặc chửi rửa thì phạm tội *pācittiya*. Người nam đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị ni sĩ vả hoặc chửi rửa thì phạm tội *pācittiya*. Người nam đã tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị ni sĩ vả hoặc chửi rửa thì phạm tội *pācittiya*.

Vị sĩ vả hoặc chửi rửa người nam chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a. Người nam chưa tu lên bậc trên, (lầm) tưởng là đã tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a. Người nam chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Người nam chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị ni (nói đề) đề cập đến ý nghĩa, vị ni (nói đề) đề cập đến Pháp, vị ni (nói) nhảm đến sự giảng dạy, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

¹ Xem điều *pācittiya* 2 của tỳ khuru (Phân Tích Giới Tỳ khuru tập 2, TTPV tập 02; TTVN tập 02, từ trang 14).

--ooOoo--

4. 6. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Caṇḍakālī là người tạo ra các sự xung đột, là người tạo ra các sự cãi cọ, là người tạo ra các sự tranh luận, là người tạo ra các cuộc nói chuyện nhằm nhí, và là người tạo ra các sự tranh tụng trong hội chúng. Trong khi hành sự đang được thực thi đối với vị ni ấy, tỳ khuru ni Thullanandā phản đối. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā đã đi vào làng vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, hội chúng tỳ khuru ni (nghĩ rằng): “Tỳ khuru ni Thullanandā đã đi vắng” nên đã phạt án treo tỳ khuru ni Caṇḍakālī trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ khuru ni Thullanandā sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong làng đã trở về lại thành Sāvatthī. Trong khi tỳ khuru ni Thullanandā đi về, tỳ khuru ni Caṇḍakālī đã không sắp xếp chỗ ngồi, không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát, và đã không dâng nước uống. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với tỳ khuru ni Caṇḍakālī điều này:

- “Này cô ni, vì sao trong khi tôi đi về, cô lại không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát, và đã không dâng nước uống vậy?” - “Thưa ni sư, bởi vì sự việc này là như vậy, giống như là việc đối với kẻ không người bảo hộ.” - “Này cô ni, vì sao cô lại là không người bảo hộ?” - “Thưa ni sư, các tỳ khuru ni này (nói rằng): ‘Cô này là không người bảo hộ lại ngu dốt. Không còn cô

kia thì ai sẽ lên tiếng phản đối' rồi đã phạt án treo tội trong việc không nhìn nhận tội." Tỳ khuru ni Thullanandā bị kích động đã chửi rủa nhóm rằng: "Những cô ấy ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự hoặc sự hư hỏng của hành sự hoặc sự thành tựu của hành sự."

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - "Vì sao ni sư Thullanandā bị kích động rồi chửi rủa nhóm?" —nt— "Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā bị kích động rồi chửi rủa nhóm, có đúng không vậy?" - "Bạch Thế Tôn, đúng vậy." Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā bị kích động rồi chửi rủa nhóm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

"Vị tỳ khuru ni nào bị kích động rồi chửi rủa nhóm thì phạm tội pācittiya."

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là 'vị tỳ khuru ni' được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị kích động nghĩa là sự giận dữ được đề cập đến.

Nhóm nghĩa là hội chúng tỳ khuru ni được đề cập đến.

Chửi rửa: vị ni chửi rửa rằng: “Những cô ấy ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự hoặc sự hư hỏng của hành sự hoặc sự thành tựu của hành sự” thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni chửi rửa nhiều vị tỳ khuru ni hoặc một vị tỳ khuru ni hoặc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni (nói đề) đề cập đến ý nghĩa, vị ni (nói đề) đề cập đến Pháp, vị ni (nói) nhắm đến sự giảng dạy, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 6. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời và dâng bữa ăn đến các tỳ khuru ni. Khi thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm), các tỳ khuru ni đã đi đến các gia đình thân quyến rồi một số vị ni đã thọ thực, một số vị ni đã nhận lấy đồ khát thực rồi đi. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã nói với hàng xóm điều này: - “Này quý ông, các tỳ khuru ni đã được tôi làm hài lòng. Hãy đến, tôi cũng sẽ làm hài lòng quý ông.” Những người ấy đã nói như vậy: - “Này ông, có phải ông sẽ làm hài lòng chúng tôi không? Ngay cả những vị ni đã được ông thỉnh mời lại còn đi đến các nhà của chúng tôi, một số vị ni đã thọ thực, một số vị ni đã nhận lấy đồ khát thực rồi đi.”

2. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni sau khi thọ thực ở nhà của chúng tôi lại còn thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?” Các tỳ khuru ni đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ

khuru, vì sao các tỳ khuru ni thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại thọ thực ở nơi khác vậy? Đây các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và đây các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đã được thỉnh mời hoặc đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã được thỉnh mời nghĩa là được thỉnh mời với loại vật thực nào đó của năm loại vật thực.

Đã từ chối (vật thực dâng thêm) nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, (thí chủ) đứng trong tầm tay (1 mét 25) dâng lên và sự khước từ được ghi nhận.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực (gồm có cơm, xúp, bánh, cá, thịt).

(Nghĩ rằng): “Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn” rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pācittiya*.¹

Vị ni nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni đã được thỉnh mời nhưng chưa từ chối (vật thực dâng thêm), vị ni uống cháo, vị ni hỏi trước các chủ nhân rồi thọ thực, vị ni thọ dụng vật dùng đến hết đêm vật dùng trong bảy ngày vật dùng suốt đời khi có duyên có, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

¹ Lời dịch Việt của cước chú *Pāḷi* ở trang đối diện: Khi đã được thỉnh mời, nhận biết là đã được thỉnh mời, vị ni nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Khi đã được thỉnh mời, có sự hoài nghi, vị ni nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*. Khi đã được thỉnh mời, (lầm) tưởng là chưa được thỉnh mời, vị ni nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *pācittiya*.

4. 6. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ trong lúc đi khát thực ở con đường nọ trong thành Sāvattthī đã đi đến gia đình nọ, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, những người ấy sau khi dâng bữa ăn đến vị tỳ khuru ni ấy rồi đã nói điều này: - “Thưa ni sư, luôn cả các tỳ khuru ni khác hãy đi đến.” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy (nghĩ rằng): “Làm cách nào để các tỳ khuru ni khác không đi đến?” nên khi đi đến gặp các tỳ khuru ni đã nói điều này: - “Này các ni sư, ở chỗ đằng kia chó thì dữ tợn, bò thì hung bạo, là khu vực đầm lầy, chó có đi đến chỗ ấy.” Có vị tỳ khuru ni khác trong khi đi khát thực ở con đường ấy cũng đã đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, những người ấy sau khi dâng bữa ăn đến vị tỳ khuru ni ấy rồi đã nói điều này: - “Thưa ni sư, tại sao các tỳ khuru ni khác không đi đến?”

2. Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao vị tỳ khuru ni lại bỏn xẻn về gia đình?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni bỏn xẻn về gia đình, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại bỏn xẻn về gia đình

vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bỏn xén về gia đình thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn, và gia đình hạng cùng đinh.

Là bỏn xén: vị ni (nghĩ rằng): “Làm cách nào để các tỳ khuru ni khác không đi đến?” rồi nói xấu về gia đình trong sự hiện diện của các tỳ khuru ni thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni nói xấu về các tỳ khuru ni trong sự hiện diện của gia đình thì phạm tội *pācittiya*.

Trong khi không bỏn xén về gia đình vị ni giải thích về điều bất tiện đang hiện hữu, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 6. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, có nhiều tỳ khuru ni khi trải qua mùa (an cư) mưa ở chỗ trú xứ là thôn làng rồi đã đi đến thành Sāvatthī. Các tỳ khuru ni đã nói với các tỳ khuru ni ấy điều này: - “Các ni sư đã trải qua mùa (an cư) mưa ở đâu? Chắc hẳn sự giáo giới đã có hiệu quả?” - “Này các ni sư, ở nơi ấy không có tỳ khuru, do đâu mà sự giáo giới sẽ có hiệu quả?” Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ khuru?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ khuru, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ khuru? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ khuru thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trú xứ không có tỳ khuru nghĩa là không thể đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ sống mùa (an cư) mưa” rồi sắp xếp chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng thì phạm tội *dukkaṭa*. Với sự mọc lên của mặt trời thì phạm tội *pācittiya*.

Các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bỏ đi hoặc hoàn tục hoặc qua đời hoặc chuyển sang phe phái khác, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 6. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, có nhiều tỳ khuru ni khi trải qua mùa (an cư) mưa ở chỗ trú xứ là thôn làng rồi đã đi đến thành Sāvatthī. Các tỳ khuru ni đã nói với các tỳ khuru ni ấy điều này: - “Các ni sư đã trải qua mùa (an cư) mưa ở đâu? Chắc hẳn đã thỉnh cầu¹ nơi hội chúng tỳ khuru?” - “Này các ni sư, chúng tôi không có thỉnh cầu nơi hội chúng tỳ khuru.” Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni khi trải qua mùa (an cư) mưa lại không thỉnh cầu nơi hội chúng tỳ khuru?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni khi trải qua mùa (an cư) mưa không thỉnh cầu nơi hội chúng tỳ khuru, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni khi trải qua mùa (an cư) mưa lại không thỉnh cầu nơi hội chúng tỳ khuru vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

¹ Tức là làm lễ *Pavāraṇā* (ND).

“Vị tỳ khuru ni nào khi trải qua mùa (an cư) mưa không thỉnh cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ thì phạm tội *pācittiya*.”

2. **Vị ni** nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Khi trải qua mùa (an cư) mưa nghĩa là đã sống (an cư mùa mưa) ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không thỉnh cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có nguy hiểm, sau khi tìm cầu nhưng không đạt được, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 6. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi đi đến chỗ ngụ của các tỳ khuru ni rồi giáo giới các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Các tỳ khuru ni đã nói với các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư điều này: - “Này các ni sư, hãy đi. Chúng ta sẽ đi (nghe) giáo giới.” - “Này các ni sư, chúng tôi cũng nên đi vì lý do giáo giới, tuy nhiên các ngài đại đức nhóm Lục Sư giáo giới cho chúng tôi ngay tại đây.” Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nài, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại không đi giáo giới?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư không đi giáo giới, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại không đi giáo giới vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Việc giáo giới nghĩa là tám Kính Pháp.

Việc đồng cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng (giới bốn *Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm nhưng không đạt được vị tỳ khuru ni thứ nhì, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

4. 6. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni không hỏi về lễ *Uposatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới. Các tỳ khuru phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni không hỏi về lễ *Uposatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni không hỏi về lễ *Uposatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni không hỏi về lễ *Uposatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỳ khuru: việc hỏi ngày lễ Uposatha và việc đi đến (để nghe) giáo giới; nếu vượt quá hạn ấy thì phạm tội pācittiya.”

2. Vào mỗi nửa tháng: vào mỗi kỳ *Uposatha*.

Ngày lễ *Uposatha* nghĩa là có hai ngày lễ *Uposatha*: ngày mười bốn và ngày mười lăm.

Việc giáo giới nghĩa là tám Kính Pháp. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không hỏi về lễ *Upasatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm nhưng không đạt được vị tỳ khuru ni thứ nhì, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

4. 6. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ cùng người nam, một nữ với một nam xẻ nặn ung nhọt phát sanh ở phần dưới thân. Khi ấy, người nam ấy đã gắng sức để làm ô uế vị tỳ khuru ni. Vị tỳ khuru ni ấy đã kêu thét lên. Các tỳ khuru ni đã chạy lại và đã nói với tỳ khuru ni ấy điều này: - “Này ni sư, vì sao cô đã kêu thét lên?” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại cùng người nam, một nữ với một nam xẻ nặn ung nhọt phát sanh ở phần dưới thân?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni cùng người nam, một nữ với một nam xẻ nặn ung nhọt phát sanh ở phần dưới thân, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại cùng người nam, một nữ với một nam xẻ nặn ung nhọt phát sanh ở phần dưới thân vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào khi chưa xin phép hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam làm cho vỡ ra hoặc xẻ ra hoặc rửa ráy hoặc bôi thuốc hoặc băng lại hoặc tháo

bằng ung nhọt hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân thì phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở phần dưới thân nghĩa là từ lỗ rún trở xuống từ đầu gối trở lên.

Phát sanh: được sanh lên tại nơi ấy.

Ung nhọt nghĩa là bất cứ loại ung nhọt nào.

Vết loét nghĩa là bất cứ loại vết thương nào.

Khi chưa xin phép: khi chưa hỏi ý.

Hội chúng nghĩa là hội chúng tỳ khuru ni được đề cập đến.

Nhóm nghĩa là nhiều vị tỳ khuru ni được đề cập đến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải Dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng làm ô uế.

Cùng: cùng với.

Một nữ với một nam: là chỉ có người nam và vị tỳ khuru ni.

Vị ni ra lệnh rằng: “Hãy làm vỡ ra” thì phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã bị vỡ thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni ra lệnh rằng: “Hãy xẻ ra” thì phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được xẻ thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni ra lệnh rằng: “Hãy rửa” thì phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được rửa thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni ra lệnh rằng: “Hãy bôi thuốc” thì phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được bôi thuốc thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni ra lệnh rằng: “Hãy băng lại” thì phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được băng lại thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni ra lệnh rằng: “Hãy tháo băng” thì phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được tháo băng thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni bảo làm cho vỡ ra hoặc bảo xẻ ra hoặc bảo rửa hoặc bảo bôi thuốc hoặc bảo băng lại hoặc bảo tháo băng sau khi đã xin phép, có người nữ nào đó có trí suy xét là người nữ thứ nhì, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Tu Viện là thứ sáu.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Tu viện, sự si vả, và có sự giận dữ, thọ thực, bỏn xẻn về gia đình, (an cư) mùa mưa, lễ Pavāraṇā, sự giáo giới, hai việc, và với phần dưới thân.

--ooOoo--

4. 7. PHẨM SẢN PHỤ

4. 7. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ mang thai. Cô ấy đi khát thực. Dân chúng đã nói như vậy: - “Hãy bố thí đồ khát thực cho ni sư. Ni sư mang bào thai nặng nề!” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ mang thai?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ mang thai?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ mang thai, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ mang thai vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ người nữ mang thai thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ mang thai nghĩa là có sanh mạng đã thành tựu được đề cập đến.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

3. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa a*.

4. Người nữ mang thai, nhận biết là người nữ mang thai, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ mang thai, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ mang thai, (lầm) tưởng là người nữ không mang thai, vị ni tiếp độ thì vô tội.

5. Người nữ không mang thai, (lầm) tưởng là người nữ mang thai, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ không mang thai, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Người nữ không mang thai, nhận biết là người nữ không mang thai thì vô tội.

6. Vị ni tiếp độ người nữ mang thai (lầm) tưởng là không mang thai, vị ni tiếp độ người nữ không mang thai (khi) nhận biết là không mang thai, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 7. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ còn cho con bú. Cô ấy đi khát thực. Dân chúng đã nói như vậy: - “Hãy bố thí đồ khát thực cho ni sư. Ni sư còn có người thứ nhì!” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ còn cho con bú, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ người nữ còn cho con bú thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ còn cho con bú nghĩa là người mẹ hoặc là người vú nuôi.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭ a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭ a*.

Người nữ còn cho con bú, nhận biết là người nữ còn cho con bú, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Người nữ còn cho con bú, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *dukkaṭ a*. Người nữ còn cho con bú, (lầm) tưởng là người nữ không cho con bú, vị ni tiếp độ thì vô tội.

Người nữ không cho con bú, (lầm) tưởng là người nữ còn cho con bú, phạm tội *dukkaṭ a*. Người nữ không cho con bú, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Người nữ không cho con bú, nhận biết là người nữ không cho con bú thì vô tội.

Vị ni tiếp độ người nữ còn cho con bú (lầm) tưởng là người nữ không cho con bú, vị ni tiếp độ người nữ không cho con bú (khi) nhận biết là người nữ không cho

con bú, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

4. 7. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, Ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tu tập sự. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Cô ni tu tập sự ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni, ngồi chõm hõm, chấp tay lên, và nên nói như vậy: - “Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm.”* Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được

thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tu tập sự tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tu tập sự tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến cô ni tu tập sự tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Cô ni tu tập sự ấy nên được nói rằng: “Cô hãy nói như vậy: Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự lấy vật không được cho không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì

việc tránh xa điều phi Phạm hạnh không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự nói dối không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự dễ dãi uống chất say là rượu và nước lên men không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời không vi phạm trong hai năm.” Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khuru ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát,

hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa* a. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa* a.

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa* a. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 7. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. Các tỳ khuru ni đã nói như vậy: - “Này các cô ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có sự cần dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép.” Các cô ni ấy đã nói như vậy: - “Này các ni sư, chúng tôi không phải là các cô ni tu tập sự. Chúng tôi là các tỳ khuru ni.”

Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, Ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc*

tiếp độ đến cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: - “Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy), là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ.” Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy), là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy), là cô ni tu tập sự của đại đức ni tên (như vậy) đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp

thuận về việc tiếp độ đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến cô ni tu tập sự tên (như vậy) đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khuru ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa a*.

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (và) đã được hội chúng chấp thuận, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

4. 7. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi.¹ Các cô ấy không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhứt nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi vậy? Này các tỳ khuru, bởi vì người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm

¹ *ūnadvādasavassam gihigatam*: cụm từ này được số đông các dịch giả dịch là “người nữ đã kết hôn chưa đủ 12 năm;” xin đọc thêm lời giải thích ở phần giới thiệu (ND).

thọ khô, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Nay các tỳ khuru, người nữ đã kết hôn khi đã đủ mười hai tuổi có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khô, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ mười hai tuổi nghĩa là chưa đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát,

hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa* a. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa* a. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa* a.

Khi chưa đủ mười hai tuổi, nhận biết là khi chưa đủ mười hai tuổi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa đủ mười hai tuổi, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *dukkaṭa* a. Khi chưa đủ mười hai tuổi, (lầm) tưởng là đã tròn đủ, vị ni tiếp độ thì vô tội.

Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, (lầm) tưởng là chưa đủ mười hai tuổi, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, nhận biết là đã tròn đủ thì vô tội.

Vị ni tiếp độ (người nữ đã kết hôn) khi chưa đủ mười hai tuổi (lầm) tưởng là đã tròn đủ, vị ni tiếp độ (người nữ đã kết hôn) khi đã tròn đủ mười hai tuổi (với sự) nhận biết là đã tròn đủ, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 7. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, Ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “*Này các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như*

vậy: “Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm.” Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy). Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên (như vậy) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ

mười hai tuổi tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy nên được nói rằng: “Cô hãy nói như vậy: Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống không vi phạm trong hai năm. —nt— Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời không vi phạm trong hai năm.” Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khuru ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai tuổi nghĩa là đã đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa a*.

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 7. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. Các tỳ khuru ni đã nói như vậy: - “Này các cô ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có sự cần dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép.” Các cô ni ấy đã nói như vậy: - “Này các ni sư, chúng tôi không phải là các cô ni tu tập sự. Chúng tôi là các tỳ khuru ni.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển

trách, Ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: -
“Này các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: -
“Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ.” Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. —nt— Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. —nt— Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

3. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy), là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.*

Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy), là

người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến cô ni tên (như vậy) là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khuru ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội pācittiya.”

4. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai tuổi nghĩa là đã đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa a*.

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng

Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*.
Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị
ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng
Pháp, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài
nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là
hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười
hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai
năm (và) đã được hội chúng chấp thuận, vị ni bị điên,
—nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 7. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Sau khi tiếp độ: sau khi cho tu lên bậc trên.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Không dạy dỗ: không tự mình dạy dỗ bằng cách đọc tụng, bằng sự thâm vấn, bằng sự giáo giới, bằng sự chỉ dạy.

Không bảo người dạy dỗ: không chỉ thị cho người khác. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm;” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có sự nguy hiểm, vị ni tìm cầu nhưng không đạt được, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

4. 7. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni không hầu cận ni sư tể độ đã tiếp độ cho trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại không hầu cận ni sư tể độ đã tiếp độ cho trong hai năm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni không hầu cận ni sư tể độ đã tiếp độ cho trong hai năm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại không hầu cận ni sư tể độ đã tiếp độ cho trong hai năm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào không hầu cận ni sư tể độ đã tiếp độ cho trong hai năm thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

3. **Đã tiếp độ cho:** đã cho tu lên bậc trên.

Ni sư tể độ nghĩa là vị ni là thầy tể độ được đề cập đến.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Không hấu cận: không tự mình hấu cận. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không hấu cận trong hai năm;” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni sư tể độ là vị ni ngu dốt hoặc không có liên hệ, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

4. 7. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly. Người chồng đã giữ lại.

Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly khiến người chồng đã giữ lại? Nếu vị tỳ khuru ni này đã ra đi thì người chồng không thể giữ lại được.” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly khiến người chồng đã giữ lại, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly khiến người chồng đã giữ lại vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly cho dầu chỉ là năm sáu do tuần thì phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Đã tiếp độ cho: đã cho tu lên bậc trên.

Không cách ly: không tự mình cách ly.

Không làm cho (vị ni ấy) được cách ly: không chỉ thị cho vị khác.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly cho dầu chỉ là năm sáu do tuần,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có trường hợp nguy hiểm, vị ni tìm kiếm nhưng không có được vị tỳ khuru ni thứ hai, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

Phẩm Sản Phụ là thứ bảy.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Người nữ mang thai, người nữ còn cho con bú, (học tập) về sáu pháp, chưa được chấp thuận, chưa đủ mười hai tuổi, và đã được tròn đủ, với hội chúng, người nữ đệ tử, đã được tiếp độ, và năm sáu do-tuần.

--ooOoo--

4. 8. PHẨM THIẾU NỮ

4. 8. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi. Các cô ấy không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiến trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi vậy? Này các tỳ khuru, thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, —nt— có khuynh hướng không cam chịu (các cảm thọ) ... chết người (thuộc về cơ thể đã sanh khởi). Này các tỳ khuru, thiếu nữ đã đủ hai mươi tuổi có khả năng chịu đựng đối

với sự lạnh, sự nóng, —nt— có khuynh hướng cam chịu (các cảm thọ) ... chết người (thuộc về cơ thể đã sanh khởi). Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ hai mươi tuổi nghĩa là chưa đạt đến hai mươi tuổi.

Thiểu nữ nghĩa là sa di ni được đề cập đến.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa*.

Khi chưa đủ hai mươi tuổi, nhận biết là chưa đủ hai mươi tuổi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm

tội *dukkaṭa* a. Khi chưa đủ hai mươi tuổi, (lâm) tưởng là đã tròn đủ, vị ni tiếp độ thì vô tội.

Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, (lâm) tưởng là chưa đủ hai mươi tuổi, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa* a. Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, nhận biết là đã tròn đủ thì vô tội.

Vị ni (lâm) tưởng là đã tròn đủ rồi tiếp độ (thiếu nữ) chưa đủ hai mươi tuổi, vị ni nhận biết là đã tròn đủ rồi tiếp độ (thiếu nữ) đã tròn đủ hai mươi tuổi, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 8. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, Ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “*Này các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến thiếu nữ mười tám tuổi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Thiếu nữ mười tám tuổi ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: “Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) thuộc về đại đức*

ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi. Đây là lời đề nghị.

3. Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi. Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến cô ni tên (như vậy) là thiếu nữ mười tám tuổi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

4. Thiểu nữ mười tám tuổi ấy nên được nói rằng: “*Cô hãy nói như vậy: Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống không vi phạm trong hai năm. —nt— Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời không vi phạm trong hai năm.*” Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khuru ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội pācittiya.”

5. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ hai mươi tuổi nghĩa là đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thiểu nữ nghĩa là vị sa di ni được đề cập đến.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chi định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭ a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭ a*.

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭ a*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭ a*.

Vị ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ hai.

--ooOoo--

4. 8. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. Các tỳ khuru ni đã nói như vậy: - “Này các cô ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có sự cần dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép.” Các cô ni ấy đã nói như vậy: - “Này các ni sư, chúng tôi không phải là các cô ni tu tập sự. Chúng tôi là các tỳ khuru ni.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi

khiến trách, Ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi ấy đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy: “Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ.”* Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

3. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.*

4. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô ni này tên (như vậy) thuộc về đại đức ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về*

sáu pháp trong hai năm (giờ) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến cô ni tên (như vậy) là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khuru ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội pācittiya.”

6. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ hai mươi tuổi nghĩa là đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thiểu nữ nghĩa là vị sa di ni được đề cập đến.

Hai năm: (thời hạn) hai năm.

Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa a*.

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (và) đã được hội chúng chấp thuận, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 8. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên). Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các vị ni đệ tử cũng ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên)?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên), có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên) vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên) thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ mười hai năm (thâm niên) nghĩa là chưa đạt đến mười hai năm (tỳ khuru ni).

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chi định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm (thâm niên), vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

4. 8. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận. Các vị ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các vị ni đệ tử cũng ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) lại tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) lại tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, Ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “*Này các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên).* Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Vị tỳ khuru ni đã tròn đủ mười hai năm (thâm niên) ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các tỳ khuru ni trưởng thượng, ngồi chồm

hôm, chấp tay lên, và nên nói như vậy: “*Bạch chư đại đức ni, tôi tên (như vậy) là tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ.*” Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng nên xác định vị tỳ khuru ni ấy rằng: “Vị tỳ khuru ni này có kinh nghiệm, có liêm sỉ.” Nếu là vị ni ngu dốt không có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nếu là vị ni ngu dốt có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nếu là vị ni có kinh nghiệm không có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nếu là vị ni có kinh nghiệm có liêm sỉ thì nên ban cho. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

3. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị ni này tên (như vậy) là tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị ni tên (như vậy) là tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên). Đây là lời đề nghị.*

4. *Bạch chư đại đức ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị ni này tên (như vậy) là tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị ni tên (như vậy) là tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên). Đại đức ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị ni tên (như*

vậy) là tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) xin im lặng; vị ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến vị ni tên (như vậy) là tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các tỳ khuru ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tròn đủ mười hai năm (thâm niên) khi chưa được hội chúng chấp thuận mà tiếp độ thì phạm tội pācittiya.”

6. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai năm (thâm niên) nghĩa là đã đạt đến mười hai năm (tỳ khuru ni).

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, vị ni sơ tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa a*.

Hành sự đúng Pháp, nhận biết là hành sự đúng Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, có sự hoài nghi, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*. Hành sự đúng Pháp, (lầm) tưởng là hành sự sai Pháp, vị ni tiếp độ thì phạm tội *pācittiya*.

Hành sự sai Pháp, (lầm) tưởng là hành sự đúng Pháp, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai Pháp, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Hành sự sai Pháp, nhận biết là hành sự sai Pháp, phạm tội *dukkaṭa a*.

Vị ni tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm (thâm niên) và được hội chúng chấp thuận, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 8. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Caṇḍakālī đi đến hội chúng và thỉnh cầu sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Khi ấy, hội chúng tỳ khuru ni đã xác định tỳ khuru ni Caṇḍakālī rằng: “Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ” rồi đã không ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Tỳ khuru ni Caṇḍakālī đã trả lời rằng: “Tốt thôi!” Vào lúc bấy giờ, hội chúng tỳ khuru ni đã ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến các tỳ khuru ni khác. Tỳ khuru ni Caṇḍakālī phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Chẳng lẽ chính tôi là kẻ ngu dốt, chính tôi là kẻ không có liêm sỉ hay sao? Bởi vì hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến các tỳ khuru ni khác mà không ban cho đến chính tôi.”

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Caṇḍakālī khi được nói rằng: ‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ’ đã trả lời: ‘Tốt thôi!’ sau đó lại tiến hành việc phê phán?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Caṇḍakālī khi được nói rằng: ‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ’ đã trả lời: ‘Tốt thôi!’ sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Caṇḍakālī khi được nói rằng:

‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ’ đã trả lời: ‘Tốt thôi!’ sau đó lại tiến hành việc phê phán vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào khi được nói rằng: ‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ: ‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô ban phép tu lên bậc trên.’ Khi đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni phê phán (hội chúng) đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi; vị ni bị điên; —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 8. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có cô ni tu tập sự nọ đã đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā và cầu xin sự tu lên bậc trên. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với cô ni tu tập sự ấy rằng: - “Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô.” Rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ. Sau đó, cô ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô,’ vị ni ấy sau đó không có trở ngại gì vẫn không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô: như thế thì ta sẽ ban phép tu lên bậc trên cho cô.

Vị ni ấy sau đó không có trở ngại gì: khi không có sự nguy hiểm.

Không tiếp độ: không tự mình tiếp độ.

Không ra sức cho việc tiếp độ: không chỉ thị cho người khác. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội pācittiya.

Khi có sự nguy hiểm, vị ni tìm cầu nhưng không đạt được, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 8. 8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có cô ni tu tập sự nọ đã đi đến gặp tỳ khuru ni Thullanandā và cầu xin sự tu lên bậc trên. Tỳ khuru ni Thullanandā đã nói với cô ni tu tập sự ấy rằng: - “Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô.” Rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ. Sau đó, cô ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô,’ vị ni ấy sau đó không có trở ngại gì vẫn không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ thì phạm tội pācittiya.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm: Nếu cô sẽ phục vụ hai năm (tròn đủ).

Như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô: như thế thì ta sẽ ban phép tu lên bậc trên cho cô.

Vị ni ấy sau đó không có trở ngại gì: khi không có sự nguy hiểm.

Không tiếp độ: không tự mình tiếp độ.

Không ra sức cho việc tiếp độ: không chỉ thị cho người khác. Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ không tiếp độ cũng

không ra sức cho việc tiếp độ,” khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *pācittiya*.

Khi có sự nguy hiểm, vị ni tầm cầu nhưng không đạt được, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tám.

--ooOoo--

4. 8. 9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẵn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác). Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẵn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác)?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẵn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác), có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẵn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác) vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẵn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác) thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đàn ông nghĩa là người nam đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thanh niên nghĩa là người nam chưa đạt đến hai mươi tuổi.

Thân cận nghĩa là thân cận bằng thân và khẩu không được đúng đắn.

Nhẫn tâm nghĩa là đề cập đến sự giận dữ.

Nguồn gây sầu khổ (cho người khác) nghĩa là người làm sanh khởi khổ đau, đem đến sự buồn rầu cho những người khác.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa a*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa a*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tế độ phạm tội

pācittiya, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkat a*.

Vị ni trong lúc không biết rồi tiếp độ, vị ni bị điên,
—nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

4. 8. 10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép. Cha mẹ và người chồng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự chưa được chúng tôi cho phép?” Các tỳ khuru ni đã nghe được cha mẹ và người chồng phản nản, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự chưa được cha mẹ hoặc người chồng cho phép thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Cha mẹ nghĩa là đề cập đến các bậc sanh thành.

Người chồng nghĩa là đã được đám cưới với người đó.

Chưa được cho phép: không có hỏi ý.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni trong lúc không biết rồi tiếp độ, vị ni sau khi xin phép rồi tiếp độ, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười.

--ooOoo--

4. 8. 11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, tỳ khưu ni Thullanandā (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ cô ni tu tập sự” rồi đã triệu tập các vị tỳ khưu trưởng lão lại, sau khi nhìn thấy nhiều vật thực loại cứng loại mềm lại giải tán các vị tỳ khưu trưởng lão (nói rằng): - “Thưa các ngài đại đức, tôi sẽ không tiếp độ cho cô ni tu tập sự lúc này.” Rồi đã triệu tập Devadatta, Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto rồi tiếp độ cô ni tu tập sự. Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ khưu) đang chịu hình phạt *parivāsa*?”¹ —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói tỳ khưu ni Thullanandā tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ khưu) đang chịu hình phạt *parivāsa*, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khưu, vì sao tỳ khưu ni Thullanandā lại tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ khưu) đang chịu hình phạt *parivāsa* vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt—

¹ Các vị tỳ khưu có tên ở trên có liên quan đến tội *saṅghādisesa* thứ 10 và 11 của tỳ khưu về việc chia rẽ hội chúng và xu hướng theo kẻ đã chia rẽ hội chúng (ND).

Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ khuru) đang chịu hình phạt *parivāsa* thì phạm tội *pācittiya*.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

3. **Với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ khuru) đang chịu hình phạt *parivāsa*:** với tập thể đã bị cách ly.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni tiếp độ với tập thể không bị cách ly, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười một.

--ooOoo--

4. 8. 12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ hàng năm, chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ hàng năm khiến chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ hàng năm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ hàng năm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ hàng năm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ hàng năm thì phạm tội pācittiya.”

3. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Hàng năm: mỗi năm.

Tiếp độ: cho tu lên bậc trên.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chi định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni tiếp độ cách năm, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười hai.

--ooOoo--

4. 8. 13. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni tiếp độ hai người trong một năm; theo như thế ấy chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi tương tự y như thế phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ hai người trong một năm; theo như thế ấy chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ hai người trong một năm?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni tiếp độ hai người trong một năm, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại tiếp độ hai người trong một năm vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tiếp độ hai người trong một năm thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong một năm: trong (thời hạn) một năm.

Tiếp độ hai người: cho tu lên bậc trên hai người.

Vị ni (nghĩ rằng): “Ta sẽ tiếp độ hai người” rồi tìm kiếm nhóm (tỳ khuru ni), hoặc vị ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, ni sư tể độ phạm tội *pācittiya*, nhóm (chứng minh) và vị ni tuyên ngôn phạm tội *dukkaṭa*.

Vị ni tiếp độ một người trong một năm,¹ vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười ba.

Phẩm Thiểu Nữ là thứ tám.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Hai điều về thiếu nữ, và (chưa được chấp thuận) bởi hội chúng, mười hai năm (thâm niên), và do vị được chấp thuận,

¹ Tổng hợp điều học này và điều học trước thì hai năm chỉ có thể tiếp độ một người (ND).

thôi đi (chưa phải lúc), (dâng) y, hai năm (hầu cận), vị ni thân cận, và (chưa cho phép) bởi chồng, các vị đang chịu hình phạt parivāsa, hàng năm, và với việc tiếp độ hai người.

--ooOoo--

4. 9. PHẨM DÙ DÉP

4. 9. 1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư sử dụng dù dép. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khưu ni lại sử dụng dù dép, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khưu ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại sử dụng dù dép?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư sử dụng dù dép, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khưu, vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại sử dụng dù dép vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khưu ni nào sử dụng dù dép thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ bị bệnh. Không có dù dấp vị ni ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép dù dấp đôi với vị tỳ khuru ni bị bệnh. Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru ni nào không bị bệnh sử dụng dù dấp thì phạm tội pācittiya.”

Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là không có dù dấp vị ni ấy vẫn thoải mái.

Bị bệnh nghĩa là không có dù dấp vị ni ấy không được thoải mái.

Dù nghĩa là có ba loại dù: dù trắng, dù bằng sậy, dù bằng lá được buộc theo vòng tròn.

Sử dụng: Vị ni sử dụng dẫu chỉ một lần (cũng) phạm tội pācittiya.

Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị ni sử dụng dù dếp thì phạm tội *pācittiya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị ni sử dụng dù dếp thì phạm tội *pācittiya*. Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị ni sử dụng dù dếp thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni sử dụng dù không (sử dụng) dếp thì phạm tội *dukkaṭa*. Vị ni sử dụng dếp không (sử dụng) dù thì phạm tội *dukkaṭa*. Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội *dukkaṭa*. Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị ni bị bệnh, vị ni mang trong tu viện, (mang) trong vùng phụ cận tu viện, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhất.

--ooOoo--

4. 9. 2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại di chuyển bằng xe, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại di chuyển bằng xe?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại di chuyển bằng xe vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào di chuyển bằng xe thì phạm tội pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ bị bệnh không thể đi bằng chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— *“Này các tỳ khuru, ta cho phép xe đôi với tỳ khuru*

ni bị bệnh. Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào không bị bệnh di chuyển bằng xe thì phạm tội *pācittiya*.”

3. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị ni ấy có thể đi bằng chân.

Bị bệnh nghĩa là vị ni ấy không thể đi bằng chân.

Xe nghĩa là xe bò, xe kéo, xe hàng, xe ngựa, kiểu khiêng, ghế khiêng.

Di chuyển: Vị ni di chuyển (bằng xe) dẫu chỉ một lần (cũng) phạm tội *pācittiya*.

Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị ni di chuyển bằng xe thì phạm tội *pācittiya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị ni di chuyển bằng xe thì phạm tội *pācittiya*. Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị ni di chuyển bằng xe thì phạm tội *pācittiya*.

Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội *dukkat a*. Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên,
—nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

4. 9. 3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ thường lui tới với gia đình của người đàn bà nọ. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với vị tỳ khuru ni ấy điều này: - “Thưa ni sư, xin hãy trao vật trang sức ở hông này cho người đàn bà tên này.” Khi ấy, vị tỳ khuru ni ấy (nghĩ rằng): “Nếu ta dùng bình bát đựng rồi đi thì ta sẽ không nhớ” nên đã buộc vào rồi đi. Khi cô ni ấy ở trên đường lộ, sợi chỉ bị đứt khiến (các vật kết vào) bị văng tung toé. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại mang vật trang sức ở hông, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Vị tỳ khuru ni ấy trong khi bị những người ấy chế giễu đã xấu hổ. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã đi về chỗ ngụ và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni ít ham muốn, —nt—, các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni lại mang vật trang sức ở hông?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni mang vật trang sức ở hông, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni lại mang vật trang sức ở hông vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào mang vật trang sức ở hông thì phạm tội pācittiya.”

2. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vật trang sức ở hông nghĩa là bất cứ loại gì quàng ở hông.

Mang: Vị ni mang vào đầu chỉ một lần (cũng) phạm tội pācittiya.

Do nguyên nhân bị bệnh, vị ni mang băng vải buộc ở hông, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4. 9. 4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đeo đồ trang sức của phụ nữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại đeo đồ trang sức của phụ nữ, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại đeo đồ trang sức của phụ nữ?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đeo đồ trang sức của phụ nữ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại đeo đồ trang sức của phụ nữ vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào đeo đồ trang sức của phụ nữ thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Đồ trang sức của phụ nữ nghĩa là vật đeo ở đầu, vật đeo ở cổ, vật đeo ở cánh tay, vật đeo ở bàn chân, vật đeo ở hông.

Đeo: Vị ni đeo vào đầu chỉ một lần (cũng) phạm tội *pācittiya*.

Do nguyên nhân bị bệnh, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ tư.

--ooOoo--

4. 9. 5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư tắm bằng vật thơm có màu sắc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại tắm bằng vật thơm có màu sắc, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng vật thơm có màu sắc?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư tắm bằng vật thơm có màu sắc, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng vật thơm có màu sắc vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tắm bằng vật thơm có màu sắc thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Vật thơm nghĩa là bất cứ vật gì có mùi thơm.

(Vật) có màu sắc nghĩa là bất cứ vật gì có màu sắc.

Tắm: Vị ni tắm, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa* a. Khi hoàn tất việc tắm phạm tội *pācittiya*.

Do nguyên nhân bị bệnh, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4. 9. 6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư tắm bằng bã dầu mè có tấm hương. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại tắm bằng bã dầu mè có tấm hương, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng bã dầu mè có tấm hương?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư tắm bằng bã dầu mè có tấm hương, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng bã dầu mè có tấm hương vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào tắm bằng bã dầu mè có tấm hương thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Có tâm hương nghĩa là bất cứ vật gì có tâm hương thơm.

Bã dầu mè nghĩa là xác hạt mè được đề cập đến.

Tắm: Vị ni tắm, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkatā*. Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội *pācittiya*.

Do nguyên nhân bị bệnh, vị ni tắm bằng bã dầu mè loại bình thường, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4. 9. 7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể). Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể), giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể)?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể), có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể), vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể) thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

(Bối) vị tỳ khuru ni: (bối) vị tỳ khuru ni khác.

Bảo xoa bóp: Vị ni bảo xoa bóp thì phạm tội *pācittiya*.

Bảo chà xát: Vị ni bảo thoa dầu (toàn thân) thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ bảy.

--ooOoo--

4. 9. 8-10.

ĐIỀU HỌC THỨ TÁM-CHÍN-MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni bảo cô ni tu tập sự xoa bóp và chà xát (cơ thể). —nt— bảo sa di ni xoa bóp và chà xát (cơ thể). —nt— bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể). Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể), giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể)?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể), có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể) vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể) thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô ni tu tập sự nghĩa là người nữ thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Sa di ni nghĩa là người nữ có liên quan đến mười điều học.

Người nữ tại gia nghĩa là đề cập đến người nữ ở gia đình.

Bảo xoa bóp: Vị ni bảo xoa bóp thì phạm tội *pācittiya*.

Bảo chà xát: Vị ni bảo thoa dầu (toàn thân) thì phạm tội *pācittiya*.

Vì nguyên nhân bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Các điều học thứ tám-chín-mười.

--ooOoo--

4. 9. 11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ khuru khi chưa hỏi ý. Các tỳ khuru phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ khuru khi chưa hỏi ý?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ khuru khi chưa hỏi ý, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ khuru khi chưa hỏi ý vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ khuru khi chưa hỏi ý thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Phía trước vị tỳ khuru: Phía trước người nam đã tu lên bậc trên.

Khi chưa hỏi ý: sau khi không xin phép.

Ngồi xuống trên chỗ ngồi: vị ni ngồi xuống cho đầu ở trên mặt đất cũng phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa được hỏi ý, nhận biết là chưa được hỏi ý, vị ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa được hỏi ý, có sự hoài nghi, vị ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa được hỏi ý, (lầm) tưởng là đã được hỏi ý, vị ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *pācittiya*.

Khi đã được hỏi ý, (lầm) tưởng là chưa được hỏi ý, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi đã được hỏi ý, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa a*. Khi đã được hỏi ý, nhận biết là đã được hỏi ý thì vô tội.

Vị ni hỏi ý rồi ngồi xuống trên chỗ ngồi, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười một.

--ooOoo--

4. 9. 12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI

1. Duyên khởi ở thành Sāvattthī: Vào lúc bảy giờ, các tỳ khuru ni hỏi câu hỏi đến vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước. Các tỳ khuru phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khuru ni lại hỏi câu hỏi ở vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni hỏi câu hỏi ở vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại hỏi câu hỏi ở vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào hỏi câu hỏi ở vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước thì phạm tội pācittiya.”

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa được thỉnh ý: không có hỏi ý.

Vị tỳ khuru: người nam đã tu lên bậc trên.

Hỏi câu hỏi: Sau khi đã thỉnh ý trước về Kinh, vị ni hỏi Luật hoặc Vi Diệu Pháp thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi đã thỉnh ý trước về Luật, vị ni hỏi Kinh hoặc Vi Diệu Pháp thì phạm tội *pācittiya*. Sau khi đã thỉnh ý trước về Vi Diệu Pháp, vị ni hỏi Luật hoặc Kinh thì phạm tội *pācittiya*.

Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị ni hỏi câu hỏi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị ni hỏi câu hỏi thì phạm tội *pācittiya*. Khi chưa hỏi ý, (lầm) tưởng là đã hỏi ý, vị ni hỏi câu hỏi thì phạm tội *pācittiya*.

Khi đã hỏi ý, (lầm) tưởng là chưa hỏi ý, phạm tội *dukkat a*. Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkat a*. Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội.

Vị ni hỏi sau khi đã thỉnh ý, vị ni hỏi bất cứ phạm vi nào sau khi đã thỉnh ý không giới hạn (phạm vi câu hỏi), vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười hai.

--ooOoo--

4. 9. 13. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru ni nọ không mặc áo lót¹ đã đi vào làng khất thực. Khi vị ni ấy đang ở trên đường lộ, các con gió xoáy đã hất tung y hai lớp lên. Dân chúng đã la lớn lên rằng: - “Ngực và bụng của ni sư đẹp!” Vị tỳ khuru ni ấy trong khi bị dân chúng chế giễu đã xấu hổ. Sau đó, vị tỳ khuru ni ấy đã đi về chỗ ngụ và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru ni không mặc áo lót lại đi vào làng?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói vị tỳ khuru ni không mặc áo lót đi vào làng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao tỳ khuru ni không mặc áo lót lại đi vào làng vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào không mặc áo lót đi vào làng thì phạm tội pācittiya.”

¹ Áo lót là một trong năm thứ y của tỳ khuru ni: Y hai lớp (*saṅghāṭi*), thượng y (*uttarāsaṅgo*), y nội (*antaravāsako*), áo lót (*saṅkacci-kam*), vải choàng tắm (*udakasāṭikā*). Năm thứ y này cần phải có khi tu lên bậc trên (*Cullavagga - Tiểu Phẩm* tập 2, TTPV tập 07, chương X, trang 515; TTVN tập 07, trang 372).

2. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Không mặc áo lót: thiếu đi áo lót.

Áo lót nghĩa là nhằm mục đích che kín phần dưới xương đòn (ở cổ) và phần trên lỗ rún.

Đi vào làng: Vị ni trong lúc vượt qua hàng rào của làng được rào lại thì phạm tội *pācittiya*. Vị ni trong lúc đi vào vùng phụ cận của làng không được rào lại thì phạm tội *pācittiya*.

Vị ni có y bị cướp đoạt, vị ni có y bị hư hỏng, vị ni bị bệnh, khi bị thất niệm, trong lúc không biết, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười ba.

Phẩm Dù Dếp là thứ chín.

--ooOoo--

Bạch chư đại đức ni, một trăm sáu mươi sáu điều *pācittiya* đã được đọc tụng xong.¹ Trong các điều ấy, tôi

¹ Lời giải thích của ngài Buddhaghosa về 166 điều học *pācittiya* của tỳ khuru ni được tóm lược như sau: Tổng số giới *pācittiya* của tỳ khuru ni là 166 điều, và đã được trình bày ở đây là 96 điều và 70 điều

hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Dù, và xe, vật trang sức ở hông, đồ nữ trang, vật thơm, bã dầu mè, vị tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, và vị sa di ni, với người nữ tại gia, khi chưa hỏi ý, việc thỉnh ý trước, với vị không mặc áo lót là mười ba.

còn lại là những điều đã quy định chung cho tỳ khuru và tỳ khuru ni được trình bày ở *Bhikkhuvibhaṅga - Phân Tích Giới Tỳ khuru*. Trong số 92 điều ung đôi trị của tỳ khuru, thay vì tìm 70 điều là phân quy định chung, chúng ta sẽ bớt đi 22 điều quy định riêng cho tỳ khuru gồm có: 10 điều thuộc phần giáo giới (21-30), 4 điều thuộc phần vật thực: Trường hợp vật thực thỉnh sau (33), thọ thực thức ăn không phải là đồ thừa (35), mời thức ăn không phải là đồ thừa rồi buộc tội (36), yêu cầu các loại vật thực thượng hạng (39); thêm vào 8 điều nữa là: Bố thí đến tu sĩ ngoại đạo (41), che giấu tội xấu xa (64), cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi (65), hẹn hò rồi đi chung đường xa với người nữ (67), đi vào hậu cung của đức vua (83), vào làng lúc sái thời chưa thông báo vị tỳ khuru hiện diện (85), tọa cụ (89), y choàng tắm mưa (92). Tổng cộng là 22 điều (VinA, iv, 947-948).

--ooOoo--

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM

*Tôi, và bóng tôi, lỏa thể, và liên quan việc nằm chung,
(nhà) triển lãm, tu viện, và sản phụ, thiếu nữ, dù và dép.*

Dứt phần nhỏ nhất.

--ooOoo--

5. CÁC ĐIỀU *PĀṬIDESANĪYA*

Bạch chư đại đức ni, tám điều *pāṭ idesanīya* này được đưa ra đọc tụng.

5. 1. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, vị tỳ khuru ni ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có các tỳ khuru ni bị bệnh. Các tỳ khuru ni thăm hỏi bệnh tình đã nói với các tỳ khuru ni bị bệnh điều này: - “Này các ni sư, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?” - “Này các ni sư, trước đây chúng tôi yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã cấm đoán,’ trong lúc ngần ngại nên không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “*Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru ni bị bệnh được yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng. Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:*

“Vị tỳ khuru ni nào không bị bệnh yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, vị tỳ khuru ni ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

4. **Vị ni nào:** là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có bơ lỏng.

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có bơ lỏng.

Bơ lỏng nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc bơ lỏng từ các loài thú nào có thịt được phép (thọ dụng).¹

Vị ni không bị bệnh yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkat a*. (Nghĩ rằng): “Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng” rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkat a*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pāṭ idesanīya*.

Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội *pāṭ idesanīya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội *pāṭ idesanīya*. Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội *pāṭ idesanīya*.

¹ Thịt của mười loài thú vị tỳ khuru không được dùng gồm có: thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (*Mahāvagga* - Đại Phẩm tập 2, TTPV 05, chương VI, các trang 37-42; TTVN tập 05, từ trang 32).

Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội *dukkaṭ a*. Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭ a*. Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị ni bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị ni thọ dụng phần còn lại của vị ni bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học Pāṭ idesanīya thứ nhất.

--ooOoo--

5. 2-8.

ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ HAI - THỨ TÁM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng. —nt— yêu cầu mật ong rồi thọ dụng. —nt— yêu cầu đường mía rồi thọ dụng. —nt— yêu cầu cá rồi thọ dụng. —nt— yêu cầu thịt rồi thọ dụng. —nt— yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng. —nt— yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?” Các tỳ khuru ni đã nghe được những người ấy phản nản, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khuru ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng?” —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng vậy? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, vị tỳ khuru ni ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có các tỳ khuru ni bị bệnh. Các tỳ khuru ni thăm hỏi bệnh tình đã nói với các tỳ khuru ni bị bệnh điều này: - “Này các ni sư, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?” - “Này các ni sư, trước đây chúng tôi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn đã cấm đoán,’ trong lúc ngần ngại nên không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru ni bị bệnh được yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. Và này các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Vị tỳ khuru ni nào không bị bệnh yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, vị tỳ khuru ni ấy nên thú nhận rằng: ‘Bạch chư đại đức ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.’”

4. Vị ni nào: là bất cứ vị ni nào —nt—

Tỳ khuru ni: —nt— vị ni này là ‘vị tỳ khuru ni’ được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có sữa đông. **Bị bệnh** nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có sữa đông. **Dầu ăn** nghĩa là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây *eraṇḍa*, dầu từ mỡ thú. **Mật ong** nghĩa là mật của loài ong. **Đường mía** nghĩa là được sản xuất từ cây mía. **Cá** nghĩa là loài di chuyển trong nước được đề cập đến. **Thịt** nghĩa là thịt của các loài thú nào có thịt được phép (thọ dụng). **Sữa tươi** nghĩa là sữa tươi từ loài bò, hoặc là sữa tươi từ loài dê, hoặc là sữa tươi từ loài trâu, hoặc là sữa tươi từ các loài thú nào có thịt được phép (thọ dụng). **Sữa đông** nghĩa là sữa đông của chính các loài thú ấy.

Vị ni không bị bệnh yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc tiến hành thì phạm tội *dukkaṭa*. (Nghĩ rằng): “Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng” rồi thọ lãnh thì phạm tội *dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *pāṭ idesanīya*.

Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội *pāṭ idesanīya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội *pāṭ idesanīya*. Không bị bệnh, (lầm) tưởng là bị bệnh, vị ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội *pāṭ idesanīya*.

Bị bệnh, (lầm) tưởng là không bị bệnh, phạm tội *dukkaṭa*. Bị bệnh, có sự hoài nghi, phạm tội *dukkaṭa*. Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị ni bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị ni thọ dụng phần còn lại của vị ni bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học Pāṭ idesanīya thứ tám.

--ooOoo--

5. Bạch chư đại đức ni, tám điều *pāṭ idesanīya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các điều Pāṭ idesanīya.

--ooOoo--

6. CÁC ĐIỀU *SEKHIYA*

Bạch chư đại đức ni, các pháp *sekhiyā* này được đưa ra đọc tụng.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khưu ni lại quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khưu ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau?” —nt— “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khưu, vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại quần y (nội) lòng thông phía trước và phía sau vậy? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và này các tỳ khưu, các tỳ khưu ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ mặc y (nội) tròn đều’ là việc học tập nên được thực hành.”

3. Nên mặc y nội cho tròn đều với việc che kín ở vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị ni nào mặc y nội lòng thông ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị ni không cố ý, khi thất niệm, vị ni không biết, vị ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị ni bị điên, —nt— vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthī, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, và khắc nhổ ở trong nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các tỳ khưu ni lại đại tiện, tiểu tiện, và khắc nhổ ở trong nước giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?” Các tỳ khưu ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các tỳ khưu ni nào ít ham muốn, —nt— các vị ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư lại đại tiện, tiểu tiện, và khắc nhổ ở trong nước?” Khi ấy, các tỳ khưu ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói

các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Nay các tỳ khuru, vì sao các tỳ khuru ni lại đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước vậy? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước’ là việc học tập nên được thực hành.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khuru ni như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ni bị bệnh ngăn ngại khi đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru ni bị bệnh được đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ ở trong nước. Và nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

“Ta sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước khi không bị bệnh’ là việc học tập nên được thực hành.”

5. Vị ni không bệnh không nên đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước. Vị ni nào không bị bệnh đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước do không có sự tôn trọng thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Vị ni không cố ý, khi thất niệm, vị ni không biết, vị ni bị bệnh, sau khi thực hiện trên đất rồi xối nước, trong

những lúc có sự cố, vị ni bị điên, vị ni có tâm bị rối loạn, vị ni bị thọ khổ hành hạ, vị ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.”

Điều học thứ mười lăm.

--ooOoo--

Bạch chư đại đức ni, các pháp *sekhiya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt Các Điều Sekhiya.

--ooOoo--

7. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

Bạch chư đại đức ni, bảy pháp dàn xếp tranh tụng này được đưa ra đọc tụng.

1. Nhằm đưa đến sự dàn xếp, nhằm đưa đến sự giải quyết các sự tranh tụng đã sanh khởi hoặc chưa sanh khởi, nên áp dụng cách hành xử Luật với sự hiện diện, nên áp dụng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên áp dụng cách hành xử Luật khi không diện công, nên phán xử theo sự thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cớ che lấp.

2. Bạch chư đại đức ni, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các đại đức ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư đại đức ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các Pháp Dàn Xếp Tranh Tụng.

--ooOoo--

3. Bạch chư đại đức ni, phần mở đầu đã được đọc tụng, tám điều *pārājika* đã được đọc tụng, mười bảy điều *saṅghādisesa* đã được đọc tụng, ba mươi điều *nissaggiya pācittiya* đã được đọc tụng, một trăm sáu mươi sáu điều *pācittiya* đã được đọc tụng, tám điều *pāṭidesanīya* đã được đọc tụng, các pháp *sekhiyā* đã được đọc tụng, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng. Bảy nhiều của đức Thế Tôn ấy đã được truyền lại trong giới bốn, đã được đầy đủ trong giới bốn, được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng. Chính tất cả (chư đại đức ni) nên học tập các điều học ấy với sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cò.

Phân Tích Giới Tỳ Khuru Ni được chấm dứt.

BỘ PĀCITTİYAPĀḬI ĐƯỢC CHẤM DỨT.

--ooOoo--

